



THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 124 bis rue de Flandre, 75019 Paris, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web : <http://www.thongluan.org> □ Directeur de publication: Vũ Thiện Hân

Xã luận

Chính quyền cộng sản Việt Nam nhượng bộ trước áp lực của thế giới?

Trong hai ngày 14 và 15-6-1998, cố đô Huế đã là địa điểm của một hội nghị quan trọng giữa chính quyền Việt Nam và các quốc gia và định chế tài trợ.

Hội nghị này đã là cơ hội để các quốc gia và định chế tài trợ giúp đỡ Việt Nam nhắc lại một cách quả quyết và gay gắt hơn những đòi hỏi cải tổ mà Việt Nam phải thực hiện nếu muốn được hỗ trợ: giảm nhẹ bộ máy nhà nước, giản dị hóa các thủ tục hành chánh, giải tư các xí nghiệp quốc doanh, chấp nhận thông tin tự do để doanh nhân có dữ kiện đầy đủ và kịp thời, cởi trói cho các xí nghiệp và nhất là ngân hàng, chấm dứt việc cấp tín dụng vì lý do chính trị, hạ giá đồng bạc Việt Nam.

Tất cả những cải tổ này Hà Nội đã từng cam kết với Quỹ Tiền tệ Quốc tế từ cuối năm 1997 nhưng đã không thực hiện. Hậu quả là các nguồn đầu tư đã suy giảm nặng, khoản trợ cấp 2.400 triệu USD mà các định chế quốc tế hứa hẹn đã hoàn toàn bị phong tỏa. Việt Nam chỉ còn sáu tháng để chứng tỏ thiện chí cải tổ nếu không muốn mất hẳn số tiền to lớn này.

Tại sao Hà Nội từ nhiều năm nay đã ngoan cố khước từ mọi khuyến cáo cải tổ? Đó là vì những cải tổ này tuy bề ngoài có vẻ thuần túy kinh tế nhưng thực ra mổ lối cho một chuyển hóa ma chóng về dân chủ và đưa tới sự đảo thải của chế độ độc tài đảng trị. Một thí dụ: Làm thế nào để có thông tin kinh tế đầy đủ và mau chóng mà vẫn kiểm duyệt chặt chẽ thông tin chính trị trong thế giới ngày nay mà chính trị và kinh tế đan xen chặt chẽ với nhau? Các biện

pháp cải tổ mà quốc tế đòi hỏi vừa nâng đỡ kinh doanh tư nhân vừa có tác dụng tách rời sinh hoạt kinh tế khỏi quyền lực chính trị. Nếu được thực hiện, chúng sẽ tăng cường chỗ đứng của xã hội dân sự và giảm dần vai trò khống chế của đảng cộng sản. Đảng cộng sản đã ý thức được điều đó ngay từ năm 1995. Nhiều tranh cãi sôi nổi trong nội bộ đã diễn ra và khuynh hướng bảo vệ chỗ đứng của đảng cộng sản ngay cả nếu phải hy sinh phát triển kinh tế đã thắng. Đại Hội VIII của đảng cộng sản, tháng 6-1996, đã là đại hội xiết lại, co cụm và chống đỡ.

Sự ngoan cố này đã khiến kinh tế Việt Nam bắt đầu khụng lại ngay từ năm 1996, suy sụp hơn nữa trong năm 1997 và chao đảo trầm trọng từ đầu năm 1998. Mặt khác, không may cho Hà Nội, cuộc khủng hoảng kinh tế tại Châu Á đã sắp đến, nó vừa là đòn kinh tế chí tử vừa là một sụp đổ của chủ trương phát triển bất chấp dân chủ mà Hà Nội coi như một ý thức hệ mới.

Không ai chạy trốn mãi được sự thật. Đời sống của nhân dân Việt Nam đã ngột ngạt, chống đối đã xảy ra ở khắp nơi. Thái Bình đã là một báo động phũ phàng. Chế độ đã bắt đầu rối loạn. Các con số trở thành vô nghĩa và khôi hài. Tháng 5-1998, ông Lê Khả Phiêu họp báo tuyên bố tình hình vẫn khả quan, tăng trưởng ở mức độ 8,7%; tháng 6 ông Phan Văn Khải tuyên bố tình hình rất khó khăn, tăng trưởng chỉ còn 6%. Các định chế quốc tế còn bi quan hơn nhiều. Chính quyền cộng sản một mặt nhìn nhận xuất khẩu của Việt Nam sang các nước Châu Á, chiếm hơn 60% tổng số xuất khẩu của

Việt Nam, đã giảm 48%, một mặt lại tuyên bố xuất khẩu vẫn còn gia tăng dù không một tiến bộ nào được ghi nhận trong khối lượng xuất khẩu sang các nước ngoài Châu Á.

Cuộc gặp gỡ tại Huế đã diễn ra trong một bối cảnh hoang mang tinh thần và tuyệt vọng về vật chất cho chế độ cộng sản. Không có gì đáng ngạc nhiên khi chính quyền cộng sản đã mau mắn một lần nữa cam kết thực hiện các khuyến cáo.

Tuy vậy chính quyền cộng sản có thực sự cải tổ không vẫn là một dấu hỏi. Nội bộ đảng cộng sản đang chia rẽ trầm trọng giữa hai chọn lựa. Một là thực hiện những cải tổ đòi hỏi và như thế mặc nhiên chấp nhận có thể thất bại trong trung hạn. Nhưng dù sao giải pháp này cũng bảo đảm an ninh và một chỗ đứng danh dự cho mọi người cộng sản. Hai là từ khước cải tổ và gia tăng đòn áp chính trị để bảo vệ chế độ, nhưng tình thế đã quá khó khăn để chọn lựa này có thể thành công. Còn một chọn lựa thứ ba, cũng là chọn lựa dở nhất là dùng dằng, lưỡng lự. Vốn thời gian của đảng cộng sản không còn bao nhiêu, tình thế sẽ tiếp tục bi đát và căng thẳng thêm, nội bộ đảng cộng sản sẽ ngày càng xung khắc gay gắt hơn và đảng có thể nổ bùng và tan vỡ.

Việt Nam đang đứng trước thay đổi rất lớn, nhiều hy vọng nhưng cũng nhiều ẩn số. Ẩn số lớn nhất là các lực lượng dân chủ Việt Nam có đủ bản lãnh để kết hợp lại hay không. Hơn lúc nào hết, đất nước cần một giải pháp thay đổi.

Thông Luận

Yen, yuan và đô la Mỹ

Vào giữa tháng sáu 1998, đồng yen Nhật tiếp tục mất giá trầm trọng, hơn 146 yen mới đổi được một đô la Mỹ, lôi cuốn sự mất giá hàng loạt, theo phản ứng dây chuyền, đồng tiền của các nước trong vùng Đông Nam Á, trừ đồng yuan của Trung Quốc và đô la Hồng Kông.

Cuộc khủng hoảng thứ hai này của tiền tệ Châu Á và những diễn biến của nó cho phép có những cái nhìn khác về tâm lý của dân Nhật, về vai trò mới là một cường quốc tài chính của Trung Quốc và mối liên minh giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc trong việc ổn định cuộc toàn cầu hóa tài chính thế giới.

Người Nhật rất lấy làm tự hào về tinh thần tròng lúa của dân tộc họ.

Tinh thần truyền thống tròng lúa này không giống như tại các nước nông nghiệp khác tại Châu Á. Tròng lúa không phải chỉ là công việc riêng của các nông dân mà là công việc chung của cả vùng. Cả làng tập trung toàn bộ sức lực của mọi gia đình để tiến hành công việc chung, theo phương thức các gia đình gần nhau hôm nay tập trung cấy lúa cho nhà này, mai cấy cho nhà khác. Gieo mạ vào mùa xuân và cấy lúa vào khoảng tháng sáu. Do đó vào thời điểm này, người ta có thể bắt gặp quang cảnh làm việc tập thể trên các cánh đồng ruộng nước. Vào tháng mười, tháng mười một lại đến mùa gặt. Công việc gặt hái cũng làm chung, các gia đình sống gần nhau hợp sức làm việc từ sớm tối tối. Khi gặt hái xong, lễ tạ ơn các vị thần ở từng vùng cũng được cả vùng tiến hành.

Tinh thần truyền thống cấy lúa tập thể này đã khẳng định truyền thống đoàn kết hoàn tất những công trình có lợi ích chung. Đó là truyền thống hiếm có tại các nước nông nghiệp và đã ảnh hưởng nhiều đến văn hóa Nhật. Đó là tinh thần đồng đội, kỷ luật, và quan niệm về giá trị tập thể, cùng chia sẻ vất vả và cùng chung hưởng niềm vui. Trái lại hoạt động tách rời tập thể bị ghét bỏ, dị nghị.

Tinh thần truyền thống tròng lúa

này đã được thực thi tại các xí nghiệp trong thời điểm kỹ nghệ hóa, nhất là sau đệ nhị thế chiến. Tại từng phân xưởng, các công nhân phát huy sức mạnh tập thể tương tự như các nông dân huy động sức lao động vào công việc nhà nông của vùng. Tinh thần này đã được áp dụng toàn diện trong hệ thống kinh tế quốc gia, thể hiện qua sự đoàn kết liên đới của ba diễn viên: ngân hàng, kỹ nghệ và Nhà Nước. Đó là lý do giải thích trong một chừng mực nào đó, chỉ trong vòng một thời gian rất ngắn, từ thập niên 70, Nhật Bản đã trở thành cường quốc kinh tế hạng nhì thế giới. Nhưng tâm lý dân Nhật đã thay đổi.

Cuộc khủng hoảng tiền tệ tại Nhật đã làm nhiều người tự tử. Số người tự tử đã tăng gấp ba lần so với năm trước. Theo thống kê, có hơn 24.000 người tự tử vì nhiều lý do khác nhau, trong đó có 3.500 người tự tử vì lý do kinh tế. Vì tiền lãi trong nước kém các nước ngoại quốc khác, tư bản trong nước bán tiền yen để mua ngoại tệ đầu tư trên các thị trường tây phương, làm gia tăng vận tốc mất giá của đồng tiền quốc gia. Tóm lại, người Nhật không còn tinh thần "tròng lúa truyền thống".

Tại Trung Quốc, có những lý do quan trọng về mặt quốc tế lẫn quốc nội, giải thích tại sao nước này đã cắn răn không phá giá đồng yuan, tuy rằng chính sách này gây nhiều thiệt hại cho xuất khẩu.

Lý do thứ nhất là chính phủ Chu Dung Cơ phải đối đầu với quốc nạn là các công ty quốc doanh với số tiền nợ lên đến một phần năm Tổng Sản Lượng Quốc Nội (GDP). Có hai trường phái chống đối trong cách giải quyết các công ty quốc doanh thua lỗ. Phái canh tân cho rằng phải giải quyết hoàn toàn, phải đổi mới ban lãnh đạo, thay đường lối quản trị chỉ huy bằng đường lối quản trị thị trường. Phái thủ cự lại muốn giữ quyền kiểm soát ưu tiên cho Nhà Nước, và chỉ muốn thực thi những cải tổ về mặt quản trị. Chính phủ Chu Dung Cơ có phần thiên về đường lối sau. Một

chính sách như vậy khó mà thành công, nhất là trong bối cảnh đại rối loạn của kinh tế các nước Đông Nam Á. Do đó, trong khi chờ đợi những biện pháp cứu nguy của các cường quốc tài chính, Trung Quốc đã giữ giá đồng yuan để cho cuộc khủng hoảng này không biến thành một "lỗ đen". Ngoài ra, thị trường chứng khoán còn non trẻ của Trung Quốc đòi hỏi một sự ổn định tiền tệ tối thiểu để phát triển và thu hút vốn.

Về mặt quốc tế, tham vọng muốn trở thành một cường quốc tài chính đã thúc đẩy Trung Quốc không thể đánh mất cơ hội nghìn năm một thuở. Đó là cơ hội chứng tỏ cho các nước trong vùng thấy rằng Trung Quốc đã có hào tâm không phá giá đồng yuan để cứu nguy kinh tế Đông Nam Á đang ở trong thời kỳ dưỡng bình sau cuộc khủng hoảng năm 1997.

Trong cuộc khủng hoảng tiền yen, Trung Quốc nhiều lần kêu gọi Hoa Kỳ can thiệp để cứu nguy. Nhưng Hoa Kỳ luôn luôn khẳng định là cuộc khủng hoảng này chỉ có thể giải quyết bằng các biện pháp cải tổ mạnh của kinh tế, tài chính Nhật chứ không bằng các cuộc mua bán trên thị trường tiền tệ quốc tế. Ngày 17-06-1998, bộ trưởng tài chính của Trung Quốc đã tuyên bố có thể phá giá đồng yuan, một vài giờ trước khi ngân hàng trung ương Hoa Kỳ và Nhật bỏ ra 6 tỷ đô la để mua tiền yen, hầu cứu vãn nó khỏi tụt dốc xuống vực thẳm. Trước viễn ảnh một Châu Á khủng hoảng trầm trọng nếu tiền yuan bị phá giá, tòa Bạch Ốc đã quyết định can thiệp. Hành động này đã nói lên vai trò và thế lực của Trung Quốc trên chính sách tài chính Hoa Kỳ.

Tổng thống Clinton trong chuyến công du Trung Quốc vào cuối tháng sáu 1998 đã phải miễn cưỡng tham dự cuộc tiếp rước tại Thiên An Môn và đón nhận danh dự của quân đội "nhân dân". Chính quân đội này đã đòn áp trong máu và nước mắt sinh viên và thanh niên trong "mùa xuân Bắc Kinh" tại quảng trường mà tổng thống Clinton được chào mừng với tất cả lễ nghi quốc khách. Đó là thành quả của chính sách đồng yuan mạnh. Các chính trị gia Trung Quốc không hổ là con cháu của chiến lược gia Tôn Tử.

Huỳnh Hùng

Một vòng quanh Châu Á

Nguyễn Phi Phụng

Chuyến công du Bắc Kinh của tổng thống Clinton

Chuyến công du chín ngày, từ 25-6 đến 2-7-1998, ở Trung Quốc của tổng thống Mỹ Clinton được mọi người chú ý. Đây là lần đầu tiên một tổng thống Mỹ đặt chân lên Trung Quốc sau biến cố Thiên An Môn năm 1989. Vị tổng thống cuối cùng viếng thăm Trung Quốc là ông Bush trong tháng 2-1989. Trong nhiệm kỳ lần thứ nhất (1992-1996), ông Clinton đã nhiều lần gặp ông Giang Trạch Dân ở các hội nghị thượng đỉnh APEC nhưng vẫn tránh thủ đô Bắc Kinh. Ngay ngoại trưởng W. Christopher cũng chỉ viếng thăm Bắc Kinh một lần trong năm 1994. Lý do là ứng cử viên Clinton đã đả kích thái độ của tổng thống Bush mà ông cho là thiếu cứng rắn đối với Bắc Kinh. Tiếp theo đó, vấn đề nhân quyền và Đài Loan (Hoa Kỳ mời ông Lý Đăng Huy, tổng thống Đài Loan, sang Mỹ và cho hạm đội 7 đến eo biển Đài Loan trong dịp bầu tổng thống tại Đài Loan) làm quan hệ giữa hai nước trở nên căng thẳng. Thái độ của Clinton hoàn toàn thay đổi trong nhiệm kỳ hai, nhân danh thực tế cần phải đổi thoại với Bắc Kinh nhưng phải nói thẳng. Ông Clinton đã chứng tỏ thái độ cương quyết này trong chuyến công du của ông Giang Trạch Dân sang Mỹ trong năm qua và nhân chuyến công du này của ông tại Bắc Kinh.

Trong năm qua, ông Clinton tuyên bố trước ông Giang là Bắc Kinh đã đi ngược trào lưu lịch sử qua biến cố Thiên An Môn năm 1989. Lần này Clinton cũng lập lại trước Đại Hội Đường Nhân Dân ngày 27-6: "Sự tàn sát nhân dân Trung Quốc đòi dân chủ là một sai lầm". Ông Giang ấp úng trả lời: "Nếu chính quyền lúc đó không lấy biện pháp cứng rắn thì Trung Quốc không có ổn định như ngày nay". Clinton đáp lại: "Nếu không có tự do sẽ không có ổn định lâu dài".

Điều mới là cuộc đối thoại giữa lãnh tụ hai đại cường quốc được đài truyền hình Bắc Kinh cho phát đi trực tiếp, dài 70 phút, để mọi người cùng theo dõi. Sau đó tổng thống Clinton đã gặp gỡ và trao đổi với sinh viên Đại Học Bắc Kinh và phát biểu trên đài truyền hình trước khi rời Bắc Kinh đi Thượng Hải. Tất cả mọi vấn đề đều được đề cập một cách thoải mái như

tự do, nhân quyền, Đài Loan và Tây Tạng đến thương mại v.v...

Phải nhìn nhận đây là một tiến bộ lớn của Bắc Kinh khi chấp nhận để một vị nguyên thủ quốc gia ngoại quốc đề cập đến những vấn đề từ trước đến nay được xem là chuyện "nội bộ" của Trung Quốc, hoặc là những điều cấm kỵ không cho dân chúng nói tới. Nếu những lập luận của ông Giang đã không thuyết phục được ai thì trái lại ông đã làm cho thế giới, ngay cả những người chống đối, ngạc nhiên về sự cởi mở vô tiền khoáng hậu này.

Địa vị của Giang Trạch Dân đã vững chắc? Đây là dấu hỏi lớn. Đã có nhiều người trong đảng chỉ trích ông Giang làm "mất mặt" Trung Quốc khi để ông Clinton lên án chế độ vi phạm nhân quyền trước công chúng. Báo Nhân Dân ngày hôm sau tường thuật hai vị nguyên thủ đã trao đổi quan điểm về nhân quyền và Tây Tạng nhưng không đưa thêm chi tiết. Người ta suy đoán có hai xu hướng đang tranh cãi trong nội bộ đảng cộng sản về việc này.

Chuyến đi của tổng thống Clinton ở Trung Quốc đem lại nhiều bất ngờ cho cục diện chính trị thế giới. Trước hết vì không còn bị ràng buộc trong nội bộ nên ông Clinton đã đặt lại nền tảng mới cho sự bang giao giữa hai nước. Về tự do nhân quyền, ông Clinton đã thành công khi chuyển thông điệp cho giới trẻ Trung Quốc và cho chính quyền hiện hữu rằng không có phát triển trường cửu nếu không có tự do. Về Tây Tạng, Clinton khuyên nhủ các nhà lãnh đạo Bắc Kinh nên đổi thoại với vị Đạt Lai Lạt Ma, một người chủ trương ôn hòa. Trái lại, về Đài Loan, Clinton đã làm cho Bắc Kinh hài lòng với thuyết "ba không". Ông nói Hoa Kỳ không ủng hộ lập trường có hai nước, không muốn Đài Loan trở thành độc lập cùng như thành viên của Liên Hiệp Quốc. Dù đây cũng chỉ là lập trường của Hoa Kỳ trong nhiều năm qua, nhưng lời tuyên bố chính thức của Clinton được coi như là một sự thay đổi thái độ của Mỹ. Đài Loan chắc chắn sẽ bị Hoa Kỳ áp lực để đổi thoại với lục địa mà hiện nay họ chưa muốn. Bắc Kinh cũng vừa chính thức mời ông Cố Chán Phủ (Ku Chen Pu), cố vấn chính trị của tổng thống Đài Loan và đồng

thời chủ tịch hội bang giao giữa hai bờ eo biển sang Bắc Kinh thương nghị vào tháng 9 sắp tới. Phản ứng của Đài Loan dĩ nhiên là phản nổ, cho rằng Hoa Kỳ và Trung Quốc không có "quyền" can thiệp vào chuyện nội bộ của Đài Loan. Về việc gia nhập tổ chức thương mại quốc tế của Trung Quốc, ông Clinton không hoàn toàn đóng cửa lại khi nói sẽ vận động cho Trung Quốc hưởng quy chế tối huệ quốc vĩnh viễn khi Trung Quốc gia nhập chính thức vào tổ chức này. Nhật Bản lại lo ngại trực Bắc Kinh-Hoa Thịnh Đốn tái lập như trong thập niên 1970.

Chuyến đi của ông Clinton sang Trung Quốc tuy không mang lại những thành quả đáng kể về thương mại nhưng đã gieo những mầm giống tốt cho tự do, dân chủ và nhân quyền tại đây phát triển. Hy vọng nhân dân Trung Quốc sẽ gặt hái được kết quả trong những ngày sắp tới.

Nam Dương hậu Suharto

Suharto ra đi trong sự phẫn khởi của quần chúng nhưng Nam Dương đang trôi dạt trên vùng biển mang đầy ẩn số chính trị và kinh tế.

Habibie, người "thừa kế" Suharto, trên nguyên tắc sẽ tiếp tục cầm quyền cho đến cuối năm 1999 trong ngày 11-6 vừa qua lại tuyên bố sẽ không ra ứng cử tổng thống. Thực tình ở Nam Dương chẳng ai muốn Habibie ở lại chính quyền, việc ông tuyên bố không ra tranh cử chỉ là một biến cố không đáng chú ý.

Dân chúng Nam Dương có để Habibie ở yên với chức vụ tổng thống đến cuối năm 1999 không? Hiện nay ông được tạm yên nhờ giải túc cầu thế giới đang tranh diễn ở Pháp mà phần lớn người Á Châu rất ham chuộng. Người ta cũng chưa thấy sự thành hình của đối lập dân chủ. Trưởng nữ của cựu tổng thống Sukarno, bà Sukarnoputri vẫn yên lặng vắng bóng trên chính trường. Lãnh tụ một hiệp hội Hồi giáo, ông Ramien Rais, không đại diện cho toàn thể nhân dân Nam Dương mặc dù ông đóng một vai trò đáng kể trong sự sụp đổ của chế độ Suharto.

Lực lượng chính trị chủ yếu của Nam Dương là quân đội. Quân đội trên lý thuyết tuân phục chính quyền dân sự nếu chính quyền này mạnh, ngược lại quân

đội sê lán áp khi chính quyền dân sự yếu. Trong quá khứ, quân đội đã lấn áp chính quyền dân sự của Sukarno để rồi giữ luôn trong ba thập niên dưới thời Suharto. Trong tình trạng hiện nay, chính quyền tạm thời của ông Habibie đang nắm trong tay của quân đội. Quân đội không có lý do gì từ bỏ mau chóng. Mỹ và Trung Quốc, hai cường quốc có ảnh hưởng lớn trong vùng, dường như cũng miễn cưỡng chấp nhận giải pháp quân đội với điều kiện phải thông qua một cuộc tổng tuyển cử.

Trong khi chờ đợi ngày bầu cử sắp tới, tình hình Nam Dương không sáng sủa. Tổng sản lượng quốc nội dự trù trong năm xuống dưới 10%. Đồng roupie giảm 80% trị giá so với đồng đô la Mỹ cách đây một năm. Các công trường xây cất ngưng hẳn hoạt động, ngân hàng tiếp tục đóng cửa, du khách vắng bóng. Nhiều xí nghiệp tạm thời ngưng hoạt động vì không tiền mua nguyên liệu. Nạn thất nghiệp chính thức lên đến 15 triệu người, nhưng theo giới thông thạo cho con số này có thể lên đến 35-40 triệu trên tổng số 70 triệu dân số lao động, tức trên 50%. Vật giá tăng từ 80 đến 100% làm đời sống dân chúng càng thêm bần cùng cơ cực. Nợ nước ngoài tăng thêm 80 tỷ USD vì đồng roupie mất giá. Nam Dương và IMF vẫn tiếp tục thương lượng.

Những tập đoàn lớn như của dòng họ Suharto và người Hoa dần dần bị phanh phui trên báo chí. Tập đoàn giàu nhất của ông Lâm Thiệu Lương (Liem Sioe Liang), người gốc Phúc Kiến với tài sản 15 tỷ USD, đang là "vật tế thần" cho sự phản nổ của dân chúng. Nhà ông và 122 chi nhánh ngân hàng OCDB (Overseas Chinese Development Bank) của ông trên toàn quốc bị dân chúng phá hủy trong tháng 5 vì bị nghi đã thông đồng với chính quyền Suharto. Kinh tế Nam Dương hoàn toàn bị té liệt, đó là "gia tài" của Suharto để lại cho đất nước.

Người ta đang lo ngại là dân chúng sẽ nổi loạn vì nghèo đói và quân đội chỉ chờ dịp đó để đảo chánh nắm chính quyền. Sinh hoạt dân chủ ở Nam Dương còn phải qua một đoạn đường khá dài. Tội của Suharto không nhỏ.

Kinh tế Hương Cảng trong tình trạng báo động

Một năm sau khi Trung Quốc thu hồi Hương Cảng, nền kinh tế của đảo ở trong tình trạng báo động. Đây không phải là lời chỉ trích của nhà đổi mới dân chủ, luật sư Lý Trụ Minh (Martin Lee), mà là từ

miêu của ông Đồng Kiến Hoa (Tung Chee Kwa), chủ tịch hành chính Đặc khu Hương Cảng, do Bắc Kinh bổ nhiệm vào trung tuần tháng 6-1998 vừa qua. Ông Giang Trạch Dân, nhân vật số một của Bắc Kinh, đã có dịp mắt thấy tai nghe trong chuyến viếng thăm Hương Cảng ngày 1-7 khi dự lễ kỷ niệm ngày thu hồi Hương Cảng và lễ khánh thành một bộ phận của phi trường quốc tế Xích Lạp Giác (Chek Lap Kok) vừa hoàn tất trên đảo Lan Tau.

Phi trường mới này với tổn phí 20 tỷ USD có thể tiếp 80 triệu hành khách/năm thay phi trường Khải Đức (Kai Tak) chỉ có khả năng tiếp nhận 20 triệu khách/năm. Chương trình xây cất phi trường Xích Lạp Giác đã dự trù cách đây nhiều năm và đã được Bắc Kinh và Luân Đôn phê chuẩn. Nhưng không ai dự liệu là du khách hiện nay đã hụt đi 1/4 mà đa số (60%) là người Nhật, du khách các nước Á Châu khác không còn khả năng du lịch.

Ngày 1-7-1997 là ngày lịch sử của Trung Quốc vì đã rửa được cái nhục sau hơn một thế kỷ ruồi bị người Phương Tây khống chế. Vì vậy, Bắc Kinh đã tổ chức lễ thu hồi được diễn ra rầm rộ khắp nơi với cờ xí và pháo bông trong sự vui buồn lo âu lẫn lộn của quần chúng. Năm nay, Giang Trạch Dân trở lại một mình trong nỗi buồn đơn độc. Lần này Bắc Kinh không cho phô trương biểu diễn tôn kính quỷ nhà nước. Ông Đồng Kiến Hoa hoàn toàn có lý!

Hương Cảng năm nay không còn như Hương Cảng năm qua. Từ khi thị trường chứng khoán Hương Cảng suy giảm nặng trong tháng 10-1997, nền kinh tế ngày càng xuống dốc. Mức tăng trưởng kinh tế đã dưới số âm (- 2%) trong 3 tháng đầu năm 1998, ngân quỹ thâm hut 21 tỷ HKD (2,7 tỷ USD), tỷ số thất nghiệp chính thức tăng 4% (một con số chưa bao giờ có), trị giá cục ốc giảm 40%. Hiện tượng đáng lo ngại hơn là một số công ty lớn hay ngân hàng nước ngoài đã đóng cửa rút đi nơi khác như Air France, Deutsche Bank, v.v... Một số tiệm buôn cũng trong tình trạng nói trên vì thương vụ giảm 15%. Số tiền ngoại quốc gửi Ngân hàng Hương Cảng bị rút ra đến hơn 10 tỷ USD. Điều này chứng tỏ giới đầu tư ngoại quốc không còn tin tưởng vào nền kinh tế của đảo. Hàng hóa lục địa quá cảnh qua Hương Cảng cũng bị giảm 20% từ khi Bắc Kinh cho phép xuất nhập thẳng với Đài Bắc không cần qua Hương Cảng. Hương Cảng được phồn thịnh trong nhiều thập

năm là nhờ dịch vụ, 83% sinh hoạt kinh tế. Hương Cảng đang trả một giá rất đắt vì Bắc Kinh vẫn cương quyết, vì lý do chính trị, giữ giá cố định đồng đô la HK so với đô la Mỹ (7,74 HKD=1 USD) trong khi thực tế không cho phép.

Trước tình trạng kinh tế nguy kịch, ông Đồng Kiến Hoa đưa ra trong tháng 6 một chương trình xây cất 80.000 gia cư trị giá trên 4 tỷ USD. Giải pháp này đã làm bất mãn giới tài phiệt đã từng ủng hộ ông Hoa, vì 60% giá cư sẽ dành cho thành phần nghèo với giá rẻ. Về chính trị, ông Đồng Kiến Hoa cũng không thành công hơn. Sau khi cho đổi thẻ thúc đầu phiếu để cố ý ngăn chặn dân chủ đổi lập vào Hội đồng Lập pháp (Legco), đảng Dân chủ lại chiếm 70% ghế trên tổng số 20 ghế theo thể thức phổ thông đầu phiếu và một phần ba ghế ở Hội đồng Lập pháp. Trước thắng lợi ngoài sức tưởng tượng này, chủ tịch đảng Dân chủ là ông Lý Trụ Minh đòi Bắc Kinh phải tổ chức phổ thông đầu phiếu cho toàn bộ Hội đồng Lập pháp và Hành pháp. Ngoài ra nhân dân Hương Cảng yêu cầu Bắc Kinh cho họ tổ chức tưởng niệm vụ đàn áp ở Thiên An Môn năm 1989. Hai nhân vật chống đối bị trục xuất, Ngụy Kinh Sinh và Vương Dan, có dịp phát biểu qua màn ảnh. Cựu bí thư của Triệu Tử Dương là ông Bào Đồng (Bao Tong), bị xử 7 năm tù ở, cũng đã tuyên bố qua thông tấn xã Reuter rằng Đặng Tiểu Bình là người trách nhiệm duy nhất trong vụ đàn áp ở Thiên An Môn. Ông Đồng còn đòi tự do ngôn luận và giảm bớt quyền lực của Đảng Cộng sản Trung Quốc và kết luận rằng: "Với một chính quyền không chịu bất cứ một sự kiểm soát nào, đảng cộng sản có thể trở thành một lực lượng có những phản ứng khó lường và phi lý trong cách giải quyết những vấn đề nội bộ hay quốc tế".

Đảo Hương Cảng từ một "khối đá cằn cỗi" biến thành nơi "gà đẻ trứng vàng" có khả năng duy trì lâu dài sự phồn thịnh không? Kinh nghiệm từ một năm qua không cho phép khẳng định điều này!

Phi Luật Tân có tổng thống mới

Từ khi chế độ độc tài Marcos sụp đổ năm 1986, Phi Luật Tân dần dần trở lại chế độ dân chủ dù là một nền dân chủ chưa hoàn hảo. Trong 12 năm qua nhân dân Phi Luật Tân đã bầu hai lần tổng thống, bà Cory Aquino (1986-1992) và ông Fidel Ramos (1992-1998). Tháng 5 vừa qua, họ lại vừa bầu một tổng thống mới, ông Joseph Estrada, cựu phó tổng thống.

Trong hơn hai thập niên dưới chế độ độc tài và tham nhũng của Marcos, Phi Luật Tân được ví như "một bệnh nhân của Á châu". Trong nước loạn lạc nhiều nơi, kinh tế trì trệ, tham nhũng trở thành quốc nạn, đổi lập dân chủ không có chỗ đứng. Thượng nghị sĩ đổi lập Begnino Aquino bị chính quyền Marcos ám sát tháng 8-1983 khi vừa về tới phi trường Manila sau khi đi duодng bệnh ở Hoa Kỳ. Sự kiện này mở đầu cho cuộc cách mạng bất bạo động của nhân dân Phi Luật Tân. Bà Cory Aquino đã thay chồng đứng ra ứng cử tổng thống và thắng. Nhưng thời kỳ của bà Aquino cũng chỉ là thời kỳ quá độ chuyển sang dân chủ. Vì không phải là một nhà chính trị, bà đã không có những thành quả xuất sắc. Phải đợi tới nhiệm kỳ của ông Ramos, Phi Luật Tân mới thực sự đi lên. Trong thời gian ông cầm quyền, tăng trưởng kinh tế, tuy có kém hơn các nước lân bang, cũng đạt gần 6%. Nợ nước ngoài bắt đầu được hoàn trả dần. Trong nước, tình hình chính trị trở lại bình thường và ổn định. Quân đội tòng phục các chính quyền dân sự, các tướng lãnh ra ứng cử và trở thành nghị sĩ hay dân biểu quốc hội thay vì tổ chức đảo chính nắm chính quyền. Các phong trào vũ trang ly khai Hồi giáo hay du kích cộng sản chấp nhận đối thoại với chính quyền. Như các nước Á Châu trong vùng, Phi Luật Tân cũng bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng tài chính, nhưng tình trạng không đến đói bi quan như ở Nam Dương, Thái Lan hay Đại Hàn. Đồng peso chỉ mất 35% trị giá so với đồng USD cách đây đúng một năm thay vì từ 50% đến 80% như tại các nước khác trong vùng. Mức tăng trưởng kinh tế trong năm 1998 cũng chỉ giảm đi phân nửa (từ 2,5% đến 3%) thay vì -10% ở Nam Dương hay -3% ở Thái Lan. Một dấu hỏi lớn của nhân dân Phi Luật Tân là khả năng lãnh đạo của tân tổng thống J. Estrada.

Dù có một quá trình chính trị dày dặn (từng là thị trưởng, thượng nghị sĩ và phó tổng thống), ông Estrada không có trình độ học vấn cao. Người trong nước ví ông như một R. Reagan Phi Luật Tân vì xuất thân từ một diễn viên màn ảnh hạng hai trong thập niên 60. Ông lại nổi tiếng là bợm rượu và có nhiều con... không chính thức. Người ta nói ông Estrada đã thắng cử (40% phiếu so với 16% của cựu chủ tịch quốc hội, ông De Venecia) nhờ giỏi đóng kịch vì ông ví mình như một "anh hùng Lương Sơn Bạc" hay một "Robin Hood" đấu tranh cho người nghèo, mà số người nghèo có tới một phần ba trên 70

triệu người còn sống dưới mức nghèo khổ ở Phi Luật Tân.

Một vấn đề lớn mà ông Estrada phải đương đầu là số nợ nước ngoài lên đến 45 tỷ USD và nợ trong nước là 50 tỷ trong khi ngân quỹ gần như khô cạn. Tuy nhiên ông Estrada cũng đã qui tụ được nhiều cố vấn, chuyên gia và bộ trưởng có khả năng lấy lại lòng tin của các nhà đầu tư ngoại quốc.

Dân chủ là phải chấp nhận kết quả của thùng phiếu dù người lãnh đạo không phải là người mình mong muốn.

Yen và Yuan

Thoạt nhìn, đồng Yen của Nhật và đồng Yuan (nhân dân tệ) của Trung Quốc chẳng có liên hệ với nhau. Nhưng thực ra đó là hai anh em song sinh! Người anh cảm, người em sốt.

Trong cơn phong bão về tiền tệ ở Á Châu, các đồng tiền của các nước Nam Dương, Thái Lan, Mã Lai, Phi Luật Tân và Đại Hàn bị giảm từ 30% đến 80%. Kinh tế của các quốc gia này phần lớn tùy thuộc Nhật Bản vì nước này có nhiều công nghiệp tại chỗ và cũng là ngân hàng cho vay. Nhật xuất cảng công nghiệp nặng như xe hơi hay các máy móc, trang bị kỹ thuật cao sang các nước này. Khi kinh tế các nước này suy giảm, nền xuất cảng của Nhật cũng suy giảm theo. Mức tăng trưởng của Nhật trong nhiều năm qua đã không tăng lên mà còn giảm dưới số âm. Đồng yen do đó cũng bị giảm so với đồng đô la Mỹ.

Đồng nhân dân tệ của Trung Quốc, vì lý do chính trị, vẫn giữ mức 8,3 yuan bằng 1 USD. Hàng hóa xuất cảng của Trung Quốc không những trở thành đắt đỏ đối với các nước Á Châu mà cả với Nhật Bản. Cần nhắc lại là một phần tư xuất cảng của Trung Quốc là sang Nhật Bản và 40% còn lại là ở các nước Á Châu, do đó nền xuất cảng của Trung Quốc tùy thuộc một phần lớn vào các nước Á Châu và Nhật Bản. Trong nhiều năm qua, mức độ tăng trưởng của nền kinh tế Trung Quốc vượt ngoài hai số, nhưng đến năm 1997 thì tụt xuống 8,8% và dự trù cho năm nay là 8%. Trong ba tháng đầu năm 1998, tỷ lệ này chỉ đạt gần 7,2% so với cùng thời kỳ, và theo dự báo của các chuyên gia con số này sẽ ở mức 6%.

Hiện nay tại Trung Quốc đang có sự tranh cãi về chính sách tiền tệ giữa hai phe: phe của thủ tướng Chu Dung Cơ và phe của Lý Băng.

Phe của thủ tướng Chu Dung Cơ và hai người trung thành với ông là bộ trưởng tài

chính Hướng Hoài Thành (Xiang Huai Cheng) và thống đốc ngân hàng Đới Tương Long (Dai Xiang Long), chủ trương không phá giá đồng nhân dân tệ. Họ cho rằng Trung Quốc ngày nay phải có thái độ trách nhiệm của một cường quốc trong vùng. Một sự phá giá đồng nhân dân tệ sẽ làm cho nền kinh tế của các nước lân bang trở nên chao đảo mà hậu quả chính trị sẽ khó đo lường, Hương Cảng theo đó cũng có thể phá giá đồng đô la của họ. Dự luật quốc tế nhất là Hoa Kỳ sẽ có thái độ tiêu cực về Trung Quốc trong khi rất cần Mỹ để giải quyết vấn đề Đài Loan. Do đó, trong nhiều tháng, họ lần lượt tuyên bố là sẽ không phá giá. Nhưng khi đồng yen của Nhật tiếp tục bị hạ giá xuống dưới mức 140 yen ăn một USD, những lời lý luận của họ giảm dần trọng lượng. Giữa tháng 6, thống đốc Đới Tương Long tuyên bố: "Sự hạ giá của đồng yen có ảnh hưởng tiêu cực cho nền xuất nhập của Trung Quốc và sự lưu chuyển tiền tệ", trong khi phó thủ tướng Ngô Bang Quốc (Wu Bang Guo) nhấn mạnh rằng: "Số tăng trưởng 8% dự trù cho năm nay sẽ có khó khăn nhưng có thể đạt được". Tờ Thời Báo Kinh tế, một tạp chí do chính phủ Bắc Kinh kiểm soát lại đi xa hơn trong lời bình luận: "Trung Quốc không thể là nước duy nhất tránh khỏi nạn khủng hoảng tiền tệ ở Á Châu".

Phe bảo thủ, đứng đầu là Lý Băng, cho Trung Quốc phải phá giá đồng nhân dân tệ. Lý luận đưa ra là Trung Quốc không thể thực hiện các cải tổ kinh tế nếu mức tăng trưởng dưới 8%. Làm sao giải quyết đời sống cho 30-40 triệu nhân công bị sa thải ở các xí nghiệp quốc doanh, đó là chưa nói đến 180 triệu nông dân đang sống lang thang ở các thành phố và tạo thêm 20 triệu công ăn việc làm mới cho những thanh niên vừa gia nhập vào thị trường lao động? Thoáng nhìn thì lý luận này thuận về kinh tế, nhưng thực chất là chính trị. Phe bảo thủ sợ bần cùng sinh đao tặc.

Trong bối cảnh khủng hoảng tiền tệ còn có thể còn kéo dài trong nhiều năm và các dự án phục hồi kinh tế của Nhật chưa đem lại kết quả, Trung Quốc có khả năng duy trì lập trường trách nhiệm nhưng đầy ẩn ý hay như một con thuyền đang bị bão táp mà bánh lái không còn dùng được nữa? Giới thông thạo cho rằng Bắc Kinh đang tìm cái cơ quan trọng để phá giá đồng nhân dân tệ mà không bị mất mặt trong vòng không quá sáu tháng tới.

Nguyễn Phi Phụng

Tù mù được mãi ư?

* Những đòi hỏi giản đơn * Tù mù...ism * Cửa ải hiểm nghèo * Mũi tiến công lý thú *

* Dân chủ và thời đại chia tay với tù mù *

Cầm quyền ở Việt Nam lúc này thật rát mặt. Ở trong nước người dân biu môi, chê trách, khinh thị vì thói cửa quyền, nhũng nhiễu, tham ô. Tiếp khách quốc tế phải trợ mặt ra tiếp nhận những lời chỉ trích, phê phán về nạn giấy tờ tùy tiện, thi hành pháp luật mờ ám, cải cách không dứt khoát. Trên trường quốc tế, chính quyền Việt Nam trở nên nổi tiếng về chế độ đàn áp chính trị và tôn giáo, về vi phạm nhân quyền, về chống tự do báo chí...

"Trong sáng" là gì?

Gần đây, Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF) kiến nghị với chính quyền Việt Nam là cần cải tổ gấp ngành ngân hàng với nội dung công khai hóa các khoản vốn và cho vay, tên khách nợ, danh sách nợ khó đòi... Ngân Hàng Thế Giới (WB) yêu cầu Hà Nội sớm công bố các khoản thu chi của ngân sách, các khoản nợ nước ngoài cũng như nợ đến hạn... Các nhà kinh tế quốc tế cũng như báo chí các nước phản nản rằng trong thời mở cửa mà Việt Nam vẫn còn thi hành một chế độ *bưng bít thông tin kinh tế*, những số liệu công bố khi thì sai lạc, khi thì chậm trễ, có lúc trái ngược nhau, không đáng tin cậy.

Từ ngày mở cửa cách đây hơn mươi năm, danh từ *trong sáng* ngày càng trở nên phổ cập, được nhắc đến ngày càng nhiều trên sách báo, trong các cuộc họp. Từ điển tiếng Việt luôn bỗng xung ý nghĩa của từ này. Tiếng Việt chưa có từ nào gói gọn được ý nghĩa đầy đủ của từ *transparency* (tiếng Anh), *transparence* (tiếng Pháp) hay *glasnost* (tiếng Nga)... Nó mang ý nghĩa khá rộng: chính xác, đầy đủ, không bị làm méo mó, sai lạc; trung thực, không có định kiến; không bóp méo, thêm bớt, tô hồng, bôi đen, cắt xén, xuyên tạc; phản ánh đúng sự vật như nó có. Tiếng Việt thường nói "trong như pha lê", không gợn chút bụi bặm làm sai lạc hình ảnh phản chiếu, là theo nghĩa ấy. Trong sáng đi liền với *công khai*, công bố đàng hoàng mọi sự thật, không che giấu, úp mở, cũng gắn bó với đức tính *thật thà*, *trung thực*, chân thật, ngược lại với tệ dối trá, lừa bịp...

Một chính quyền coi trọng sự *trong sáng* là một chính quyền tin ở dân, tự tin

ở mình, một chính quyền ngay thẳng, đàng hoàng, trong sáng, được nhân dân tín nhiệm và quốc tế kính nể, tin cậy. Đó là một chính quyền *mạnh*, dám nhìn thẳng vào sự thật, dù là những sự thật đáng lo, đáng buồn.

Một chính quyền quay lưng với sự *trong sáng*, duy trì chủ trương úp úp, mở mở, đẹp phô ra, xấu xa đậy lại, sỉ diện hão, tự hào dởm, che giấu sự thật, xuyên tạc sự thật... là một chính quyền xa dân, khinh dân và sợ dân, một chính quyền *yếu*, không thể có trọng lượng trên trường quốc tế. Đó là một chính quyền lạc lõng, luôn bị cô lập giữa thời đại ngày nay, khi sự *trong sáng* được đặt trên hàng đầu của tư cách một quốc gia.

Khi đất nước còn "đóng cửa", tự giam mình trong một thế giới riêng, thực hiện kinh tế tự túc tự cấp, gắn mình với một phe trong chiến tranh, chủ trương che giấu sự thật chưa phải là điều tệ hại nhất. Khi mở cửa rồi, tỏ ý định hòa nhập với thế giới, dựa vào nguồn đầu tư từ nước ngoài để phát triển thì thực hiện *trong sáng* là một *điều kiện hàng đầu* để hòa nhập và phát triển, cố tình vi phạm sự *trong sáng* là một chủ trương tệ hại, dẫn đến hậu quả khôn lường, có thể triệt tiêu mọi thành tựu đổi mới và tự dân đến chỗ bế tắc trên con đường phát triển.

Chủ nghĩa tù mù...ism

Ngược lại trong sáng là *tù mù*. Tù mù nghĩa là không rõ ràng, không minh bạch. Một sự vật, sự việc tù mù thường bị nhìn nhận sai lạc, méo mó, bị một màn khói lừa dối, giả tạo bao bọc, do đó mà đẹp, xấu, hay, dở bị lẩn lộn, cao quý và thấp hèn không phân minh, có khi lẩn lộn tội phạm với nạn nhân, tiến bộ với lạc hậu, phải trái nhầm lẫn.

Một chế độ chính trị độc đoán, mang nặng bản chất phong kiến, cai trị bởi những người ít hiểu biết thế giới, ít có quan hệ với thế giới bên ngoài, luôn có khuynh hướng đóng cửa, khép kín và thi hành một thứ "*chủ nghĩa tù mù*", không minh bạch, không công khai. Có sống ít lâu giữa không khí công khai của những nước đã phát triển, có nè nẹp thông tin

trong suốt, mới cảm thấy ghê sợ cái "*chủ nghĩa tù mù*". Sống ở đáy giếng, luôn tự hào là chỉ có một mình ta là tự do nhìn thấy ánh mặt trời, tự coi mình là nhất thiên hạ, ta là chiến sĩ tiên phong của loài người, là anh hùng độc đáo... Anh hào quang giả tạo che giấu hết sự thật phủ phàng để người ta yên lòng sống trong hoang tưởng. Do sống trong tù mù nên trên lừa dưới, dưới bịa trên, các báo cáo đều hay, đọc lên đều kêu nhưng thật ra là rỗng. Các đại hội đảng các cấp đều mở hội liên hoan, mỗ trâu bò, lợn gà, hàng trăm, ngàn vòng hoa, cờ xí rợp trời, pháo nổ đì đùng, các báo cáo đều vang động, các nghị quyết đều hay, vỗ tay àm ĩ, nhưng điều tù mù tiếp theo là... không nghị quyết nào được thực hiện tốt đẹp cả. Dân đối nghèo vẫn hoàn toàn đối với nghèo, mức sống vẫn ở mức thấp nhất của thế giới. Người dân nghe nói đến tự do quá nhiều nhưng thật ra vẫn chưa biết hết tự do của công dân là những gì.

Từ khi đổi mới, *chủ nghĩa tù mù* đã bị đẩy lùi nhiều bước quan trọng, do chính những khẩu hiệu của đảng cộng sản đề ra: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra; hoặc nói thật, nói thẳng, nói hết... Các báo cáo của chính phủ đã buộc phải nêu lên những vấn đề khó khăn, những yếu kém về kinh tế tài chánh, những nguy cơ tụt hậu, tham nhũng trở thành quốc nạn... Phiên họp của quốc hội kỳ đầu năm nay, đã thảo luận về những yếu kém của hệ thống ngân hàng, tiền "đồng" mất giá, khả năng cạnh tranh của hàng Việt Nam quá yếu, vốn đầu tư từ bên ngoài giảm lớn, vốn tư nhân chưa được huy động, nợ quốc gia chồng chất trong khi ảnh hưởng của giông bão tài chánh Châu Á đã ập đến...

Thế nhưng những vấn đề tồn tại lớn nhất đều liên quan đến cái môi trường *tù mù* còn bao bọc đất nước. Các cụ lanh đạo đất nước quen sống quá lâu trong bóng tối, mới chỉ cho dân sống trong cảnh "*nhuôm nhuộm*", tranh tối tranh sáng, đã vội lu loa rằng thế là sáng quá rồi. Thế nhưng đối với những người am hiểu thời thế, hiểu rõ một chế độ trong sáng là như thế nào thì dân Việt Nam vẫn còn bị bắt buộc phải sống trong cảnh tù mù nguy hiểm, và nước Việt Nam còn phải vươn lên mạnh mẽ

theo hướng dân chủ hóa, công khai hóa mới hòa nhập được với thế giới hiện đại.

Những yêu cầu cấp bách về trong sáng

Sự kiện Thái Bình, Đồng Nai, Nam Định; sự bất ổn của nông thôn Bắc Trung Nam gần đây nói lên điều gì? Nông dân yêu cầu phải công khai hóa việc thu thuế, thu tiền và chi tiêu ở làng xã, nghĩa là xóa bỏ bọn cướp ngày, bọn cường hào mới hoành hành dựa vào quyền lực đảng của dòng họ ở các xã; họ đòi phải thủ tiêu cái môi trường *tù mù* ở nông thôn, làm bậy mà báo cáo hay, thu tiền không có biên nhận, chi phí không có biên lai, dân không được biết, không được bàn, chỉ phải làm, còng lưng cho bọn cường hào mới hưởng. Cái tù mù lớn nữa là người dân đã phát hiện từ lâu bọn tội phạm này, gửi hàng nghìn đơn tố cáo, khiếu nại, thế nhưng tất cả đều bị xếp xó, chìm sâu vào im lặng do các thế lực ở huyện, tỉnh và trung ương cố tình bao che, bênh vực. Tức nước ắt vỡ bờ là vậy.

Vừa qua, nhiều vị lãnh đạo cấp cao xuống Thái Bình xem xét, nhiều cuộc họp mở ra bàn về nề nếp dân chủ ở nông thôn, thế nhưng làm sao tạo được môi trường trong sáng ở các làng xã khi ở trung ương, *chủ nghĩa tù mù* còn tồn tại dai dẳng và nặng nề trên các mặt kinh tế, tài chính, xã hội và đặc biệt là về chính trị?

Cái tù mù đang ngự trị ngay trong đường lối xây dựng đất nước, trong cái "*định hướng xã hội chủ nghĩa*" mà không có nghị quyết nào chỉ ra được nội dung rõ ràng cả. Đã có hàng trăm bài luận văn về chủ nghĩa xã hội đăng trên báo của đảng, nhưng càng đọc thì cái hình dáng của nó càng thêm mờ mờ, ảo ảo, càng thêm tù mù, dị dạng...

Việc thi hành pháp luật là một lĩnh vực *tù mù* lớn. Chỉ riêng việc xử án tham nhũng ở Liên Hiệp Dệt Nam Định thì các câu hỏi, các vấn đề này sinh ra sau vụ xử án lại nhiều hơn trước khi xử. Bà con Nam Định đặt ra một loạt câu hỏi mới: 3 án tù chung thân, 10 án từ 1 đến 20 năm tù đã công bằng chưa? Có đê sót tội phạm không? Số nợ mà bọn tội phạm để lại đến 293 tỷ đồng, ai sẽ gánh chịu vì mỗi tên chỉ phải bồi hoàn một tỷ đồng? Kế toán trưởng Trần Ngọc Vinh khai rõ số tiền hối lộ bọn chúng đấm mõm các quan chức cấp cao nhất của ngành ngân hàng là gần 6 tỷ, vậy đó là những ai? Tại sao 27 người có liên quan đến vụ án mà đến 17 người không ra hầu tòa? 24 nhân chứng của toàn vụ án mà sao có đến 20 người vắng mặt?

Mặc dù Bộ Nội Vụ - nay là Bộ Công An - có trong tay danh sách những kẻ nhận hối lộ từ Liên Hiệp Dệt Nam Định, tại sao không một ai trong số ấy phải ra tòa để đối chất? Đó phải chăng là các ngài kẽnh: đứng đầu chính quyền và đảng bộ tỉnh, bộ trưởng, thứ trưởng, tổng cục trưởng, tổng giám đốc ở Hà Nội đã được một màn khói bao che, bảo vệ, để giữ uy tín cho "nhà nước ta, cho đảng ta"! Dân Nam Định thật chí lý khi nói rằng "bom Pháp, bom Mỹ không phá nỗi nhà máy, thế mà bọn quan chức của đảng và nhà nước ở đây đã tàn phá tanh bành khu công nghiệp này với sự đồng lõa của các cụ!".

Ngành xử án, ngành tư pháp tù mù dai dẳng là dễ hiểu, vì cho đến nay ông bộ trưởng Bộ Tư Pháp vẫn không phải là ủy viên trung ương đảng, vẫn đứng ngoài cơ quan lãnh đạo đất nước, trong khi ngành công an có đến hơn một chục người ở trong trung ương, có người là phó thủ tướng thứ nhất kiêm thống đốc Ngân Hàng Nhà Nước. Cái dùi cui luôn đặt cao hơn cán cân công lý.

Trong đối ngoại, quan hệ với Hoa Kỳ vẫn tù mù, chưa hết thù, chưa thành bạn sê còn kéo dài đến thế kỷ sau.

Trong sáng, minh bạch về đường lối phát triển đất nước, về thu chi tài chính, thuế má của nhân dân, về thực thi luật pháp và công bằng xã hội, đang là đòi hỏi cấp bách của toàn xã hội, của nông thôn và thành thị hiện nay.

Thế giới lên tiếng đòi trong sáng

Gần đây, nhiều tiếng nói quốc tế vang lên đòi *Việt Nam phải trong sáng*. Hạ Viện Mỹ xếp Việt Nam vào một trong số 23 nước đàn áp tôn giáo, có thể phải bị trừng phạt. Chính quyền Hà Nội phát cuồng lên, thanh minh ngay là ở Việt Nam tôn giáo được tự do (!) thế nhưng các vị tu hành bị tù, bị quản thúc rành rành ra đó, họ chối sao được.

Tổ Chức Quốc Tế Bảo Vệ Các Nhà Báo và Phóng Viên Không Biên Giới vừa kể tên Việt Nam trong số các nước *đàn áp các nhà báo*, ngăn cản tự do thông tin trong nước và quyền thông tin quốc tế.

Báo cáo hàng năm của Bộ Ngoại Giao Mỹ năm nay lại xếp Việt Nam trong số những nước mà nhân dân *không có đầy đủ quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận và tự do báo chí*; ở Việt Nam còn có tù chính trị.

Tháng 6 vừa qua, PERC (Political Economical Risks Consultancy, cơ quan tham vấn về rủi ro chính trị và kinh tế) xếp

Việt Nam ở vị trí cao nhất về rủi ro cho các nhà đầu tư ngoại quốc. Họ chấm điểm theo thang bậc 10 điểm và cho Việt Nam 9,33 điểm, nghĩa là gần như rủi ro tuyệt đối, ở trên Trung Quốc (7 điểm), trên cả Miến Điện, Thái Lan... và nhận xét Việt Nam là nước thiếu tính công khai nghiêm trọng nhất, tin tức bị bưng bí và kiểm duyệt ngặt nghèo nhất. (Ở Việt Nam báo nước ngoài thường bị bôi đen từng chữ, từng câu, từng đoạn - một kiểu kiểm duyệt thô bạo và vô văn hóa nhất).

Cũng mới đây, khi nhà báo Đoàn Viết Hoạt được Hiệp Hội Báo Chí Quốc Tế tặng thưởng *Ngòi Bút Vàng* với lễ trao tặng trọng thể ở Kobe (Nhật Bản) do bà Đoàn Viết Hoạt tiếp nhận, Hà Nội qua người phát ngôn Bộ Ngoại Giao Nguyễn Thúy Thanh tro trên nói liều rằng: "Ở Việt Nam chỉ có tù hình sự". Đó chỉ là một sự chống chế gượng gạo làm trò cười cho thiên hạ. Thà ngậm mồm còn hơn. Cố gậy tù mù trước một sự việc rõ ràng giữa thanh thiên bạch nhật. Mấy tháng trước, ông tướng Suharto ở Nam Dương cũng thanh minh: "Chúng tôi không có tù chính trị". Thị nay cháy nhà ra mặt chuột, đã có gần một trăm tù chính trị được tự do và gần 600 tù chính trị sê được trả tự do. Còn Suharto thì may lắm mới thoát được một án tù về tham nhũng, một tội phạm hình sự. Một cảnh thú vị *khi tù mù tan biến*.

Cũng giữa tháng 6 vừa qua, tại cố đô Huế, các nước cung cấp viện trợ cho Việt Nam, cùng với IMF, WB, ADB (Ngân Hàng Phát Triển Châu Á) công khai yêu cầu Việt Nam phải *cải tổ gấp một bước mới*, coi đó là điều kiện để họ tiếp tục giúp đỡ. Một nội dung cải tổ là *công khai hóa, trong sáng hóa* thông tin kinh tế, tài chính, ngân hàng, ngân sách, các khoản nợ, hiệu quả đầu tư... Như để nhấn mạnh yêu cầu cấp bách này, để răn đe trước, ông Clare Short, bộ trưởng phát triển quốc tế của chính phủ Anh, thông báo Anh Quốc đã *cắt bớt 15 triệu đô la* trong số 45 triệu đô la nhằm xây cầu lớn bởi vì hiệu quả xây quá thấp, lại quá ư chậm trễ, sử dụng tiền tù mù, không rõ ràng. Ngân Hàng Phát Triển Châu Á (ADB) vừa rút lại 62 triệu đô la cho đê án dân nước ở Sài Gòn do những điều tù mù về tài chính. Đây chỉ là hai sự trùng phẹt đầu tiên để cảnh cáo.

Cuộc tiến công của các thế lực dân chủ

Nhân dân, lao động đòi trong sáng, minh bạch. Dư luận thế giới yêu cầu chính quyền Việt Nam trong sạch, minh bạch, trả lại tự do cho tù chính trị, cho các

nha báo, các nha tu hành. Các nha đầu tư, các thê chế tài chánh quốc tế cũng yêu cầu Việt Nam phải rõ ràng, minh bạch trong thông tin kinh tế... Các chiến sĩ dân chủ tiêu biểu ở trong nước như ông Trần Độ, ông Nguyễn Thanh Giang, ông Hà Sĩ Phu, ông Nguyễn Hộ, ông Hoàng Minh Chính và vô vàn nha kinh doanh, nha kinh tế, nha luật học, xã hội học; cũng lên tiếng đòi công khai, trong sáng, minh bạch, rõ ràng trên mọi mặt của đời sống xã hội. Không thể nói bùa là không có tù chính trị mà cả thế giới đều rành rõ là có, là không ít, với danh sách, tên tuổi hẳn hoi. Không thể mở phiên tòa, xử án mà xử không nghiêm, không công bằng, trị tội người này, bênh che người khác.

Thời đại ngày nay là thời đại của thông tin, của máy tính điện tử, các dữ kiện chuẩn xác đầy ắp trong các đĩa ghi nhỏ, thông tin nhanh như chớp, mỗi sự việc đều được ghi nhận, mô tả chi ly với vô vàn chi tiết, con số, gắn bó với nhau để so sánh, đối chiếu, khẳng định. Thế giới thông tin hiện đại đối nghịch với sự tù mù, nhấp nhảng, ám ố, không rõ ràng, mờ ảo, ám muội.

Yêu cầu của sự trong sáng, minh bạch là yêu cầu của tuổi trẻ, của trí tuệ, ham mê khoa học và sự thật, nhanh nhạy với mỗi bước tiến của thời đại. Tuổi trẻ nua nhà đang thao thức vẩn hỏi thế hệ đàn anh: "Sao lầm điều tù mù trong lịch sử đất nước làm vậy?". Và tuổi trẻ đang cố thu thập tin tức, dữ kiện để tìm cho ra sự thật, những sự thật mà thế lực tự nhận là "lãnh đạo đất nước" cố dìm trong hỏa mù của che giấu và xuyên tạc. Có những đề tài, luận án đang làm say mê tuổi trẻ có ý thức về vận nước như: sự thật trong vụ Nhân Văn Giai Phẩm; sự thật trong vụ án xét lại chống đảng; sự thật trong các trại cải tạo sau 1975; sự thật trong sự kiện thuyền nhân; đã có bao nhiêu đồng bào bị chết trên biển cả khi di tản? vì sao quốc nạn tham nhũng không giảm? có hay không có tự do tôn giáo, tự do báo chí ở Việt Nam? đảng cộng sản hiện nay là động lực phát triển hay là vật cản phát triển của đất nước? đã có dân chủ ở Việt Nam hay chưa? xây dựng dân chủ có thể tránh được hỗn loạn không?...

Mũi tiến công lý thú

Dánh tan hỏa mù, giành lấy ánh sáng của sự thật, xây dựng sự trong sáng, minh bạch trong nếp sống xã hội là một nhu cầu cấp bách, là mũi tiến công lợi hại để xây dựng đất nước, phát triển đất nước hiện

tại. Đẩy lùi tù mù từng bước, loại bỏ chủ nghĩa tù-mù-ism tồn tại dai dẳng đang được đặt ra trong chương trình nghị sự nước nhà một cách cấp bách. Họ không thể cứ tù mù được mãi.

Đây là mũi tiến công phối hợp của bà con nông thôn, thành thị ở trong nước, ăn khớp với yêu cầu của công luận quốc tế, hòa cùng với những kiến nghị của các tổ chức quốc tế có thế lực lớn nhất, gắn liền với đòi hỏi nghiêm nghị của các nước đầu tư và chủ nợ. Họ muốn ì nhưng không thể ì. Họ muốn lờ nhưng không thể lờ. Họ bị ép từ bốn phía. Khủng hoảng khu vực Châu Á tạo thêm sức ép lớn. Độc tài Nam Dương sụp đổ cảnh báo họ. Trì hoãn để mua thời gian thì vốn thời gian từng bị họ hoang phí quá nhiều, không còn dự trữ nữa. Thời gian đang cấp bách. Nợ đến hạn đã lên đến hai tỷ đô la hoặc hơn nữa, nợ quốc gia đang vượt quá 20 tỷ đô la, gần bằng giá trị tổng thu nhập quốc dân trong một năm (nợ bằng 60% giá trị tổng thu nhập quốc gia đã là một món nợ kinh khủng!). Lời hứa danh dự năm 2000 đạt thu nhập bình quân 400 đô la (chỉ là mức cao hơn mức nghèo khổ đôi chút, Liên Hiệp Quốc xác định mức thu nhập hàng năm 365 đô la, tức mỗi ngày một đô la, là ngưỡng cửa của nghèo khổ) xem ra vẫn còn xa vời.

Chúng ta, các chiến sĩ dân chủ ở trong và ngoài nước, hãy theo dõi chặt chẽ tình hình đất nước, ghi nhận những thành tựu mà nhân dân ta phấn đấu gian nan mới giành được, đề ra yêu cầu trong sáng và minh bạch đối với chính quyền độc đoán, phơi bày ra ánh sáng những hỏa mù lừa dối và xuyên tạc sự thật, góp phần lành mạnh hóa nếp sống của xã hội. Trong sáng và minh bạch là thông điệp đấu tranh của các lực lượng dân chủ đang trỗi dậy, họp với trào lưu tiến bộ của thế giới ngày nay. Trong sáng và minh bạch đang đi những bước vững chắc trên một đất nước đầy hỏa mù của quá khứ, giả thật lẫn lộn, đúng sai chẳng rõ ràng.

Việt Nam ta hẹn với thế kỷ 21 trình diện một Việt Nam chân thật, trong sáng, có một lương tâm dân tộc trọng sự thật, yêu chuộng công lý, tự do, gắn bó với thời đại.

Bùi Tín

Hãy đọc và cổ động
Thông Luận

**Hãy ủng hộ
những người mắc nạn vì dân chủ!
Hãy hưởng ứng
Nghĩa hội Đoàn Viết Hoạt!**

Được thành lập từ 1994 với mục đích bảo vệ các tù nhân chính trị và những người bị cô lập vì lập trường dân chủ, Nghĩa hội Đoàn Viết Hoạt đã can thiệp với các chính phủ và các tổ chức thiện nguyện và giúp đỡ về mặt vật chất gia đình các nạn nhân. Trong bốn năm qua, Nghĩa hội Đoàn Viết Hoạt đã giúp các gia đình này gần 150 ngàn quan Pháp.

* Hội viên tích cực: 200 FRF
(hay 40 USD) mỗi năm

* Hội viên ân nhân: 500 FRF
(hay 100 USD) mỗi năm

Tại Pháp: Vietnam Libertés, 11 Mail Le Corbusier, 77185 Lognes, France.
Ngân phiếu xin đền: Vietnam Libertés.

Tại Đức: Herr Nguyen Thanh Luong, Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main, Germany. Ngân phiếu xin đền: Nguyen Thanh Luong.

Tại Úc: Mr TS DUONG, PO Box 99 First Floor, 16-20 Greenfield Pde, Bankstown - NSW 2200, Australia.
Ngân phiếu xin đền: T.S.DUONG.

**Liên Minh Dân Chủ Việt Nam
Câu lạc bộ Thân hữu Thông Luận
với sự tham gia của các báo
Thiện Chí, Cánh Эн (của cộng đồng
người Việt Đông Âu cũ),
Hiệp hội Dân chủ và Phát triển và
Hiệp hội Nhân quyền Quốc tế
kính mời quý vị tham dự
buổi thảo luận
Việt Nam Việt Nam**

với các chủ đề

- Tai sao phải phi chính trị hóa Nhân quyền?
- Tình hình Việt Nam có gì mới?
- Tuổi trẻ Việt Nam đã dấn thân...

Chủ nhật 20-9-1998
từ 10 đến 18.30 giờ
(có bán thức ăn trưa tại chỗ)

Hội trường d'Artagnan
80 rue Vitruve - 75020 Paris
Métro:
Porte de Bagnolet & Porte de Montreuil

Muốn thấy thiên đường xã hội chủ nghĩa, phải đến Canada, đừng đến Cuba

Tôn Thất Thiện

Tôi định cư ở Canada đã 23 năm. Lúc mới đặt chân xuống xứ này, tất nhiên tôi có một số cảm nghĩ cá biệt. Nhưng sau một thời gian hòa nhập vào đời sống địa phương, những cảm nghĩ ấy cũng mờ đi. Tuần vừa qua, một sự kiện làm tôi nhớ lại một số những cảm nghĩ đó, đặc biệt là điều sau đây: chúng ta đã nghe các lãnh tụ và các cơ quan tuyên truyền của Đảng Cộng Sản Việt Nam nói đến những điều hay điều đẹp mà chủ nghĩa xã hội (công sản) sẽ mang đến cho dân Việt Nam trong tương lai. Trong khi đó, trên lý thuyết, Canada là một nước tư bản chủ nghĩa, nhưng trên thực tế nó lại là một nước xã hội chủ nghĩa, vì mọi công dân Canada đã được hưởng thực sự những điều mà lãnh tụ cộng sản Việt Nam chỉ hứa hẹn với dân chúng.

Tôi nhớ lại cảm nghĩ trên đây nhân dịp đọc trong báo *New York Times* (bài của Anthony de Palma, "It's Everything Castro Promised, on Lake Ontario", số ra ngày 11-6-1998) về một người dân Cuba vừa được trả tự do nhờ sự can thiệp của Đức Giáo Hoàng Jean-Paul II và được Canada nhận cho tị nạn. Người đó tên Guillermo Sambra, năm 1993 bị bắt và bị kết án 8 năm tù vì tội phát tài liệu vận động tuyển cử trong đó có câu: "Chính quyền Castro nói chủ nghĩa xã hội hay là chết", chúng tôi nói không chủ nghĩa xã hội, mà cũng không chết. Chỉ không chấp nhận Castro thôi". Lúc đó anh ta mới 19 tuổi. Anh ta là con một nhà văn và đạo diễn nhở PEN Club (Hội Văn Bút) Canada can thiệp nên được thả và định cư tại Canada.

Canada: một thế giới đảo lộn so với Cuba

Sau 27 năm sống trong bít bùng, không được hay biết gì ở bên ngoài, suốt ngày chỉ được nghe radio và TV nhà nước nói cái gì ở Cuba cũng tuyệt vời, về phương diện gì Cuba cũng hơn thế giới, đặc biệt là chỉ ở Cuba mới có chế độ "medicare" (y tế miễn phí), đời sống ở Hoa Kỳ và các nước tư bản rất thê thảm, thiếu thốn, anh Guillermo nói rằng từ ngày anh ta đặt chân xuống đất Canada, anh có cảm tưởng đi vào một thế giới

"đảo lộn" so với Cuba. Ở Toronto, thủ đô của Ontario nơi anh định cư, khi anh qua đường thì xe ô tô ngừng lại nhường cho anh đi. Trong trí anh, ô tô tiêu biểu cho một cái gì cứng chắc, có sức lực lớn, thế mà phải nhường bước cho anh vì anh là con người. Sức Mạnh nghiêng mình trước Con Người! Chỉ về phương diện quan niệm thôi, đối với một người dân Cuba, sống trên đất Cuba, đây là một chuyện không thể có. Trong chế độ Cuba, một chế độ cộng sản, Sức Mạnh không khi nào nhường bước cho Con Người!

Rồi trong những ngày ở Canada, anh ta thấy nhiều chuyện khác mà lúc còn ở Cuba anh ta không tưởng tượng được: đi bác sĩ không tốn tiền (tệ ra không phải chỉ ở Cuba mới có như vậy, như anh nghe nói hết ngày này qua ngày khác). Anh và gia đình được hưởng tất cả những bảo hiểm và dịch vụ xã hội khác, như tất cả mọi người công dân Canada. Những gì anh thấy làm cho anh tưởng mình đang mơ: các tiệm đầy ắp hàng hóa, ngôn luận tự do, y tế miễn phí, giáo dục trẻ em miễn phí, có công viên cho trẻ em, tất cả những gì mà Castro hứa hẹn nhân dân Cuba sẽ có nhờ chủ nghĩa xã hội.

Thân phụ của Guillermo tóm tắt tình trạng trên như sau: "Tôi có nói với một người bạn rằng tất cả những gì mà Castro hứa với nhân dân Cuba là chủ nghĩa cộng sản sẽ đem lại hiện nay Canada đã có. Như vậy, chính ở Canada mới thực sự có chủ nghĩa cộng sản! Vậy thì chúng ta ở Cuba đã hy sinh biết bao xương máu để làm gì? Tại sao lại phải khổ cực như thế?".

Canada mới thực sự là một nước xã hội chủ nghĩa

"Chính Canada mới thực sự là một nước xã hội chủ nghĩa" cũng là điều mà tôi viết trong thư cho một người bạn thân ở Việt Nam năm 1975, chỉ vài tuần sau khi tôi đến Canada. Đó là kinh nghiệm của bản thân tôi. Nhờ cha con Sambra nay tôi nhớ lại. Nó như sau:

Khi tôi và gia đình đến trường bay Dorval, nhân viên Sở Di Trú tiếp đón chúng tôi rất nhã nhặn. Sau khi kiểm tra

giấy tờ xong, ông ta nói: "Bienvenue au Canada!" (Mừng quý vị vào Canada). Những tuần sau đó chúng tôi đi làm thủ tục để hưởng tất cả bảo hiểm xã hội, các thủ dịch vụ miễn phí kể cả đi khám bịnh và mua thuốc không mất tiền, con ghi tên học tiếng Pháp miễn phí mà lại thêm có ô tô buýt đến tận nhà sáng đón đi học chiều đưa về.

Rồi sau một thời gian ngắn tôi được thâu nhận dạy về thông dịch và Anh ngữ ở Đại Học Trois Rivières. Sau này tôi mới được một đồng sự cho biết rằng tôi đã được lựa chọn trong số ba người chung kết, mà hai người kia cũng có bằng tiến sĩ và lại là người da trắng, nhưng tôi được chọn vì ban giám đốc xét tôi là người có nhiều kinh nghiệm về thông dịch hơn cả. Nghĩa là tôi hoàn toàn không bị kỳ thị về chủng tộc.

Hai năm sau, khi tôi được đặc cách vào ngạch, một đồng sự tôi nói: "Bây giờ địa vị anh vững như đồng, anh không thể nào bị mất việc trừ trường hợp anh tràn trường chạy lung tung trong khuôn viên nhà trường!". Đó là do Đại Học và công đoàn giáo sư Trois Rivières cứ mỗi ba năm lại ký một hợp đồng lao động, và một trong những điều căn bản là chức nhiệm giáo sư có quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận và lựa chọn chính trị tuyệt đối. Cho nên trong giới giáo sư Đại Học Trois Rivières có đủ xu hướng chính trị, nhưng chẳng ai sợ bị theo dõi hay trù áp cả.

Về lương bổng, tôi được hưởng thâm niên về tất cả những năm tôi hoạt động trong lãnh vực công và tư trước khi tôi gia nhập Đại Học Trois Rivières. Khi đến tuổi hưu trí, tôi được lãnh ba loại hưu bổng: hưu bổng của giáo sư Đại Học Quebec, nhiều hay ít tùy theo mức lương và thâm niên; phụ cấp cao niêm của chính phủ tỉnh Quebec và phụ cấp cao niêm của chính phủ Liên Bang Canada cấp. Riêng về hai loại phụ cấp nhà nước này, mỗi người Canada cao niêm được khoảng 950 đô la mỗi tháng, một số tiền không lớn lắm nhưng đủ sống, nhất là những người không có gia đình lại được cấp cho nhà rẻ tiền, chỉ mất dưới 200 đô la một tháng. Nếu có gia đình và có thêm hưu bổng của

sở làm nữa thì với lợi tức tổng hợp cuộc sống có thể không những không thiếu thốn mà còn có phần dễ chịu. Cho nên một giáo sư đại học như tôi, nếu có đủ khả năng và lương thiện, không phải lo âu gì cả trong lúc tại chức, cũng như lúc hưu trí.

Tôi thiết nghĩ không nơi nào, và nhất là trong một chế độ cộng sản, đặc biệt là chế độ cộng sản Việt Nam, tôi có thể được đối đãi một cách "xã hội chủ nghĩa" như ở Canada. Ngược đời thay, Canada lại là một nước văn minh, có đủ điều kiện bảo đảm sự sung túc và công bằng xã hội cho mọi người chó không riêng gì cho một giai cấp hay thiểu số. Nó hoàn toàn không giống loại chủ nghĩa tư bản mà tuyên truyền mà chế độ cộng sản không ngớt đem ra làm ngáo ộp với dân Việt Nam, với luận điệu "chế độ tư bản không khi nào thay đổi bản chất", "tư bản bóc lột", "tư bản đầy tội ác", v.v...

Cho nên, những điều mà cha con Sambra cảm thấy và nói lên cũng là những điều mà một người Việt Nam cũng cảm thấy và có thể nói lên, nhưng nếu ở Việt Nam thì không thể nói được. Cuba và Việt Nam là hai trường hợp thật giống nhau: cũng bịt bùng tai mắt, lường gạt đối trả, không cho dân chúng biết sự thật, cũng hứa hẹn nếu kiên trì theo chủ nghĩa xã hội thì ngày mai sẽ tươi sáng.

Thấy sự thật nhưng không được nói

Thật ra thì không phải ở Việt Nam, và ngay cả trong đảng cộng sản, ai cũng mù lòa, ngu đần. Có người đủ thông minh và đã thức tỉnh, thấy rõ sự thật nhưng họ không thể nói lên những điều mình thấy, mình hiểu. Nếu nói sẽ bị coi như chống đảng, hay tư tưởng lệch lạc và bị trừng phạt.

Ở đây tôi nhớ đến hai người ở trong tình trạng vừa nêu trên. Họ không phải là những người duy nhất đã thức tỉnh. Nhưng khác với những người khác đã bỏ Đảng hay bị Đảng khai trừ, họ vẫn tự nhận là cộng sản trung kiên. Đó là Nguyễn Kiến Giang và Hoàng Gia Bảo.

Nguyễn Kiến Giang là một tên quen thuộc với những người bị lương tâm cắn rứt và đã có can đảm lên tiếng qua mấy tác phẩm đặc sắc. Các tác phẩm này đã được nhà xuất bản Trăm Hoa (California) thu thập và ấn hành (1). Một trong những nhận định chính của anh ta - một đảng viên cộng sản, con của một đảng viên cộng sản, và có hơn 40 tuổi đảng - là

chủ nghĩa tư bản hơn chủ nghĩa xã hội, và chủ nghĩa tư bản mới đem lại công bằng xã hội cho dân lao động được vì nó tôn trọng tự do cá nhân, một điều kiện căn bản để sản xuất hàng hóa đòi hỏi, và chỉ có như vậy mới bảo đảm được công bằng xã hội và cải thiện đời sống của mọi người, kể cả công nhân. Nhưng, như ta biết, anh Nguyễn Kiến Giang đã bị ban lãnh đạo đảng cộng sản cách chức và trừng phạt nặng.

Trường hợp Hoàng Gia Bảo thì khá ly kỳ. Không thể nói là anh ta "chống Đảng" vì phải trung kiên lắm và được tín nhiệm lắm mới được bổ nhiệm vào một chức vụ then chốt là viện trưởng Viện Chủ Nghĩa Khoa Học thuộc Viện Mác-Lênin. Anh ta đã viết nhiều tác phẩm hết sức tán dương, biện hộ cho đường lối "kiên trì chủ nghĩa xã hội và đường lối Mác-Lênin là đúng, là hay" của nhóm lãnh đạo Đảng. Do thi hành chỉ thị của Bộ Chính Trị về nghiên cứu cung cố lý luận về đổi mới, năm 1993 anh ta xuất bản một tác phẩm trong đó anh ta tán dương chủ nghĩa Mác-Lê như thường lệ, nhưng khi phân tách chủ nghĩa xã hội hiện thực, anh ta lại nhận định rằng "những gì tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội vẫn đang còn ở phía trước..., chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam về căn bản vẫn là vấn đề của tương lai" (2). Thật là đúng với sự thật nhưng oái ăm thay, Hoàng Gia Bảo bị cách chức ngay. Điều anh ta nói là sự thật, nhưng vì nó là sự thật nên không được nói, tuy rằng anh ta là cán bộ cộng sản trung kiên và anh ta chỉ thi hành chỉ thị "nhìn thẳng sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật", mà chính Bộ Chính Trị đã đề xướng.

Rất tiếc là hoàn cảnh không cho phép những người như Nguyễn Kiến Giang cùng Hoàng Gia Bảo và, nói chung, tất cả đảng viên cộng sản còn chút lương tri và thao thức về tương lai của xứ sở và ngay cả Đảng họ, được gặp những người như anh Guillermo để nghe anh ấy xác nhận một sự thật rất rõ ràng, trên căn bản kinh nghiệm trực tiếp của bản thân của một người đã sống dưới chế độ Castro, ở một chân trời khác, nhưng cũng là một chế độ cộng sản "anh em" của chế độ cộng sản Việt Nam. Đó là chỉ ở những nước chấp nhận dân chủ và tự do chính trị mới thật sự có tự do kinh doanh và phát triển kinh tế, và phải có hai điều kiện này như ở Canada, mới thực hiện được những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội thực sự

được.

Dân chủ Canada

Trước khi kết thúc, tôi xin ghi thêm một tin tức nhận được vào giờ chót về một sự kiện đáng làm cho người Việt, nhất là những người trong đảng cộng sản, hằng nghe Ban Tư Tưởng của Đảng khẳng định rằng: "dân chủ xã hội chủ nghĩa hơn dân chủ tư bản chủ nghĩa cả triệu lần", và dân chủ ở các nước tư bản "chỉ là dân chủ giả hiệu"...

Tin trên đây (trong *Toronto Globe and Mail*, 15-6-1998) nói về việc cử tri British Columbia, một tỉnh nằm ven bờ Thái Bình Dương, đã vận động để giải nhiệm dân biểu Paul Reitsman thuộc Đảng Tự Do (Liberal Party), là đảng đang cầm quyền, vì ông này bị tố cáo là phạm tội lừa gạt; ông ta đã viết nhiều bức thư ký tên khác nhau tự đề cao mình và hạ bệ những dân biểu đối phương. Hành vi này đã bị báo chí tố giác, với những bằng chứng không thể chối cãi được.

Theo một đạo luật của British Columbia, nếu có 40% cử tri (khoảng 17.000 lá phiếu) đồng tình kiến nghị giải nhiệm một dân biểu thì dân biểu này sẽ bị truất phế. Ban vận động truất phế Reitsman đã thu được 24.000 chữ ký, tức 95% cử tri được mời ký đã chấp nhận ký. Tất nhiên để tránh sự buộc tội bừa bãi, luật đòi hỏi những người ký phải thực sự là cử tri. Một điều đáng để ý là Ban Vận Động đã huy động được rất nhiều người bằng lòng nhận làm công việc rất công phu là đối chiếu tên những người ký với danh sách cử tri. Ban tổ chức tin chắc rằng số chữ ký bất hợp lệ sẽ rất ít, và cuộc vận động của họ sẽ có kết quả tốt.

Nếu có đủ số chữ ký hợp lệ thì dân biểu nói trên đương nhiên bị giải nhiệm, một cuộc bầu cử mới sẽ được tổ chức để thay thế ông ta. Đây là một ví dụ dân chủ điển hình, nhưng nó lại xảy ra ở một nước tư bản chủ nghĩa áp dụng "dân chủ chung chung" như Canada, chứ không phải ở những nước xã hội chủ nghĩa áp dụng "dân chủ xã hội chủ nghĩa một triệu lần hơn dân chủ tư bản chủ nghĩa" như Cuba và Việt Nam.

Tôn thất Thiện

(1) Nguyễn Kiến Giang, *Tuyển Tập*, Trăm Hoa, 1993, và *Việt Nam Khủng Hoảng và Lối Ra*, Trăm Hoa, Garden Grove, California, 1993.

(2) Nhà xuất bản Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội, 1993.

Dân chủ sẽ thắng !

Trần Ngọc Sơn

Cuộc khủng hoảng tiền tệ và kinh tế ở các nước Á Châu từ gần một năm nay đã bắt đầu có ảnh hưởng xấu đến Việt Nam và đã đem đến cho mỗi người chúng ta một nỗi lo và một niềm hy vọng.

Người dân Việt Nam vốn đang sống trong một tình trạng sức khỏe yếu kém, do ngành y tế liên tục xuống cấp không gượng lên nổi, với một tương lai前途暗淡 vì ngành giáo dục cùng chung số phận với ngành y tế, nay lại phải gánh chịu thêm hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế mà trước mắt là nạn thất nghiệp gia tăng, vật giá leo thang, đời sống vật chất vốn đã thấp sẽ gấp nhiều khăn hơn nữa. Đó là chưa kể đến hậu quả tai hại do chính sách xuất khẩu lương thực của nhà nước trong năm 1998, nạn đói đang xảy ra ở một số tỉnh miền Trung, một số tỉnh ở Cao nguyên, và ở đồng bằng Nam bộ, nơi tự hào là vựa lúa của cả nước. Những đoàn di cư đói túng phải được phép của đảng cộng sản, nhiều đoàn di cư đói túng đã bị đuổi về do sự kỳ thị của các đảng bộ địa phương trong khi những đoàn di cư đói quốc doanh thì được tiếp đón tung bừng và ăn uống linh đình.

Tháng 5 năm nay, chỉ riêng tỉnh Đắc Lắc đã có ít nhất là 40.000 người bị đói. Chính sách lương thực "đô la" của nhà nước đã gục ngã trước một cơn bão và một cơn hạn hán, loại thiên tai thường xảy ra từ ngàn xưa trên mảnh đất một bên là biển, một bên là núi này. Nạn đói đã chỉ xảy ra ở Việt Nam dưới thời phát xít Nhật và cộng sản. Hai loại độc tài này, dù rằng với động cơ khác nhau, đã làm hao tàn sinh lực của người dân Việt.

Tuy nhiên trong nỗi lo chung vẫn lóe lên một niềm hy vọng. Trước những khó khăn chồng chất của đất nước mà đảng cộng sản là bàn tay phá hoại duy nhất, chắc chắn họ không còn lá bài nào khác để gian lận: hoặc dân chủ hóa mạnh hơn nữa, hoặc sẽ gục. Như một con bệnh không còn được tiếp sức, đảng cộng sản không thể nào gượng nổi trước sức mạnh của một quả đấm kinh tế đang hình thành ngày càng rõ rệt.

Quả đấm kinh tế

Sau sự sụp đổ của các nước cộng sản, và nhất là của Liên Xô cũ, đảng cộng sản Việt Nam tạm lùi bước bằng chính

sách đổi mới để có được sự tiếp máu qua những viện trợ và đầu tư của các nước tư bản, đặc biệt là của các nước trong khu vực như Nam Triều Tiên, Singapore, Đài Loan và các quỹ tiền tệ quốc tế.

Thế giới tư bản băng những biện pháp hòa bình, nhân đạo có trong tầm tay của họ, đã rủ rê, khuyến khích và tập cho Việt Nam hòa nhập với thế giới tư bản. Đảng cộng sản Việt Nam, tuy biết rất rõ rằng đi vào kinh tế thị trường là bắt đầu xa lánh chủ nghĩa cộng sản mà họ vẫn tuyên bố theo đuổi, nhưng không có con đường nào khác hơn là chấp nhận cái giá phải trả để có thể trụ lại được. Tướng Lê Khả Phiêu vừa tuyên bố cho phép đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân, theo ông, "để làm kinh tế tư bản tư nhân là trái với điều lệ, nội quy và đường lối chính trị của đảng cộng sản nhưng nó có hiệu quả".

Được tiếp máu, Võ Văn Kiệt, thủ tướng đương thời, đã tuyên bố rằng thu nhập hàng năm của người Việt Nam sẽ tăng gấp đôi, nghĩa là 400 USD, trong năm 2000, chỉ cần Việt Nam bỏ vốn 20 tỷ USD và phía ngoại quốc cũng một số tiền tương đương. Nhưng do sự không thực lòng của đảng cộng sản Việt Nam trên con đường hội nhập với thế giới tư bản, thể hiện qua những việc gây khó khăn và đối trả của phía đối tác Việt nam, cộng với tệ nạn tham nhũng, quan liêu ở các cấp chính quyền nên, từ đầu năm 1997, trước khi có khủng hoảng tiền tệ Á Châu, đầu tư ngoại quốc vào Việt nam đã khụt lại.

Hy vọng đưa thu nhập đầu người lên 400 USD đã tiêu tan khi phía Việt nam tuyên bố vào cuối năm 96 phải cần 50/60 tỷ USD đầu tư nước ngoài mới có thể thực hiện được. Còn không hơn hai năm nữa là đến năm 2000 và bây giờ chính quyền cộng sản đã im tiếng, không còn nhắc đến mục tiêu nhỏ bé này nữa. Riêng ông Võ Văn Kiệt đã rời khỏi chính trường sau khi đã ký nghị định ác ôn 31/CP, nghị định mà mọi người chắc chắn sẽ nhớ đời, cho phép giam giữ tại gia bất cứ ai mà đảng cộng sản nghi kỵ, không cần xét xử vì cùng chẳng cần một bằng chứng gì.

Cuộc khủng hoảng tiền tệ ở Á Châu chẳng những làm trầm trọng thêm

sự sa đọa đã có về mọi mặt, nó đã bắt đầu giáng những đòn chí tử lên nền kinh tế Việt Nam. Ba tháng đầu năm 1998, xuất cảng qua các nước trong vùng, thị trường chủ yếu của xuất khẩu Việt Nam, đã giảm 48% so với cùng thời kỳ năm trước. Riêng xuất khẩu qua Singapore giảm 69%, Nam Hàn giảm 60%. Đồng tiền Việt Nam đã phá giá 15% và sẽ còn tiếp tục phá giá. Các nước trong vùng Đông Nam Á đã rút đầu tư của họ ra khỏi Việt Nam, các công trình bị bỏ dở dang, nhiều hãng xưởng đã đóng cửa, sa thải hàng loạt công nhân. Riêng Sài Gòn, trong tháng 2-1998 đã có thêm 50.000 người thất nghiệp. Vietnam Airlines sẽ sa thải thêm một ngàn nhân viên, các đoàn du lịch không còn ò ạt đến Việt Nam như những năm trước, một số hãng hàng không quốc tế hủy bỏ tuyến bay Việt Nam vì không đủ khách. Giữa tháng 6-1998, trên một chuyến máy bay của Vietnam Airlines về Sài Gòn, người ta chỉ đếm được vỏn vẹn 4 người đến từ Âu Châu. Nhưng đó chỉ mới là hiệp đầu.

Tháng 4-1998, Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế FMI đã khuyến cáo Việt Nam thêm một lần nữa về cách làm ăn không hiệu quả của 6.000 xí nghiệp quốc doanh, sự cho vay mờ ám và sự thất thoát lớn của ngành ngân hàng nhà nước và buộc Việt Nam phải chấn chỉnh trở lại. FMI và các nhà tài trợ khác đã khuyến cáo Việt Nam phải đẩy mạnh đổi mới hơn nữa nếu không họ sẽ đình hoãn mọi sự trợ giúp. Cần nhắc lại là vào tháng 11-1997, phái đoàn FMI đã rời Hà Nội mà không chấp nhận thoả khoán một đồng nào thêm nữa nếu phía Việt Nam cứ mãi ù lì như hiện nay.

Tất cả những khuyến cáo trên của các nhà tài trợ quốc tế đều đi ngược lại với những nghị quyết của Đại hội 8 của đảng cộng sản trước đây. Những khuyến cáo này tuy thuận kinh tế nhưng nếu được áp dụng, nó sẽ phá vỡ hạ tầng cơ sở của chế độ độc tài. Vì vậy mà không lạ gì khi đảng cộng sản tìm cách ẩn nấp. Phan Văn Khải hứa sẽ giải tư xí nghiệp nhưng rất nhỏ giọt và miễn cưỡng, trong khi Lê Khả Phiêu thì kêu gọi phải phát huy "nội lực" để đối phó với tình hình trên đà suy sụp.

Nội lực gì khi mỗi gia đình nông dân VN, chiếm 80% dân số, chỉ sống dựa vào nguồn thu nhập hàng năm là 2 tấn thóc và vài con lợn lại phải đóng hàng trăm thứ

thuế "tình nghĩa"? Nội lực gì khi nhân dân không còn tin tưởng vào chính phủ và phải nỗi dậy như ở Thái Bình trước kia và Nam Định hiện nay? Nội lực gì khi 6.000 xí nghiệp quốc doanh là cái túi không đáy, cái ổ ăn cắp, toa rập với ngân hàng nhà nước biển thủ hàng tỷ đồng này đến hàng tỷ đồng khác? Cũng nên nhắc lại ở Nam Hàn, một nước cương quyết đi vào con đường dân chủ mới từ vài năm nay, dân chúng đã tự nguyện quyên góp vàng bạc cứu nguy đất nước họ.

Mấy năm đi vào kinh tế thị trường đã thay đổi cách suy nghĩ của dân chúng, nhu cầu tự do dân chủ, công bằng đã thẩm vào máu mỗi người và quan trọng nhất là quần chúng đã không còn sợ đảng cộng sản như trước nữa. Những tiếng nói đòi dân chủ đã nỗi lên từ mọi phía. Áp lực quần chúng đã bắt đầu đè nặng lên đảng cộng sản không cho phép họ xem thường quần chúng như trước đây. Thêm vào đó, xu thế dân chủ trong vùng Đông Nam Á mỗi ngày một cao và mạnh, đảng cộng sản tất sẽ bị bao vây và không còn tìm được chỗ dựa nào nữa.

Thế dân chủ đang lên mạnh mẽ, thế độc tài đang cô lập và phải chống đỡ đối đầu. Cuộc khủng hoảng kinh tế đang hình thành một cách vững chắc sẽ như một trận cuồng phong thổi ập đến từ phía sau lưng đảng cộng sản. Nó sẽ quét sạch mọi đối kháng.

Đảng cộng sản hiện nay chỉ còn hai chọn lựa: hoặc bị bắt buộc đổi mới tiếp và dân chủ hóa hơn nữa để có thể trụ thêm được, hoặc quay lưng lại với con đường này và dân chúng trong sự khốn cùng của một khủng hoảng kinh tế, xã hội sắp tới sẽ vùng dậy đập tan đảng cộng sản.

Tuy có thể chọn lựa giữa hai con đường nhưng thật ra đảng cộng sản sẽ bắt buộc dân thân vào con đường dân chủ hóa để có thể sống còn. Chúng ta sẽ khuyến khích nếu đảng cộng sản chọn lựa con đường dân chủ hóa này vì mục tiêu của lực lượng dân chủ không phải là đập đổ đảng cộng sản mà là Việt Nam đi vào con đường dân chủ một cách dứt khoát. Nhưng nếu đảng cộng sản sụp đổ chắc chắn sẽ không mấy người thương tiếc vì nó là sức cản của tiến trình dân chủ hiện nay.

Dân chủ là chính nghĩa

Mỗi thời đại đều có chính nghĩa của nó. Khi chủ nghĩa thực dân còn ngự trị ở các nước thuộc địa thì chống thực dân, giành độc lập là chính nghĩa.

Ở Việt Nam, chống thực dân giành độc lập đã không kết thúc được một cách

trọn gói mà đưa đến việc chia cắt đất nước một cách đau lòng. Đảng cộng sản đã khôn khéo tiếp tục chính nghĩa đó cho đến ngày 30-4-1975 và thống nhất đất nước.

Đối với tuyệt đại đa số những người chống cộng, ngày 30-4-1975 được coi là ngày mất nước. Quan niệm mất nước càng ngày càng được xét lại khi nỗi đau đã với đi với thời gian. Cùng với nó, sự quá khích đã bắt đầu lắng xuống cho phép chúng ta nghỉ về ngày 30-4-1975 bằng một cách nhìn có đắn đo, có suy luận, có thiệt có hon.

Sự quá khích lắng xuống còn cho phép có những nghiên cứu nghiêm túc theo lợi ích của đất nước, từ dân chủ đa nguyên, hòa giải và hòa hợp dân tộc, đến thể chế chính trị bảo đảm không cho khuynh hướng độc tài, cả cộng sản lẫn quốc gia, có cơ hội ngóc đầu dậy. Cộng đồng hải ngoại đã bắt đầu hành động một cách có trình độ theo lý luận, theo trách nhiệm hơn là theo cảm tính dễ dãi của ưa thích, hận thù.

Trong chuyến đi Đức tham dự cuộc hội thảo về Dân chủ 1998 tháng 6 vừa qua, một sự ngẫu nhiên đã đưa hai thành viên Thông Luận, một ở Paris và một ở Đức, hàn huyên với nhau để khám phá ra rằng hai anh, một sĩ quan nhảy dù quân đội Việt Nam Cộng Hòa và một sĩ quan của một sư đoàn thiện chiến nổi tiếng của quân đội cộng sản, đã đánh nhau chí tử ở miền tây Quảng Nam Đà Nẵng năm 1974. Họ giành nhau một ngọn đồi, cao điểm 1062, cứ bên này chiếm được thì bên kia phản công. Năm lần bảy lượt như thế cho đến lúc hai bên đều kiệt sức mới bỏ roi ngọn đồi, kéo nhau ra nơi khác đánh tiếp. Đại đội của anh sĩ quan nhảy dù chỉ còn lại ít người sống sót. Anh bạn sĩ quan Hà Nội này cũng từng chạm trán và đã bị thương với đơn vị của một thành viên khác của Thông Luận, sĩ quan thủy quân lục chiến quân đội Việt Nam Cộng Hòa, cũng có mặt trong buổi hội thảo. Từ vài năm nay, hai bạn này đã họp thành một đôi song ca di hát khắp nơi về tình yêu đất nước mà hai anh đã tìm lại được. Họ hát chưa được ăn khớp lắm nhưng ở đâu họ cũng được vỗ tay tán thưởng nồng nhiệt.

Đẹp thay, hình ảnh những cựu quân nhân này đáng cho chúng ta ca ngợi vì trong cuộc đấu tranh chính trị cho dân chủ của thời đại này cần sự thông minh, cần trình độ hiểu biết, khôn ngoan hơn là những cánh tay đấm đá loạn xạ nhắm vào cộng đồng, thể hiện một sự cực đoan không thua gì bọn cực đoan giáo điều đần độn

cộng sản mà cộng đồng chúng ta phi nhỏ.

Chúng ta có rất nhiều lý do để xem ngày 30-4-1975 là một ngày đáng ghi nhớ theo chiều hướng tích cực vì ít nhất nó cũng là ngày kết thúc cuộc chém giết huynh đệ tương tàn, bất luận ai thắng ai bại, vì thời điểm đó không ai còn thấy lỗi ra nào khác khả dĩ có thể thực hiện được. Tất cả các cuộc đàm phán chính trị đều mang tính chất đối trả hay ít nhất là cũng không ai còn tin ai sau một cuộc chém giết ác liệt. Ngày 30-4-1975 cũng là ngày mở lối ra cho bất cứ ai bị lôi cuốn vào cuộc chiến một cách miễn cưỡng, bắt đầu từ những con ông cháu cha. Đó cũng là ngày dứt điểm tất cả những suy nghĩ sai lạc của những người đưa việc chống cộng làm lẽ phải trên mọi lẽ phải, không khác gì những người cộng sản xem lý tưởng cộng sản trên cả vận mệnh dân tộc.

Cuối cùng và quan trọng hơn tất cả, ngày 30-4-1975 dù phe cộng sản đã thắng nhưng đó lại chính là ngày mà chính nghĩa quay gót từ già vĩnh viễn đảng cộng sản. Chỉ còn lại sự quá khích và giáo điều là còn trung kiên với một đảng cộng sản mà khi họ nói "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" thì 70 triệu người Việt Nam đành phải lăn ra cười trừ.

Đã mất chính nghĩa thì mất luôn cả niềm tin, từ đó khi có chức có quyền thì nghĩ đến tham nhũng làm giàu cho bản thân, khi có địa vị thì ăn cắp tài sản đất nước. Xã hội hiện nay là một xã hội hỗn loạn, không có một chút gì ổn định: từ anh công an, anh hải quan, anh kiểm thu thuế cho đến ủy viên Bộ Chính Trị đều lươn lẹo tìm cách kiếm ăn, làm giàu bất chính trên đầu trên cổ đồng bào của họ, ngay giữa những người đảng viên với nhau họ cũng không từ. Ở đâu đảng cộng sản có mặt, ở đó có tham nhũng. Quốc nạn tham nhũng hiện nay bắt nguồn từ đảng cộng sản, họ không thể diệt tham nhũng như họ đã nói và vẫn nói, vì diệt tham nhũng là diệt chính bản thân họ.

Tham nhũng chẳng những đã đục khoét đất nước mà còn gây ra căm thù. Một anh bạn của tôi ở Hà Nội là đảng viên, làm chủ một xí nghiệp đang hành nghề nhưng giấy phép kinh doanh hết hạn phải xin lại, anh bạn nói với tôi sẽ không trả một đồng xu hối lộ nào vì anh ta làm đúng theo pháp luật. Hai tháng sau anh ta cho tôi biết phải nghiên rãnh hối lộ 8 triệu đồng mới được giấy phép nếu không thì khổ quá, không làm cách nào khác được. Điều đáng buồn là anh bạn tôi cay cú và nói với tôi "phải giết hết lũ chúng nó". Lũ chúng nó là ai? Đó là những đồng chí của

anh bạn tôi.

Tôi cũng biết một công trình kỹ nghệ khác đã được ngân hàng đồng ý cho vay 4 tỷ đồng. Nhưng muốn ngân hàng xuất sổ tiền này thì phải hối lộ 400 triệu đồng cho những đồng chí ngân hàng. Nếu là công trình của xí nghiệp quốc doanh thì 400 triệu hối lộ sẽ được trao một cách ngon o vì tiền này là của công, cho phép họ ăn đồng chia đủ. Nhưng trường hợp công trình kỹ nghệ nói trên lại là của tư nhân, một đảng viên, và không đào đâu ra 400 triệu đồng mài lộ. Đến nay công trình này không tiến lên được một bước nào và người chủ công trình đang cay đắng và cũng đòi giết hết đồng chí của mình.

Diệt tham nhũng trước hết là phải diệt những mầm mống và môi trường sinh sản ra nó. Đó là độc tài, đó là đảng cộng sản. Tham nhũng đã đưa đảng cộng sản đến quyết định hy sinh quyền lợi đất nước để giữ chắc chính quyền, để tiếp tục tham nhũng.

Dân tộc chúng ta có một ước mơ. Uớc mơ đó là có một cuộc sống trong lành, nghèo cho sạch rách cho thơm, một cuộc sống no ấm, hạnh phúc. Uớc mơ đó cũng là được sống trên một đất nước tự do, giàu mạnh, một đất nước bao dung. Cũng vì ước mơ giản dị, thiêng liêng như vậy mà cha ông và anh em chúng ta cả hai miền Nam, Bắc đã đổ máu, nhiều người đã nằm xuống vĩnh viễn. Nhưng ước mơ đó vẫn chưa thực hiện được.

Chính nghĩa ở về phía những ai tranh đấu cho ước mơ này. Vì lẽ đó mà chính nghĩa ngày nay đứng về phía những người đấu tranh cho dân chủ. Chúng ta đang có chính nghĩa và bằng cách này cách nọ, chậm hay nhanh, chính nghĩa nhất định thắng. Đây chẳng những là một niềm tin mà hơn thế nữa, nó là sự sống còn của dân tộc Việt Nam.

Dân chủ phải thắng và nhất định sẽ thắng

Trên thực tế, từ nhiều năm nay, độc tài của đảng cộng sản đang lùi dần từng bước một và vẫn tiếp tục lùi. Dân chủ tiến lên bằng những bước chậm mà chắc, bám vào xã hội, ngoài ý muốn của một đảng cộng sản ù lì. Cuộc khủng hoảng kinh tế đang hiện ra và càng ngày càng rõ và càng mạnh sẽ như một quả đấm vào nội tạng của khuynh hướng độc tài, giáo điều ngu xuẩn. Dân chủ phải thắng và nhất định sẽ thắng.

Trần Ngọc Sơn

Vụng về hay hồn xược (Về bức thư ngỏ ký tên Hoài Việt gửi tướng Trần Đỗ)

Trần Dũng Tiến

Cầm tập san *Thông tin công tác tư tưởng* số 4-1998 trên tay, tôi từ chối ngạc nhiên đến giận dữ, rồi xấu hổ. Tại sao tập san của Ban Tư tưởng và Văn hóa Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam lại đăng, như là trân trọng, bức thư của "một người" ký tên là Hoài Việt ở California. Anh ta là ai? Có thật đây là một thực thể bằng xương bằng thịt đang ở nhở trên đất Mỹ, ăn thức ăn của Mỹ, uống nước chảy ra từ đất Mỹ không? Điều đó cần được truy cứu sau. Điều làm tôi tức giận là tại sao tờ báo của cơ quan Trung ương Đảng ta lại cho đăng lên mặt báo của mình những câu răn dạy rất ngô ngã, những lời nhục mạ rất đều cáng đối với một đảng viên của đảng mình.

Người bị xỉ và thậm tệ là ai? Là một đồng chí cách mạng lão thành, đã từng vào sinh ra tử ở các nhà tù đế quốc, trên nhiều mặt trận từ Bắc vào Nam. Từng là ủy viên Trung ương DCSVN, là phó chủ tịch Quốc hội nhiều khóa. Kẻ được cao giọng "giảng đạo" trên báo đảng là ai? Là một tên vong quốc. Hắn đơn hèn đến mức gửi thư ngỏ nói về tướng Trần Đỗ mà lại chỉ dám đề "*Kính gửi T.Đ.*". Hắn láo xược đến mức dám bôi bác một bức thư bàn việc nước, việc đảng mà đồng chí Trần Đỗ đã ký tên và đề "*Kính gửi Đảng, Quốc hội, Chính phủ*" và gọi đây là "*Lá thư mách bu*". Quay quắt đến thế là cùng, rơm rác đến thế là cùng (vậy mà tại sao báo đảng của ta lại cũng "biểu dương"?!). Hắn mất trí hay ngu muội đến độ nào mà lại dám so sánh việc làm đầy tâm huyết, đầy trách nhiệm của một đảng viên cộng sản lão thành rất đáng kính trọng với Lê Chiêu Thống, với Nguyễn Ánh. Vong quốc như hắn mà (lạ thật) cũng từng biết xem Trần Đỗ là thần tượng để rồi đến nay lại "bén nhạy" đến mức gào lên "*Thần tượng trong tôi là TD nay đã hoàn toàn sụp đổ*". Hắn có được mấy ty xíu lòng tự trọng, và (lạ thật) làm sao để hắn biết được kỷ luật DCSVN mà dám huyễn hoang "*Ông phải biết thế nào là lòng tự trọng của một người dân Việt, chưa nói gì đến người đảng viên, cán bộ đảng hay*

kỷ luật đảng mà ông đã thè hết lòng trung thành để được gia nhập đảng".

Ai cho hắn quyền được tỏ ra thương vay đối với vị đại quốc công thần Võ Nguyên Giáp mà hắn dám đặt bút viết "*Trong khi người ta ca tụng thiên tài quân sự đại tướng Võ Nguyên Giáp và sắp ông vào bậc tướng tài trên thế giới, nhưng vì quyền lợi chung của dân tộc, của đất nước đại tướng Giáp chẳng hề để tâm đến những đàn em bây giờ hơn hắn ông về địa vị cũng như quyền lực*" (sao lại có thể cho đăng những lời khích bác xỏ xiên đến thế này lên báo đảng?!). Sao báo đảng lại có thể "biểu dương" cả những lời phê phán rất hàm hồ của hắn đối với tiến trình cách mạng của các nước bạn ta như Liên Xô và các nước Đông Âu, trong khi chủ tịch Trần Đức Lương sắp đi thăm Liên bang Nga? Sao hắn dám nhận xét lếu láo rằng "...chúng ta chỉ quen với chiến đấu, từ núi rừng Việt Bắc trở về thành thị, không mấy may biết việc tổ chức hành chánh..." (chưa kể là ở đây ai cho hắn được tự xưng là "chúng ta"?).

Ăn cơm Mỹ, uống nước Mỹ đã bao nhiêu năm hắn mới có nỗi một nhin nhận tử tế "sở dĩ họ tương đối có tự do, dân chủ vì trình độ dân trí cao, luật pháp nghiêm minh, đất nước an bình, thịnh vượng, có sức mạnh quân sự, kinh tế tài chính, xuất cảng nhiều hơn nhập cảng...". Tuy nhiên, hắn lại không tự phân tích để hiểu nỗi rằng sở dĩ được như thế là nhờ nước Mỹ có tự do, dân chủ thực sự. Đồng chí Trần Đỗ cũng chỉ vì tha thiết mong muốn như thế nên đã dâng "những giọt máu vắt từ trong tim" ra để bàn việc Dân, việc Đảng.

Cách đây mấy hôm (nghĩa là ba tháng sau khi Hoài Việt tung ra bức thư đó) dài Hoa Kỳ mới đưa tin vừa nhận được bức thư Hoài Việt từ trong nước Việt Nam gửi ra. Họ bảo tác giả ký tên Hoài Việt chính là Ban Tư tưởng & Văn hóa Trung ương DCSVN. Không ai muốn tin và dám tin vào điều này vì nó ma muội quá, hạ đẳng quá! Tuy nhiên, đọc lại bức thư một cách có suy xét thì thấy có chút gì ngờ ngợ. Bức thư không

đề cập gì đến nội dung bài viết của đồng chí Trần Độ mà chỉ thấy chửi bới tùng lum, hết Trần Độ, Hoàng Minh Chính đến Bùi Tín lại lan sang cả các bậc tiền bối Nguyễn Hộ, Nguyễn Văn Trấn... Người viết tỏ ra không có phong thái của một người sống lâu năm ở nước ngoài, không hiểu gì về nước Mỹ và đồng bào ta ở Mỹ, nhưng lại hiểu Đảng ta thông thường đến mức như một con rận ở trong chăn vây (hắn chém chê cao giọng "như vậy ông TD đã làm sai nguyên tắc"). Nếu bức thư ngỏ đó được giao nhiệm vụ "phản pháo" tướng Trần Độ thì đã lạc đề hoàn toàn, bắn trật hoàn toàn (nếu không muốn nói là đã tự chia súng vào mình). Ngoài những ngôn từ thỏa mạ đầy tính lưu manh, bức thư không có một ý nào phân tích được sự sai trái của đồng chí Trần Độ mà chỉ liệt kê như một bản báo cáo về những hoạt động phá hoại của những thế lực thù địch cực đoan từ xưa xưa như vụ Hoàng Cơ Minh, Dương Trọng Lâm...

Bức thư còn bộc lộ một tinh thần hoảng loạn, yểm thế hết sức thảm hại. Hắn tưởng tượng rồi trình trọng "xin đưa ra ví dụ thực tế là ngày mai ban hành tự do dân chủ, những thành phần phản động lợi dụng Gia Tô ở trong nước tổ chức biểu tình ở khắp nơi... rồi họ sẽ tiếp tục đòi những cái khác tiếp theo như đòi DCSVN phải giải tán, đòi vào ngõi trong Phủ Chủ Tịch...". Hắn hốt hoảng đến mức lập cập nêu "ví dụ sáng mai được tự do báo chí" thì lập tức các lực lượng phản động được ngoại bang tài trợ sẽ "mỗi một tinh cho ra một tờ báo, ở các tỉnh lớn ba tờ, thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh mỗi nơi cho ra năm bảy tờ báo...".

Trời ơi, sao cái Chính quyền của ta, cái Chế độ ta lại mong manh như trứng treo đầu đẳng, như bọt xà phòng đến vậy? Vậy mà cơ quan cầm đầu về tư tưởng, về văn hóa của Đảng ta cũng thừa nhận được sao?

Từ một người thợ giắc ngộ cách mạng, vào tự vệ chiến đấu từ tháng 3-1945, đã tham gia phá kho thóc Nhật tại quê làng Quan Nhân, bảo vệ Bác Hồ ở biệt thự Cây Liêu tháng 11-1946, quyết tử quân Tiểu đoàn 523, đánh nhà dầu Shell đêm 28-12-1946 và Cự Đà, Khê Tang 27-3-1947, tôi không khỏi chạnh lòng, tôi hoàn toàn không muốn tin lời

phỏng đoán của đài VOA rằng tác giả bức thư ngỏ kia lại chính là Ban TTVH TƯ Đảng. Bởi vì nếu vậy thì nó quá sức đau lòng, nó cực kỳ phản tác dụng, nó bôi nhọ thanh danh Đảng ta một cách rất vô ý thức. Tôi hy vọng các đồng chí lãnh đạo trẻ mới nhậm chức như đồng chí Nguyễn Phú Trọng, là những người có học hơn, tinh túc hơn, sẽ không phạm những sai lầm áu trai của các "giáo sư rồm" trước đây. Chính những của rồm, những cái đầu lầm cảm ấy đã va đập phá Đảng, làm hại Dân, hại Nước.

Nghé nói gần đây ông Trần Trọng Tân, cựu trưởng ban TTVH TƯ Đảng, được bật đèn xanh cho triệu tập các vị lão thành cách mạng ở thành phố Hồ Chí Minh để ông ta phổ diễn cái bài viết trên báo Sài Gòn Giải Phóng ngày 8-3-1998 phê phán đồng chí Trần Độ bằng một mớ lý luận cũ rích và nhạt nhẽo mà ông còn nhớ được. Ông Tân lại vận động cả các cụ hướng ứng làm theo ông, nhưng khi các cụ đòi được biết cụ thể bài viết của tướng Trần Độ nó như thế nào thì chính các đồng chí chánh, phó bí thư thành ủy Thành phố, cũng không biết. Còn gì quan liêu, vô trách nhiệm, còn gì chứng tỏ rõ ràng hơn cái bệnh quen ăn theo nói leo đáng khinh bỉ, đáng lên án hơn thế nữa không?

Trở lại câu chuyện "Lá thư mách bu". Không hiểu vì sao người ta mại đang tâm dám sát một con người thật sự đáng tôn kính theo kiểu đê tiện bằng cách sử dụng những ngôn từ vô lễ như vậy? Sau khi bài viết "Tình hình đất nước và vai trò của đảng cộng sản" được gửi đi, đồng chí Trần Độ đã nhận được hàng trăm thư từ, fax, điện thoại... từ Hà Nội, từ các tỉnh, từ các nước của các vị lãnh đạo đảng, chính phủ, các vị lão thành cách mạng thân quen, các cơ quan thông tấn quốc tế... trong đó có cả thư của các đại biểu Quốc hội Hoa Kỳ, Australia, bày tỏ lòng ngưỡng mộ trước những ý tưởng tiên tiến và cao cả của ông và ông cũng đã phải dành nhiều thời giờ để phúc đáp những yêu cầu phỏng vấn, những bức thư từ khắp bốn phương.

Tôi xin mạn phép đồng chí Trần Độ sao lại một trong những bức thư đó (bức thư này do giáo sư Nguyễn Thanh Giang, người đã giúp người viết dịch sang tiếng Anh, cho tôi được chép lại):

"Gửi: Bà Lorretta Sanchez, Đại biểu Quốc Hội Hoa Kỳ, 1529 Longworth Building, Washington DC 20515-0546, USA

Bà Sanchez thân mến,
Cảm ơn bà nhiều lắm về bức thư bà đã gửi cho tôi đề ngày 26 tháng 3 năm 1998. Những lời tốt đẹp trong bức thư đã khích lệ tôi rất nhiều.

Chắc rằng bà cũng đã biết, sau hơn mười năm tiến hành công cuộc Đổi Mới, đất nước tôi đã vượt qua được cảnh khốn khổ do lạc hậu và sự tàn phá của chiến tranh gây ra và đã gặt hái nhiều thành quả lớn lao trong lĩnh vực kinh tế. Đời sống nhân dân đã được nâng lên đôi phần. Mặc dù vậy, chúng tôi chưa thể mãn nguyện với những thành tích đã đạt được.

Nhiều nhà trí thức, nhiều cựu chiến binh như tôi tự thấy có trách nhiệm phải cùng các vị lãnh đạo Đảng và Chính phủ tìm ra con đường thúc đẩy cho công cuộc Đổi Mới trở nên sâu rộng hơn, hiệu quả hơn. Nhờ đó, tiến trình đổi mới về dân chủ sẽ được xúc tiến mạnh mẽ để có thể triệt tiêu tham nhũng và các tệ đoạn xã hội.

Tôi rất vui mừng nhận thấy rằng không chỉ nhân dân Việt Nam ở trong nước, ở hải ngoại mà cả Nghị sĩ Hoa Kỳ như quý bà cũng quan tâm đến sự phát triển của đất nước Việt Nam chúng tôi.

Một lần nữa, tôi xin thành tâm cảm ơn bà và những người Mỹ giàu lòng tốt như bà".

Chẳng nhẽ đây cũng là "Lá thư mách bu"?

Hay chấm dứt những trò bỉ ổi, bôi xấu nhà cách mạng lão thành Trần Độ. Khi đương chúc ông vốn đã là một trong những người nhiều công tích nhất, có tầm hiểu biết sâu rộng nhất so với những nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước đương thời, ngày nay ông càng là bậc đàn anh, bậc cha chú rất đáng được nể trọng.

Hay biết trân trọng ông cũng như những trí tuệ cao cả, những lương tâm trong sáng khác đang cùng ông dám dũng cảm vượt lên trên những thấp hèn, xảo trá của bầy lũ bảo thủ, cơ hội để cứu Dân, cứu Nước, cứu Đảng.

Trần Dũng Tiến
26/95/10 Tô 5 Phường Thượng Đình
Quận Thanh Xuân - Hà Nội
ĐT: 8 586 321

Luật pháp bảo vệ tự do của nhân dân

Nguyễn Thanh Giang

Năm 1926, trong một buổi diễn thuyết ở trường Quốc Học Huế, nhà chí sĩ Phan Bội Châu đã bày tỏ nỗi đau đớn trước cảnh nước nhà "vì không có thương học nên thương nghiệp suy; không có công học nên công nghiệp hỏng; không có y học nên nhân dân không biết đường vệ sinh; không có nông học nên nhân dân không biết đường khai khẩn; không có pháp luật học nên nhân dân không biết giữ lấy quyền lợi". Cách mạng Tháng Tám thành công, nền giáo dục của nước Việt Nam độc lập được hình thành và không ngừng phát triển. Tất cả các ngành công, thương, y, nông học đều đã được xây dựng ngày càng phong phú, vượt xa sức tưởng tượng của cụ Phan. Riêng ngành pháp luật học bị xem nhẹ một cách thật đáng thương tiếc!

Trường Đại Học Luật thiết lập từ thời Pháp thuộc, đã đào tạo được một số luật gia có tiếng, thế mà bị giải tán. Môn công dân giáo dục bỗng nhiên bị biến mất trong chương trình giáo dục phổ thông từ lúc nào. Sau khi thành lập nước, luật sư Trần Công Tường, cố vấn pháp luật của chính phủ, nhiều lần đề nghị thiết lập hệ thống luật pháp cho nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa nhưng đã bị một vị lãnh đạo cao cấp quyết liệt: "Luật pháp để làm gì! Để trói tay trói chân chúng ta lại à?". Tuồng như chúng ta đã từng ngây thơ tin rằng có được độc lập rồi thì người trong nước với nhau cứ bảo ban nhau là được. Hễ ai đó khác ý các nhà lãnh đạo thì cứ thẳng tay "chuyên chính vô sản" là xong. Ta không cần hiểu rằng lịch sử nhân loại khi còn tồn tại nhà nước luôn luôn là lịch sử đấu tranh giữa các quan niệm tiến bộ với các quan niệm bảo thủ lạc hậu để xác định các quan hệ giữa nhà nước và cá nhân. Lịch sử đấu tranh để nhận thức ngày càng đúng đắn bản chất của mối quan hệ pháp lý ấy chính là lịch sử khám phá từng bước giá trị của cá nhân con người trong mối quan hệ với quyền lực nhà nước.

May sao ngày nay ta đã biết khẳng định "chúng ta đang xây dựng nhà nước

pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mà bản chất của nó là mọi quyền lực phải thuộc về nhân dân"(1). Từ đây, cũng xác định rằng "nhà nước quản lý đất nước trong giai đoạn này chỉ có thể có hiệu quả cao, nếu nhà nước tạo lập được một môi trường pháp lý rõ ràng để mọi công dân, mọi tổ chức đều có thể tự mình quyết định làm những việc pháp luật cho phép và tự giác không làm những việc pháp luật không cho phép, đồng thời họ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình, chứ không phải đi xin phép các cơ quan quản lý nhà nước từng việc, cho hay không cho, chỉ gửi lại đất Bắc đưa con gái đầu lòng là tùy thuộc các cơ quan nhà nước"(1). Tuy nhiên, lại cũng phải thấy được rằng môi trường cần thiết để cho cá nhân công dân thực hiện được đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình trong quan hệ pháp luật với nhà nước phải là dân chủ. Karl Marx đã viết: "Tự do được thừa nhận về mặt pháp lý tồn tại trong nhà nước dưới hình thức luật. Các đạo luật không phải là các biện pháp đàn áp chống lại tự do... Ngược lại, các đạo luật đó là quy phạm chung, chính xác, rõ ràng mà trong đó tồn tại tự do... Bộ luật là "kinh thánh tự do của nhân dân".

Các chế độ chính trị của các nhà nước trong lịch sử rất đa dạng nhưng tự chung gồm hai loại chính: chế độ phản dân chủ và chế độ dân chủ. Ở những giai đoạn mà mâu thuẫn xã hội trở nên gay gắt thì thường xuất hiện chế độ phản dân chủ, độc tài, quân phiệt. Chế độ này thường sử dụng bạo lực hoặc những đạo luật hà khắc để lạm dụng quyền lực nhà nước, xóa bỏ hoặc hạn chế tối đa các quyền tự do dân chủ của nhân dân, chè đập lên các thiết chế dân chủ lè ra cần thiết và không ngừng hoàn thiện.

Ngày 14-4-1997, trong trạng huống bộn bề trước khi rời nhiệm vụ, thủ tướng chính phủ Võ Văn Kiệt đã ký Nghị định 31/CP, ban hành "Quy chế quản chế hành chính". Quy chế này "được áp dụng đối với những người có hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm đến an ninh quốc gia được quy định tại Chương I,

phần các tội phạm của Bộ Luật Hình Sự nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự"(Điều 2). Quy chế quản chế hành chính cho phép người ta "buộc những người có hành vi vi phạm luật quy định tại Điều 2. Quy chế này phải cư trú, làm ăn sinh sống ở một địa phương nhất định và chịu sự quản lý, giáo dục của chính quyền, nhân dân địa phương. Thời hạn quản chế từ 6 tháng đến 2 năm"(Điều 1). Người bị quản chế không chỉ có thể bị quản thúc tại nhà, tại phường mà còn có thể bị "chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là cấp tỉnh) quyết định quản chế hành chính họ ở nơi khác (Điều 4). Khi hết hạn, người bị quản chế mới được về nhà (2).

Rõ ràng đây là một hình thức tù tại nhà, tù tại phường hoặc biệt giam không có xà lim.

Hay nghe lời kể của một người bị quản chế qua mấy bức thư anh viết cho bạn bè: "Suốt gần hai tháng liền, tôi bị công an thành phố Đà Lạt gọi lên để công an tỉnh thẩm vấn, chúng quy cung chỉ xoay quanh việc cầm bút của tôi và sự giao lưu giữa những người cầm bút với nhau, với bạn đọc...". Tôi bị khám nhà lần thứ hai, bị thu giữ cả nhật ký, bản lưu một số thư riêng cùng một số tài liệu chuẩn bị cho sáng tác... Tôi đã chuẩn bị tinh thần chịu đựng cho vợ tôi nếu tôi bị chỉ định cư trú bắt buộc tại một nơi hẻo lánh nhất trong tỉnh Lâm Đồng. Suốt gần nửa tháng nay, ngày nào tôi cũng buộc phải tới ngồi hai buổi tại trụ sở công an phường để viết đi viết lại bản kiểm điểm về tập thơ "Thơ vụt hiện trong phòng thẩm vấn". Tất nhiên ngày nào tôi cũng chỉ viết chừng đó dòng với cùng một nội dung... Hàng ngày mình đầm đang việc đưa đón con đến trường (phải xin phép từng tháng, vì trường ở phường khác) và chợ búa cơm nước để bà Thục có thì giờ làm hàng (búp bê). Hàng này chỉ trông vào khách du lịch, mà năm nay khách đến ít hơn mọi năm. Tuy vậy vẫn cố kiếm đủ ngày ba bữa, và có dư được ít thời gian nào thì ngồi viết... Tuần trước, nhân ngày giỗ Xuân

Quý (mình làm giỗ theo ngày âm lịch, 21 tháng giêng ta hàng năm), vợ chồng Hà Sĩ Phu sau 5 tháng không thấy mặt nhau (3). Mình viết thư mời Bảo Cự để Cự có chứng từ xin phép Ủy Ban Nhân Dân Phường bên ấy, nhưng họ không cho đi (Bảo Cự bị quản chế sau mình hơn một tháng). Họ ghi vào đơn của Cự là "không cần thiết", dù Cự đã viết rõ trong đơn là đến dự ngày giỗ chị Xuân Quý - một nhà văn, liệt sỹ".

Dương Thị Xuân Quý là ai? Chị là một nhà văn, gọi nhà học giả khả kính Dương Quảng Hàm là bác ruột. Đầu năm 1968, chị gửi lại đất Bắc đứa con gái đầu lòng 16 tháng tuổi, theo bước chồng vào Nam chiến đấu. Chị hy sinh trong một trận càn ngay trên miệng một hầm bí mật tại chiến trường Duy Xuyên. Người viết những dòng thư trên là chồng chị, nhà thơ - chiến sĩ Bùi Minh Quốc. Anh đã tình nguyện xung phong vào chiến trường B trước vợ một năm. Hiện nay anh cùng bạn anh - Tiêu Dao Bảo Cự - đang bị quản chế theo hiệu lực của Nghị định số 31 CP.

Một cán bộ cách mạng lão thành, từng bị đế quốc cầm tù, từng giữ cương vị bí thư một thành phố lớn thứ hai ở miền Bắc thời chiến tranh, đọc xong những bức thư này đã bật khóc khi trao đổi với tôi qua điện thoại.

Những quyết định có ảnh hưởng nghiêm trọng đến sinh mệnh con người, đến lương tri xã hội như vậy lại được quy định bởi một văn bản luật pháp rất không chặt chẽ, nếu không muốn nói thật là rất mơ hồ, rất vô trách nhiệm!

Hãy rà soát lại điều khoản quy định đối tượng xử lý của quy chế này: Điều 2: "Quản chế hành chính được áp dụng đối với những người có hành vi vi phạm luật pháp, xâm phạm đến an ninh quốc gia được quy định tại Chương I phần các tội phạm của Bộ Luật Hình Sự nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự".

Thế nào là "hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm đến an ninh quốc gia"? Để xác định được một hành vi cụ thể nào đó có được xem là "xâm phạm đến an ninh quốc gia" không, cần xét xử ở một phiên tòa mà tại đó việc tranh cãi nghiêm túc giữa các quan tòa, các luật sư thường diễn ra hàng buổi, có khi suốt cả tuần, thậm chí đến cả năm. Vậy mà ở đây chỉ cần "Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp

huyện có trách nhiệm lập hồ sơ đối với những người cần áp dụng biện pháp quản chế hành chính, trình Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quyết định" (Điều 5). Toàn bộ quy trình tiến tới hình thành văn bản để ký quyết định chỉ đơn giản như sau: "Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng tư vấn gồm đại diện lãnh đạo Công an cấp tỉnh, Sở Tư pháp và Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh. Đại diện lãnh đạo cơ quan Công an cấp tỉnh là thường trực Hội đồng tư vấn" (Điều 8). "Thường trực Hội đồng tư vấn có trách nhiệm tổ chức, chuẩn bị các tài liệu cần thiết, chủ trì cuộc họp, lập biên bản cuộc họp của Hội đồng và thay mặt Hội đồng làm văn bản đề nghị quản chế hành chính. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp huyện quyết định" (Điều 9) (2).

Ai cũng biết ở nước ta bây giờ đại đa số Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh không học qua trường Luật. Rất nhiều, rất nhiều vị hết sức i tờ về luật pháp. Hội đồng tư vấn thành lập theo Điều 8 lại không quy định cụ thể nên các vị "đại biểu" được cử tham dự vào có thể cũng chẳng biết gì nhiều lầm về luật pháp. Vậy mà họ được toàn quyền làm nhiệm vụ xét xử, luận tội, ra quyết định "bỏ tù tại phường" từ gã Chí Phèo đến các cán bộ đã từng có công lớn đối với Cách mạng để rồi ông Chủ tịch tỉnh cứ thế mà phê chuẩn...

Còn gì vô trách nhiệm với tính mạng con người hơn thế nữa không? Còn gì phi báng tráng trọng luật pháp tráng trọng quyền dân chủ hơn thế nữa không?

Để luận tội, người ta phải căn cứ vào Điều 2 của Quy chế này nhưng chính tại đây lại tồn tại một mâu thuẫn mập mờ: "chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự". Thế nào là "chưa đến mức". Trong toán học, chưa đến 1 có thể là nhỏ hơn 1, nhưng cũng có thể là "không", hoặc thậm chí là âm 1. Nếu quy ước 1 là có tội thì "không" là vô tội, âm 1 là có công. Trong vật lý, nước chưa đến thế lỏng thì có thể là một làn hơi xoa mềm da thịt, có thể là những cục đá rắn cắm lén ném vỡ đâu nhau được.

Không đến mức thì được tự do, đến mức thì được xét xử hằn hoi, chưa đến mức thì muốn sao phải chịu thế. Thật là một chuyện cười dầm đìa nước mắt!

Sự mập mờ này nguy hiểm đến nỗi

nó có thể được lạm dụng để "bỏ tù tại phường" bất cứ ai, kể cả những người hôm qua vừa mới tham gia vào việc tạo nên quyết định bỏ tù người khác. Tiềm ẩn của sự lộng hành, sự tiếm quyền, sự hỗn loạn nằm ngay trong chính các Nghị định 31/CP này.

Thành lập phiên tòa để xét xử một vụ việc cần khá nhiều công phu. Cần có một con người theo con đường chính quy cần có "nhà tù quốc lập". Quy trình xác lập việc quản chế hành chính quá chừng đơn giản, thảnh thoái. Chỉ mất vài buổi họp để phán quyết vắng mặt đương sự. Sau đó tháng tháng bỏ ra ít giờ hồi lục vấn hoặc nghe đương sự báo cáo. Không phải xây thêm nhà tù, không tốn cơm áo nuôï phạm nhân cùng với bộ máy hành chính cai quản phạm nhân. Thuận lợi như vậy thì có e rằng người ta sẽ dễ dàng tiện tay thực hiện xã hội hóa nhà tù không? Bởi vì nếu đã hoặc sẽ có hiện tượng này ở đâu đó thì Trung ương Đảng và Chính phủ chắc gì biết được. Tất cả chỉ cần ông Chủ tịch tỉnh cùng với cái Hội đồng tư vấn do ông lập ra là quyết định được thôi mà!

Luật Hành Chính là một trong 11 ngành luật vừa được xác lập ở Việt Nam với khái niệm mới được hình thành là "vi phạm hành chính là hành vi do cá nhân hoặc tổ chức thực hiện một cách vô ý hay cố ý xâm phạm các quy tắc quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm hình sự và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt hành chính".

Khi nào thì bị xem là "xâm phạm các quy tắc quản lý nhà nước?". Có dễ dàng tránh khỏi bị quy kết là xâm phạm các quy tắc quản lý nhà nước không khi gấp cái định nghĩa này: "Quản lý nhà nước là hoạt động của nhà nước trên các lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp nhằm thực hiện chức năng đối nội và đối ngoại của nhà nước. Nhà nước dùng pháp luật là phương tiện chủ yếu để quản lý nhà nước... Quản lý nhà nước trong lĩnh vực hành pháp gọi là quản lý hành chính nhà nước... là hoạt động chấp hành - điều hành nhà nước". Thực là thiên la địa vông!

Nhiều nước không có Luật Hành Chính. Ở Pháp, Luật Hành Chính được xem là một thứ ngoại lệ nên để khống chế tính siêu xuất của nó người ta đã lập ra cả một hệ thống tòa án hành chính,

thẩm phán đoàn hành chính để ngăn giữ luật ngoại lệ này không đi đến lạm quyền. Chẳng những thế, người dân còn nhiều quyền kháng cáo để khiếu nại trước tòa án hành chính nếu thấy mình là nạn nhân của luật này. Tham chính viện của Pháp được thành lập từ năm 1789. Viện này qua kinh nghiệm 200 năm đã trở thành biểu tượng cho nền công lý hành chính, đã làm nhiệm vụ ngự sử kiềm chế hành pháp, đảm bảo thượng tôn pháp luật, che chở cho người dân chống lại hưu hiệu những lạm quyền của chính phủ. Vậy mà ngày nay trong dân chúng ở Pháp vẫn có ý kiến chính thức công khai đòi hỏi hủy bỏ luật hành chính.

Ở nhiều nước tiên tiến, lập pháp, hành pháp, tư pháp là ba quyền được phân lập rõ ràng để bảo đảm nguyên tắc "quyền lực ngăn cản quyền lực" nhằm khống chế khả năng lạm dụng quyền lực của các cá nhân, các tổ chức có quyền thế. Ở ta "Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một nhà nước mà các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp hoạt động vừa có sự phân công rõ ràng, lại vừa có sự phối hợp chặt chẽ" (1). Khi "có sự phối hợp chặt chẽ", nhà nước hoàn toàn khống chế được xã hội, trị vì được toàn dân qua chức năng "Nhà nước quản lý", dưới sự lãnh đạo duy nhất của một đảng, theo nguyên tắc dân chủ tập trung. Khi đó, người dân còn bấu víu vào đâu được nếu chính phủ sai? Trong trường hợp đối với Nghị định 31/CP thì không cần chính phủ sai mà chỉ tính sai là tai họa đã giáng xuống đầu dân một cách thảm khốc rồi!

James Madison đã nói: "Trong sự kiện tạo một chính quyền để con người quản trị con người, cái khó là ở chỗ: trước hết chính quyền có khả năng cai trị, nhưng cái khó hơn là khả năng tự chế và tự giới hạn bởi chính nó".

Phải chăng vì muốn tự chế và tự giới hạn mà Quy chế quản chế hành chính có nêu: "Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người bị quản chế hành chính" (Điều 3) (2)? Câu này thật vô nghĩa, nếu không muốn nói rằng đọc lên nghe rất mỉa mai.

Thứ hỏi còn đâu là danh dự, nhân phẩm đối với một con người bỗng dưng rơi vào cảnh ngộ sau:

"Trong thời hạn 5 ngày, kể từ ngày được quyết định quản chế hành chính, người bị quản chế phải trình diện với Ủy ban Nhân dân cấp xã nơi mình thi hành quyết định quản chế..." (Điều 15). "Trong thời hạn quản chế, người bị quản chế hành chính phải cư trú, làm ăn sinh sống tại xã phường, thị trấn nơi thi hành quyết định quản chế hành chính và phải chịu sự quản lý, giáo dục của chính quyền, nhân dân địa phương; chỉ được đi lại trong phạm vi nơi người đó bị quản chế. Nếu có lý do chính đáng, người bị quản chế muốn đi ra khỏi phạm vi xã, phường, thị trấn thì phải làm đơn xin phép và tuân theo các quy định sau: đi trong phạm vi cùng một quận, huyện, thành phố thuộc tỉnh thì do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp xã cấp giấy phép; đi trong phạm vi cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp huyện cấp giấy phép; đi ra ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép. Trường hợp người bị quản chế hành chính đi ra khỏi nơi thi hành quyết định quản chế cần ở lại nơi đến thì mỗi lần được đi không quá 5 ngày và tổng số ngày đó không vượt quá 1/15 thời hạn quản chế..." (Điều 17). "Một tháng một lần, người bị quản chế hành chính phải đến trình diện và báo cáo việc thực hiện quản chế hành chính của mình tại Ủy ban Nhân dân cấp xã nơi thi hành quyết định quản chế..." (Điều 18) (2).

Đối với người có quyền tự trọng, những bắt buộc trình bẩm nhiêu khê này không khác gì sự hạ nhục tồi tệ mà khi không kiên nhẫn nỗi người ta có thể phải đổi bằng cái chết. Đối với nhà văn, nhà khoa học, tình trạng ngăn cấm giao lưu, thu thập và truyền bá thông tin như các quy định trên thật sự giết đi một phần, hay thậm chí toàn bộ lẽ sống.

Không nghi ngờ gì nữa. Quy chế quản lý hành chính, ban hành kèm theo Nghị định 31/CP là một pháp lệnh mang nhiều yếu tố hoàn toàn trái đạo lý dân tộc. Chẳng những thế, Nghị định này còn chống Hiến Pháp. Điều 72 Hiến Pháp nước CHXHCNVN 1992 đã ghi rõ: "Không có ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Người bị bắt, bị giam giữ, bị truy tố, xét

xử trái pháp luật có quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất và phục hồi danh dự. Người làm trái pháp luật trong việc bắt, giam giữ, truy tố, xét xử gây thiệt hại cho người khác phải bị xử lý nghiêm minh". Điều 68 cũng quy định: "Công dân có quyền tự do đi lại và cư trú trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước theo quy định của pháp luật" (Những người như Bùi Minh Quốc, Tiêu Dao Bảo Cự chưa bị kết án, chưa bị tước quyền công dân, sao lại bị tước quyền tự do đi lại?). Trong Điều 112 Hiến Pháp nước ta đã buộc Chính phủ có nhiệm vụ "...chỉ đạo việc thực hiện các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia" thì Nghị định 31/CP chống lại Tuyên ngôn toàn thế giới về Nhân quyền 1948 mà Nhà nước ta đã ký kết tham gia năm 1982 tại Điều 11: "Mỗi người dù đã bị buộc tội về một hành vi tội phạm vẫn được coi như là vô tội cho đến khi hành động phạm tội được xác nhận trong một vụ xú công khai, nơi mà anh ta có được những đảm bảo cần thiết cho việc bào chữa cho mình...", và Điều 12: "Không ai phải chịu sự can thiệp tùy tiện vào cuộc sống cá nhân, gia đình, nơi ở, thư tín cũng như những xâm phạm tới danh dự và danh tiếng của mình. Mọi người đều có quyền được pháp luật bảo vệ chống lại những can thiệp và xâm phạm".

Nghị định, nghị quyết của Chính phủ là phương tiện pháp lý cơ bản mà Chính phủ sử dụng để thực hiện nhiệm vụ, chức năng của mình nhưng bao giờ cũng phải phù hợp và có hiệu lực thấp hơn các văn bản của Quốc hội, nếu mâu thuẫn thì sẽ phải đình chỉ, sửa đổi hoặc bác bỏ.

Chúng tôi khẩn thiết khuyến nghị Quốc hội và Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam xem xét nghiêm túc và ra lệnh giải tỏa ngay cho các nhà văn - công dân Bùi Minh Quốc và Tiêu Dao Bảo Cự, đồng thời hủy bỏ Quy chế Quản chế Hành chính đã được ban hành kèm theo Nghị định 31/CP.

Nguyễn Thành Giang

(1) Bài phát biểu của chủ tịch Trần Đức Lương tại hội Nội chính Đảng toàn quốc tháng 3-1998.

(2) Quy chế quản chế hành chính.

(3) Nhà Bùi Minh Quốc và Hà Sĩ Phu chỉ cách nhau mươi phút đi bộ trên đường phố.

Những vấn đề kinh tế trước mắt và phương cách giải quyết

Nguyễn Ngọc Hiệp

Từ gần hai năm nay, kinh tế VN tụt hậu rõ ràng. Các điều đáng ngại nhất là : luật đầu tư nước ngoài bị mắc cạn, khu vực doanh nghiệp nhà nước là một gánh nặng đè bẹp kinh tế, hệ thống ngân hàng không giữ được vai trò vận động tiềm năng sản xuất và điều hòa hoạt động kinh tế. Đó cũng là ba vấn đề kinh tế lớn mà chính quyền VN đang ở thế bí, loay hoay tìm đường giải quyết từ ít lâu nay. Ngân Hàng Thế Giới và Quỹ Tiền tệ Quốc Tế cũng đã thúc chính quyền VN sớm giải quyết ba vấn đề ấy. Trung Quốc ở trong hoàn cảnh giống VN cũng phải đối đầu với các vấn đề tương tự.

1. Các nhược điểm cơ bản của kinh tế Việt Nam

Một cách rất tóm tắt, kinh tế VN có những nhược điểm trọng yếu như sau: Khả năng cũng như trình độ sản xuất kinh tế của VN trong chính sách "đổi mới" chỉ dựa vào các yếu tố bên ngoài là vốn đầu tư ngoại quốc, tiền mà người Việt ở nước ngoài gửi hoặc mang về nước và tiền mà du khách nước ngoài chi tiêu ở VN. Sự lệ thuộc vào các yếu tố bên ngoài này đã không nhúc nhích trong 10 năm "đổi mới" để mà từng bước giảm dần. Chung quy hoạt động sản xuất chủ yếu vẫn chỉ là cung cấp gia công trong những ngành sản xuất hàng hóa dành cho tiêu thụ như quần áo, giày dép, thuốc lá, nước uống, lấp ráp một số sản phẩm dành cho xuất khẩu hoặc xây cất khách sạn, cao ốc văn phòng mà không tạo trị giá gia tăng ở trong nước. Khu vực kinh tế nhà nước, gồm khoảng 6000 doanh nghiệp lớn nhỏ đủ loại, thì làm kinh tế cơ hội, làm hao mòn tài sản quốc gia và phung phí công sức do dân đóng góp. Giới quản lý các cơ sở kinh tế này sử dụng phương tiện nhà nước để hoạt động sản xuất mà không có trách nhiệm gì cả về kết quả hoạt động và hiệu năng sản xuất. Các doanh nghiệp nhà nước tuy là "nòng cốt" của kinh tế VN, nhưng lại hoạt động thua lỗ triền miên, không tự gây vốn được. Cơ sở tự tạo của các doanh nghiệp nhà nước yếu

kém nên không thể phát triển một cách lành mạnh và đúng đắn.

Dù kinh tế VN "đổi mới", mở cửa, hội nhập và giao lưu thương mại với thế giới, và dù sản xuất có gia tăng, nhưng xét theo quan điểm phát triển bền vững thì tình hình kinh tế VN không có gì để lạc quan. Cơ cấu của công nghiệp bấp bênh, nền tảng kỹ thuật và công nghệ lạc hậu. Nhân lực có trình độ hiểu biết và đào tạo yếu kém. Ngoài ra đều cơ trực lợi cấu kết với tham nhũng hối lộ để hoành hành không giới hạn trong mọi hoạt động chính trị, kinh tế và xã hội. Giới lãnh đạo VN dùng quyền lực của đảng, tài sản nhà nước và công sức do dân đóng góp để làm giàu cho bản thân và gia đình. Thu nhập của một số nhỏ đảng viên nhiều vô chừng trong khi tuyệt đại đa số dân có thu nhập rất thấp. Sản lương nội địa phân chia như thế thì tất nhiên yêu cầu trong nước không thể là yếu tố thúc đẩy kinh tế phát triển một cách lành mạnh. Kinh tế VN do đó không có động lực phát triển. Chủ trương "đổi mới" và đường lối "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" tới nay được hơn 10 năm. Trong thời gian ấy đã phải đợi 5 năm mới bắt đầu có kết quả. Từ 1992 tới 1997 kinh tế VN có tăng trưởng. Nhưng về mặt vốn tự có và cơ sở tự tạo là sức mạnh thực và là nền tảng đúng đắn thì kinh tế VN không có những bước tiến cần thiết để sự phát triển được bền vững và lành mạnh. Chúng ta không ngạc nhiên khi thấy lúc này kinh tế VN phải đương đầu với nhiều vấn đề cản bản trong mọi lĩnh vực và đang đi xuống rất mau.

2. Những vấn đề kinh tế rối bời trước mắt

Hiện nay ở VN từ những vấn đề lớn như sản xuất, đầu tư, thương mại, xuất khẩu, lao động, ngân hàng, tín dụng, tiết kiệm, thuế vụ, công nghệ, v.v. cho tới những vấn đề nhỏ như dịch vụ quảng cáo, tổ chức triển lãm thương mại, cho thuê đất xây cơ xưởng trong các khu công nghiệp, v.v., tất cả đều bị khó khăn, đều gặp trở ngại. Báo South China Morning Post

phát hành ngày 22-4-1998 thuật lại nguồn tin của AFP rằng, trong phiên họp mở đầu khóa họp Quốc Hội ngày 21-4-1998, Chủ tịch nhà nước Trần Đức Lương đã phải báo động là tình hình kinh tế tụt hậu có thể đưa tới những biến động xã hội nghiêm trọng. Còn Phó thủ tướng đặc trách kinh tế Nguyễn Tấn Dũng cũng có một bài nhận định bi quan rõ rệt về kinh tế VN. Bài nhận định nói rằng các khó khăn kinh tế của VN ngày càng rõ và không phải chỉ có tính cách nhất thời. Kinh tế VN có những nhược điểm căn bản không thể dễ dàng xóa đi. Chiều hướng phát triển kinh tế không thuận lợi và kinh tế VN sẽ phải chịu những hậu quả tiêu cực trong nhiều năm tới. Bài nhận định còn thêm rằng số lao động mất việc ngày càng đông, cả doanh nghiệp nhà nước lẫn cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài đều giảm bớt lao động. Tình trạng thất thu ngân sách rất đáng ngại, tiền nhàn rỗi trong tay người dân vẫn chưa huy động được và dự trữ ngoại tệ của Ngân Hàng Nhà Nước chỉ đủ để thanh toán nhu cầu nhập khẩu của VN trong hai tháng.

Sau đây là những sự kiện biểu hiện sự rối bời kinh tế trong ba lãnh vực chủ yếu nói trên.

Đầu tư nước ngoài : Đầu tư nước ngoài bắt đầu giảm sút từ 1996 vì điều kiện đầu tư không còn sức thu hút như trước và vì không có những cơ hội mới khác để sản xuất cho xuất khẩu hoặc bán trên thị trường VN. Ngoài ra tham nhũng hối lộ tràn lan và hành chánh nặng nề khiến việc thiết lập cơ sở hoạt động, tổ chức sản xuất mất nhiều thời gian và rất tốn kém. Cách đây năm năm những vấn đề này đã làm đảo điên đầu tư nước ngoài. Nay giờ các vấn đề ấy vẫn còn đó và làm đầu tư nước ngoài chán ngán. Ngoài ra, dù VN có lao động rẻ, nhưng nhiều điều kiện hoạt động và sản xuất ở VN không thuận lợi khiến, nói chung, giá thành của các sản phẩm không thấp như giới doanh nhân nước ngoài chờ đợi. Một nguyên do cần phải nhắc tới là ngành sản xuất sản phẩm trung gian của VN vô cùng nhỏ bé. Rất nhiều nguyên liệu, vật liệu dùng trong sản xuất phải

nhập khẩu. Bộ phận thiết bị, phụ tùng máy móc hầu hết cũng phải nhập khẩu. Như vậy có nghĩa các cơ sở đầu tư nước ngoài ở VN phải dự trữ vật liệu, bộ phận máy móc để có sẵn phòng khi cần đến. Tổ chức sản xuất kiểu này khiến giá thành của sản phẩm cao. Thêm vào đó hiệu suất sản xuất thấp kém. Chuyên viên nước ngoài làm việc ở VN được trả lương rất cao. Do đó, lao động VN chỉ chiếm một phần rất nhỏ trong giá thành. Hậu quả là VN không thể thu hút được đầu tư nước ngoài trong nhiều ngành để công nghiệp được đa dạng và phong phú. Chỉ trong vòng có ba năm doanh nhân nước ngoài đã chán nản, đã thấy không còn điều kiện thuận lợi và cơ hội tốt để đầu tư một cách lạc quan ở VN nữa. Trong năm 1997, đầu tư nước ngoài đã giảm gần 50% so với 1996. Theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trên tổng cộng khoảng 2200 dự án đầu tư nước ngoài, chỉ có 25 dự án đã được thực hiện trọn vẹn như dự tính. Sự kiện mới xảy ra gần đây là lúc này có nhiều công ty nước ngoài thu hẹp hoạt động, giảm lao động làm việc (Nike), rút ra khỏi VN (các ngân hàng và tổ hợp đầu tư) hoặc tìm cách nhường lại cổ phần (BGI, Texaco, Arco, Nissho Iwai, Showa Shell). Hiện nay số người nước ngoài rời VN gấp 6 lần số người tới VN để làm việc. Trước đây giới đầu tư nước ngoài suy tính và soạn thảo kế hoạch để vào VN hoạt động sản xuất. Nay họ quan tâm tới vấn đề làm sao rút ra khỏi VN trong điều kiện tốt nhất hoặc ít bị thiệt thòi nhất. Bình luận một cách châm biếm tình hình kinh tế và thương mại VN lúc này, giới đầu tư nước ngoài nói rằng doanh nhân hoạt động ở VN muốn là triệu phú khi rút ra khỏi VN thì khi tới VN phải là tỷ phú ! Nhiều ngành hoạt động có vốn đầu tư nước ngoài mà chính quyền VN hâm mộ là sản xuất quần áo và giày dép để xuất khẩu, ráp xe hơi cho thị trường nội địa, khách sạn và du lịch, v.v. đều đứng trước những khó khăn to lớn. Lao động của các xí nghiệp sản xuất giầy Nike giảm 5000 người. Ngành lắp ráp xe hơi chỉ sản xuất có 600 xe trong ba tháng đầu năm 1998 so với 6000 xe trong cả năm 1997. Ngành khách sạn và du lịch vắng du khách nghiêm trọng khiến tỷ số phòng có khách thuê chỉ lên tới 50% trong năm 1997, và bây giờ còn có 30%. Sự giảm sút hoạt động của các xí nghiệp có vốn

đầu tư nước ngoài ảnh hưởng trực tiếp, một cách bất lợi, lên một số ngành phụ thuộc như nghề quảng cáo, dịch vụ cho thuê văn phòng, việc cho thuê đất tại các khu công nghiệp, dịch vụ cho thuê chỗ lập gian hàng tại các triển lãm thương mại. Về quảng cáo, luật lệ hiện nay không cho phép các hãng nước ngoài hoạt động trực tiếp ở VN. Các hãng này (trong đó có Bates Worldwide là quan trọng hơn cả) phải qua trung gian các doanh nghiệp VN để thuê phương tiện và mua thời gian quảng cáo. Các dịch vụ thuê mua này được thanh toán bằng Mỹ kim (USD) và trị giá tổng cộng khoảng hơn 100 triệu USD hàng năm, trong đó 50% là quảng cáo qua truyền hình. Từ cuối năm 1997, đầu tư nước ngoài đã giảm bớt nhiều quảng cáo khiến thu nhập quảng cáo của hệ thống truyền hình VN đã giảm từ 5,1 triệu USD tháng 12, 1997 xuống 3,4 triệu USD tháng 1 năm, 1998, 2,2 triệu USD tháng 2, 1998. Thị trường cho thuê văn phòng cũng bị suy sụp. Tại Hà Nội giá thuê đã giảm 25%-30% trong năm vừa qua, từ 35-40 USD/m² một tháng xuống 25-30 USD/m². Tại Saigon giá thuê giảm 28%, từ 25 USD/m² một tháng xuống 18 USD/m². Các khu công nghiệp đã phải giảm giá thuê mướn đất từ 0,50 USD/m² một năm xuống 0,13-0,27 USD/m². Còn về dịch vụ cho thuê chỗ làm gian hàng triển lãm thương mại thì tình trạng sa sút rõ rệt, bằng chứng là có rất nhiều chỗ trống tại cuộc triển lãm nghề dệt sợi, may mặc, thuộc da và giày dép tại Hà Nội trong tháng 3, 1998 vừa qua. Các biến động kinh tế xảy ra cách đây một năm tại một số quốc gia Á Châu có vốn đầu tư ở VN đã buộc nhiều tập đoàn kinh tế các nước này phải thu hẹp hoạt động hoặc rút lui khỏi VN. Chính quyền VN hy vọng rằng đầu tư nước ngoài gốc Á Châu bớt đi thì đầu tư nước ngoài của doanh nhân Âu Châu và Bắc Mỹ sẽ tăng lên. Đây là một ý tưởng viển vông vì trong điều kiện hiện nay, tư bản Âu Châu và Bắc Mỹ, khi mua lại các cơ sở kinh tế bán với giá rẻ tại Thái Lan, Mã Lai, Phi Luật Tân, Đại Hàn hoặc Nam Dương, có lợi hơn đầu tư vào VN.

Doanh nghiệp nhà nước: Khu vực doanh nghiệp nhà nước là cột trụ của cơ chế "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" nhưng hầu hết là những cơ sở có hiệu suất thấp và thiết bị lạc

hậu. Vốn tự có của các doanh nghiệp nhà nước rất yếu kém và khả năng tự tạo vốn cũng không hơn. Doanh nghiệp nhà nước hoạt động dựa vào "tín dụng" do ngân hàng thương mại nhà nước cấp mà không phải hoàn trả cả vốn lẫn lời. Theo chuẩn kế toán và chiết tính của nhà nước thì 40% doanh nghiệp buôn bán lỗ lã. Nhưng nếu áp dụng chuẩn mực thông thường dựa trên tất cả các nhập lượng ở đầu vào và các xuất lượng ở đầu ra, và căn cứ theo "giá trị quy định khách quan" (évaluations objectivement déterminées, nói theo ngôn ngữ kinh tế xã hội chủ nghĩa) thì chắc chắn số doanh nghiệp không bị thua lỗ không có nhiều. Theo một vài tài liệu, chỉ có khoảng 300 doanh nghiệp nhà nước là lành mạnh và có khả năng tự lực cánh sinh. Các doanh nghiệp nhà nước tuy ngành đều trực thuộc bộ này hoặc bộ kia. Riêng quân đội hiện nay có khoảng 200 doanh nghiệp trong đó có 4 tổng công ty và chiếm gần 20% sản xuất công nghiệp của cả nước. Nếu so sánh doanh nghiệp nhà nước với khu vực kinh tế tư nhân hoặc với xí nghiệp đầu tư nước ngoài thì doanh nghiệp nhà nước vừa là cầu thủ vừa là trọng tài. Tuy vậy, khi so sánh thi đua, sản xuất của doanh nghiệp nhà nước chỉ tăng 10% trong 4 tháng đầu 1998 so với 6% của doanh nghiệp tư nhân và 21% của doanh nghiệp nước ngoài. Sự kiện hội đồng quản lý của các doanh nghiệp nhà nước do Đảng và chính phủ chỉ định rất bất lợi cho hiệu suất kinh tế và hoạt động sản xuất lành mạnh. Tình trạng doanh nghiệp nhà nước khó khăn đã buộc phải giảm bớt lao động 10% trong năm 1997, khiến khoảng 170 000 người bị mất việc. Trong 3 tháng đầu 1998, số lao động tại các doanh nghiệp nhà nước lại giảm thêm 68 000 người. Gần đây có trường hợp xí nghiệp dệt Nam Định, ở cách Hà Nội 100 cây số, là xí nghiệp lớn nhất Việt Nam bị đổ vỡ. Trong năm qua số lao động của xí nghiệp Nam Định từ 18 500 người phải giảm xuống 6 200 người. Thành phần quản lý các doanh nghiệp nhà nước thiếu hiểu biết và kém khả năng về mọi mặt, từ kế hoạch tổ chức tối tiếp thị, kiểm soát tài chính hoặc sử dụng tài nguyên. Sản phẩm của các doanh nghiệp nhà nước có chất lượng thấp khiến khó xuất khẩu, không cạnh tranh được với nước ngoài. Ở trong nước thì sản phẩm không được

ưa chuộng bằng hàng nhập khẩu. Chính tình trạng công nghệ lạc hậu và điều kiện sản xuất tồi tệ của các doanh nghiệp nhà nước đã gián tiếp nuôi dưỡng nạn buôn lậu hàng nước ngoài ở Việt Nam. Thật không quá đáng nếu bảo rằng khu vực doanh nghiệp nhà nước là trái bom kinh tế nổ chậm. Điều nguy hiểm hơn nữa là khác với Trung Quốc, Việt Nam không có phương tiện riêng của mình để tháo gỡ trái bom đó. Thực vậy, Trung Quốc hiện tiến xa hơn Việt Nam nhiều trong việc chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước. Nhờ có số dự trữ ngoại tệ tương đối quan trọng (140 tỷ USD) và nhờ các ngân hàng có vốn và phương tiện thanh toán (tương đương với khoảng 550 tỷ USD), Trung Quốc có điều kiện để có thể đề ra những dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở, khuyến khích kinh tế tư nhân ngõ hầu thu dụng lại số lao động mất việc tại các doanh nghiệp nhà nước. Giới thông thạo kinh tế Trung Quốc ước tính số lao động nghỉ việc tại các doanh nghiệp nhà nước có thể lên tới 4 triệu người. Theo tạp chí Business Week (6-4-1998), Trung Quốc dự tính ứng ra 30 tỷ USD trong năm nay để thực hiện những công trình mới, tạo việc làm, tránh thất nghiệp do việc chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước gây ra.

Tổ chức ngân hàng : Toàn bộ cơ chế ngân hàng VN là một tổ chức hoạt động không có tính độc lập đối với đảng và nhà nước. Từ Ngân Hàng Trung Ương tới ngân hàng thương mại rồi ngân hàng cổ phần, tất cả chỉ là công cụ của đảng và chính quyền VN. Chẳng hạn Ngân Hàng Trung Ương VN trực tiếp tham gia soạn thảo và chi phối ngân sách chính phủ. Nhất là mỗi khi ngân sách chính phủ thiếu hụt Ngân Hàng Trung Ương đều cấp phát vốn để quân bình chi tiêu. Đổi lại và để phần nào kiểm soát khối tiền tệ, bảo vệ trị giá đồng bạc VN, chính phủ phát hành trái phiếu kho bạc để đưa bán trên thị trường. Chính Ngân Hàng Trung Ương thay chính phủ VN đứng ra bán hoặc mua lại trái phiếu kho bạc. Đối với các ngân hàng thương mại VN, vai trò cũng không khác. Tất cả bốn ngân hàng thương mại (Ngân Hàng Ngoại Thương, Ngân Hàng Nông Nghiệp, Ngân Hàng Phát Triển và Đầu Tư, Ngân Hàng Công Nghiệp và Thương Mại) đều do Ngân Hàng Trung Ương lập ra. Ngoài trừ một số tiền gửi rất nhỏ

của tư nhân, tất cả vốn hoạt động của bốn ngân hàng thương mại đều do Ngân Hàng Trung Ương cấp. Cả bốn ngân hàng thương mại này chỉ là những cơ quan quản lý tiền của chính phủ, sử dụng tiền này để cấp phát vốn cho các doanh nghiệp nhà nước đầu tư sản xuất theo ý muốn và quyền lợi chính trị của đảng. Các ngân hàng cấp phát vốn cho vay mà không căn cứ trên sự tính toán rủi ro, quyết định tài trợ các doanh nghiệp nhà nước mà không cứu xét tính khả thi và ước lượng hiệu suất của dự án. Việt Nam có 19 ngân hàng cổ phần (joint stock bank), 30% vốn của mỗi ngân hàng do các cơ quan chính phủ đóng góp. Lợi ích kinh tế thực sự của các ngân hàng cổ phần không rõ ràng, nếu không muốn nói là không có. Các ngân hàng cổ phần chỉ có vai trò cấp tín dụng tài trợ các dịch vụ mua bán hàng hóa (thực tế là nhập khẩu hàng tiêu dùng như xe Honda, tủ lạnh, máy truyền hình, v.v.), dịch vụ vay trả chậm, xây cất mini-hôtel. Ngân hàng cổ phần là phương pháp tiện lợi được bày vẽ ra để giới lãnh đạo đảng và nhà nước cùng phe cánh chia nhau làm giàu. Đặc biệt trong những năm 1994-1995, khi lãi suất cho vay ở VN có lúc cao (30-32%) gấp bốn lần lãi suất quốc tế (7-8%), các ngân hàng cổ phần lợi dụng tín dụng thương mại của nước ngoài có lãi suất thấp để thực hiện những nghiệp vụ có tích cách cơ hội và trực lợi (xây cất mini-hôtel, dịch vụ vay trả chậm). Nói chung, tổ chức ngân hàng VN không giữ vai trò thông thường là làm trung gian giữa người có tiền nhàn rỗi muốn gửi và người đi tìm vốn để đầu tư sản xuất. Bởi vậy, ưu tiên của các ngân hàng không phải là huy động vốn và thu hút tiết kiệm. Các ngân hàng không có nhu cầu tạo sự tín nhiệm, quản lý đúng đắn tiền gửi. Tựa như các doanh nghiệp nhà nước, các ngân hàng VN thiếu vốn tự có, không có khả năng tự tạo vốn mới. Ngoài ra các ngân hàng hầu như chỉ tài trợ các doanh nghiệp nhà nước là những cơ sở sản xuất không hiệu quả, hoặc đi vào những hoạt động không lành mạnh có tính cách cơ hội và trực lợi. Bởi vậy, một khi các doanh nghiệp nhà nước bị khó khăn và thời cơ làm giàu chấm dứt thì tất nhiên hệ thống ngân hàng VN phải lung lay, lo sợ thiếu vốn, không đủ phương tiện để thanh toán các dịch vụ tài chính hoặc giao ước thương mại,

nhất là đối với nước ngoài. Trường hợp các ngân hàng cổ phần, và ngay cả ngân hàng thương mại nhà nước Vietcombank và Incombank không thanh toán tín dụng thư đúng kỳ hạn xảy ra vào những tháng 4 và 6, 1997 đã phơi bày cách hoạt động thiếu đúng đắn, không tạo được sự tín nhiệm của các ngân hàng VN. Mới đây chính quyền VN đã phải xuất ra 50 tỷ đồng (khoảng 4 triệu USD) để cứu vớt ngân hàng cổ phần Nam Đô vì sợ ảnh hưởng dây chuyền tràn lan tất cả hệ thống ngân hàng. Chung quy, hệ thống ngân hàng VN không đóng góp đầy đủ và có hiệu quả vào nhiệm vụ huy động tiết kiệm trong nước, thu hút vốn nước ngoài và tài trợ các dự án đầu tư đúng đắn để đưa kinh tế VN đi lên một cách bền vững.

3. Phương cách giải quyết của chính quyền VN.

Các vấn đề kinh tế trước mắt của VN không khác của Trung Quốc, tuy nhiên VN thiếu điều kiện và phương tiện để giải quyết. Đứng trước các vấn đề ấy, chính quyền VN đã chọn một phương cách giải quyết có tính cách đổi mới và chấp nhận. Vì mục đích bảo vệ độc quyền lãnh đạo của đảng CS và vì sợ mọi sự thay đổi có thể làm sứt mẻ quyền lãnh đạo này, chính quyền VN cho thấy có khuynh hướng chần chờ quyết định, đợi "nước tới chân mới nhẩy", chỉ giải quyết vấn đề khi khó khăn hiện ra và đã có ảnh hưởng rất tiêu cực. Đối với đầu tư nước ngoài chính quyền VN chỉ sửa đổi và víu luật đầu tư nước ngoài và nhường lẻ tẻ vài dễ dãi hoặc lợi ích nhằm thuyết phục doanh nhân nước ngoài đầu tư sản xuất ở VN. Chẳng hạn, gần đây chính quyền VN giảm giá thuê đất và văn phòng, đặt số điện thoại đặc biệt để trả lời câu hỏi và thắc mắc của doanh nhân nước ngoài. Trong tương lai, chính quyền VN còn sửa đổi và bổ túc nhiều lần luật đầu tư nước ngoài, nối rộng ở điểm này, thắt chặt ở điểm kia. Cuối cùng luật vẫn thiếu tính thuyết phục để thu hút đầu tư nước ngoài. Về doanh nghiệp nhà nước, chính quyền VN tuy có ý muốn tổ chức lại để các doanh nghiệp bớt thua lỗ, nâng cao hiệu suất nhưng cụ thể không có gì đúng đắn và hoàn chỉnh. Cuối tháng 4, 1998 vừa qua chính quyền VN đã quyết định, với tính cách thử nghiệm, chọn 2 hoặc 3 doanh nghiệp nhà nước và cho hội đồng quản lý quyền chọn lựa

chủ tịch-tổng giám đốc để điều khiển doanh nghiệp với hy vọng nâng cao hiệu suất. Kết quả ra sao thì chưa được công bố. Nhưng chắc chắn thử nghiệm sẽ không thành vì chủ tịch-tổng giám sẽ làm được gì khi khuôn khổ hoạt động không thay đổi? Một khác, chính quyền VN có ý mở rộng chương trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, nhưng chương trình nặng về hình thức và nghèo về nội dung. Đường lối mập mờ, lúc tiến lùi, lại thiếu định hướng dứt khoát. Các điều kiện thực tế tối thiểu bảo đảm tính khả thi của chương trình, những biện pháp rõ rệt quy định cách thi hành đúng đắn không có. Đối với khu vực ngân hàng, tình trạng cũng không hơn. Chính quyền VN chỉ có vài quyết định nửa chừng, thi hành những biện pháp hời hợt. Cụ thể là phát hành trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, xuất tiền để cứu vớt tạm thời các ngân hàng cổ phần thiếu phương tiện thanh toán lưu hoạt. Gần đây có tin chính quyền VN sắp thành lập một hội đồng nhà nước đặc trách các vấn đề tài chính, tiền tệ và ngân hàng. Hội đồng này cũng sẽ chẳng làm được gì vì bị gò bó trong khuôn khổ "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa"

4. Những phương cách giải quyết khác

Sau đây là vài cách khác để giải quyết các vấn đề kinh tế trước mắt của VN.

- Nâng cao đầu tư nước ngoài, phá giá đồng bạc và mở rộng kinh tế tư nhân: Hướng đi này có tính cách giai đoạn và nhắm kìm hãm kinh tế tụt hậu bằng cách, một mặt, phát triển thị trường xuất khẩu, và mặt khác khuyến khích kinh tế tư nhân và nâng cao tiêu dùng trong nước. Đối với thị trường xuất khẩu, chính quyền phải thay đổi sâu rộng luật đầu tư nước ngoài với mục tiêu rõ rệt là khuyến khích doanh nhân nước ngoài đầu tư hoạt động lâu dài ở VN, sản xuất sản phẩm trung gian và chú trọng vào những ngành có nhiều khả năng xuất khẩu. Ngoài ra, song song với sửa đổi luật đầu tư nước ngoài, chính quyền phải phá giá đồng tiền để có thể bảo đảm xuất khẩu tăng trưởng tối đa. Trong điều kiện hiện nay, và có thể kéo dài ba hoặc bốn năm nữa, VN phải cạnh tranh gay go với các nước khác trong vùng, thị trường xuất khẩu khó đủ mạnh để đưa kinh tế VN đi lên. Do đó, nói rộng và tạo các điều kiện hoạt động cho khu vực

kinh tế tư nhân là một đòi hỏi khẩn thiết. Mục đích là giúp ngành này bành trướng và đồng thời khuyến khích có giới hạn tiêu dùng trong nước. Tuy nhiên hiệu quả của phương cách này rất giới hạn. Tình hình kinh tế trong vùng khiến lúc này vốn đầu nước ngoài khan hiếm. Ngoài ra kinh tế tư nhân không thể phát triển nhiều nếu doanh nghiệp nhà nước và hệ thống ngân hàng không thay đổi.

- Sửa đổi doanh nghiệp nhà nước và hệ thống ngân hàng : Hướng đi này tập trung vào thay đổi khu vực doanh nghiệp nhà nước và hệ thống ngân hàng để các cơ sở này bớt thua lỗ, có khả năng tự tạo vốn. Việc thay đổi hai khu vực kinh tế này đi song song với nhau và chủ yếu có nội dung như sau : quản lý doanh nghiệp nhà nước và hệ thống ngân hàng trở nên độc lập với hành chính nhà nước. Tiền mà chính phủ đã xuất ra làm vốn cho doanh nghiệp nhà nước và ngân hàng trở thành cổ phần nhà nước. Các doanh nghiệp nhà nước và ngân hàng thương mại chiết tính giá cả, ước lượng lời lỗ và giữ gìn sổ sách theo các chuẩn mực kế toán quốc tế. Các hoạt động, các dự án, các quyết định đều tuân thủ hoặc xuất vốn vốn tài trợ dựa trên tính toán mức độ rủi ro, tính khả thi và tỷ lệ lợi nhuận. Kết quả hoạt động và sổ sách kế toán được phổ biến đầy đủ, công khai và rõ rệt.

Các sửa đổi nêu trên nhằm giúp các doanh nghiệp nhà nước và hệ thống ngân hàng trở nên lành mạnh nhưng sẽ không đủ để ngăn chặn kinh tế tụt hậu, không đủ để đưa kinh tế vào con đường phát triển bền vững.

- Nâng cao đầu tư nước ngoài, phá giá đồng tiền, sửa đổi doanh nghiệp nhà nước cùng hệ thống ngân hàng : Ngân Hàng Thế Giới và Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế đều khuyến cáo chính quyền VN theo hướng này. Thực tế, phương cách giải quyết này có nghĩa là dành cho đầu tư nước ngoài các điều kiện hoạt động để có khả năng thu hút vốn mạnh hơn. Sửa đổi cách quản lý và kiểu hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước và ngân hàng thương mại để bảo đảm có hiệu suất cao. Phá giá đồng tiền để giúp khuếch trương xuất khẩu. Thực hiện đúng đắn tất cả các điều vừa kể có thể giải quyết được, xét về lượng, tới 70-75% các khó khăn đã làm kinh tế tụt hậu. Nhưng nó vẫn không cho phép đạt được một nền kinh tế lành mạnh, có nền tảng tốt để kinh tế vững bước tiến lên.

- Giải quyết trọn vẹn và toàn bộ các vấn đề theo hướng dân chủ hóa đất nước: Theo hướng này thì chính quyền, trong khuôn khổ nhà nước pháp trị, và đặc biệt trong lãnh vực kinh tế-tài chính, phải có những luật lệ và thủ tục quy định trước một cách công khai, đầy đủ và rõ ràng để đầu tư nước ngoài biết đường đi lưỡng và tính toán. Chính quyền VN chấm dứt cấu kết với đảng CSVN, lợi dụng quyền bính để thao túng nền kinh tế quốc gia. Quân đội trở về vai trò quốc phòng (hiện nay quân đội có vũ lực, giữ chính quyền và đồng thời hoạt động kinh tế). Các cơ quan công quyền trung ương lấn địa phương (các bộ, nha hoặc sở) chỉ có vai trò giữ gìn và tổ chức hành chính nhà nước. Chính quyền phải chuyển đổi các doanh nghiệp nhà nước thành cơ sở tự trị hoặc sở hữu tư nhân. Các ngân hàng trở thành những ngân hàng thực sự tức là chỉ cấp vốn và tài trợ những doanh nghiệp tạo việc làm, sản xuất có trị giá gia tăng và có khả năng hoàn vốn vay nợ. Câu hỏi đặt ra với hướng đi này là VN có hoàn cảnh và phương tiện để theo không và cái giá phải trả là gì ? VN có điều kiện tiềm tàng đáng kể là số tiền nhàn rỗi trong tay dân chúng nhưng không ở trong hệ thống ngân hàng. Theo một vài ước tính, số tiền này khoảng 8-9 tỷ Mỹ kim, tương đương với 1/3 tổng sản lượng nội địa. Một thay đổi toàn diện tổ chức xã hội mới có thể huy động được số tiền này. Từ đó sẽ giúp giải quyết được một số vấn đề và tránh được phần nào nạn thất nghiệp do việc chuyển đổi khu vực doanh nghiệp nhà nước gây ra. Nguy cơ thất nghiệp gia tăng chính là cái giá phải trả khi chọn hướng này.

Kết luận

Kinh tế VN hiện có một số vấn đề, trước sau cũng phải giải quyết. Hoặc đảng CS và chính quyền VN chủ động giải quyết, hoặc bị áp lực của các định chế tài chính quốc tế mà phải giải quyết, hoặc buộc phải giải quyết vì những biến động trong xã hội VN. Trên bình diện quyền lợi đất nước, điều quan trọng là cần phải giải quyết nhanh chóng và cơ bản để kinh tế đi lên được một cách bền vững, giảm bớt đói khổ cho dân tộc. Phương cách này đòi hỏi Đảng CSVN phải từ bỏ độc quyền và chấp nhận dân chủ hóa thật sự đất nước.

Nguyễn Ngọc Hiệp

Quyền làm người

Võ Xuân Minh

Con đường ra khỏi bế tắc và vươn lên của chúng ta là dân chủ đa nguyên và nhân quyền.
(Dự án chính trị dân chủ đa nguyên 1996 - Thủ Thách và Hy Vọng)

Chẳng còn bao lâu nữa chúng ta sẽ bước qua thiên niên kỷ thứ ba. Đối với thế giới, năm 2000 là cột mốc của một nền văn minh mới, của trí tuệ và truyền thông, của tự do và sung túc. Nhưng còn Việt Nam?

Những câu hỏi vẫn phải được đặt ra: Tại sao Việt Nam có một địa lý thuận lợi, một dân số đông đảo mà lại là một trong những nước nghèo nàn nhất thế giới? Tại sao trong suốt dòng lịch sử người Việt Nam đã hy sinh rất nhiều, đã trả những giá rất đắt để cứu nước và dựng nước nhưng quốc gia vẫn lạc hậu, người dân vẫn khốn khổ? Và tại sao trong hơn hai mươi năm qua chúng ta đã không đánh đổ được chế độ độc tài để xây dựng dân chủ?

Mỗi câu hỏi rất có thể có nhiều câu trả lời, nhưng cũng có thể có một câu trả lời cho tất cả những câu hỏi đó: Việt Nam đã không vươn lên được vì người Việt không có đầy đủ quyền làm người.

Mỗi dân tộc, mỗi quốc gia đều có những tập tính, vị thế và bối cảnh khác nhau, nhưng nhìn chung, từ trước đến nay, chúng ta thấy rằng ở bất cứ nơi nào, thời nào nhân quyền được tôn trọng thì ở nơi đó, thời đó có tiến bộ và phồn vinh.

Khi nói đến các nền văn minh thì chúng ta thường hay nhắc đến nền văn minh Hy Lạp - La Mã. Trong những thế kỷ thứ IV, thứ III trước Công Nguyên (CN) họ đã làm chủ cả một vùng đất rộng lớn từ Đại Tây Dương cho đến Ấn Độ Dương. Không những vậy, văn hóa của họ đã ảnh hưởng khắp thế giới và đã đóng góp rất nhiều cho nền văn minh chung của nhân loại. Tại sao họ hùng mạnh và tiến bộ như vậy? Tại vì những thế kỷ trước đó, công dân của một số thành quốc Hy Lạp, như Athènes, đã có quyền làm người.

Loài người, như Aristote nhận định, cũng giống như nhiều sinh vật khác, thích sống chung với nhau. Nhưng loài người tiến bộ vượt hẳn các loài sinh vật khác nhờ có khả năng suy luận, phán xét. Khả năng này là một vốn quý và cần phải được khai thác triệt để nếu chúng ta muốn tiến bộ. Do đó, quyền làm người trước hết là quyền tự do tụ họp và quyền tự do suy

nghia và phát biểu. Năm 507 trước CN, Athènes đã có dân chủ, công dân Athènes đã có những quyền đó, và Hy Lạp đã là một cường quốc.

Phải nói là dân chủ và nhân quyền tại Hy Lạp thời đó có nhiều khiếm khuyết, bằng chứng là Socrate (469-399 trước CN) đã bị bức tử vì ông đả kích những chính trị gia Athènes, và vì lý luận của ông thuận lợi cho việc thành hình thể chế quý tộc (aristocratie), không được đa số chấp nhận. Tuy nhiên, Socrate là một trường hợp đặc biệt và chỉ bị bức tử vào lúc 70 tuổi. Ông đã được tự do du thuyết trong một thời gian dài, và học trò của ông, như Platon (427-347 trước CN), vẫn được tự do khai phá tư tưởng của ông và tự do mở trường dạy học. Ngày nay, tại Việt Nam, người dân vẫn không có những quyền mà những công dân Hy Lạp đã có cách đây hơn hai ngàn năm.

Nhờ tôn trọng một số quyền căn bản của con người như tự do tư tưởng, tự do hội họp mà Hy Lạp đã có được những triết gia lớn như Socrate, Platon, Aristote, Sénèque, Plutarque... Họ đã đóng góp rất nhiều cho nền văn minh Hy Lạp, và cho cả nền văn minh của nhân loại.

Socrate tuy đã có những nhận định sai lầm về khuôn mẫu tổ chức xã hội nhưng ông đã có công nâng cao trình độ suy luận. Nhận thấy những khuyết điểm của xã hội dân chủ Athènes cũng như những tệ hại của những chính trị gia thiếu khả năng quản lý quốc gia, ông muốn xây dựng một xã hội trật tự và đặc biệt được quản lý bởi những người có kiến thức và khả năng. Nhưng thay vì tìm cách cải tổ thể chế dân chủ đó, ông lại đả kích dân chủ và chỉ trích quyền tự do của công dân. Ông đề nghị một xã hội chuyên chế, trong đó người dân phải phục tùng người cầm quyền như con cái phải phục tùng cha mẹ, như nô lệ phải phục tùng chủ. Tuy nhiên, Socrate chỉ đưa ra một số phương pháp luận, như Tam Đoạn Luận, và đặt những câu hỏi để người đối thoại phải suy nghĩ và tự tìm lấy câu trả lời, tự tìm kiếm sự thật chứ ông không tìm cách áp đặt tư tưởng của ông. Ông đã có công lớn trong việc thúc đẩy khai phá tư tưởng. Sau Socrate,

Hy Lạp đã có nhiều triết gia lớn khác.

Tiếp nối Socrate, Platon đề nghị một mô hình xã hội lý tưởng: mỗi người đảm nhận chức vụ phù hợp với khả năng của mình, những người có khả năng suy nghĩ và chỉ huy nắm giữ vai trò lãnh đạo; giai cấp lãnh đạo gồm những người sống hoàn toàn vì xã hội, không có tài sản cũng như đời sống riêng tư và không có tham vọng cá nhân. Để bảo đảm công bằng xã hội, quyền lực tối cao phải ở trong tay những người hoàn toàn khôn ngoan và công minh. Những nhà hiền triết phải là những người đứng đầu xã hội. Nhưng về sau, chính Platon tự chất vấn: nếu không có "vua hiền", roi-philosophe, thì sao? Ông đi đến câu trả lời là tốt hơn cả nên có một nhà nước pháp trị. Luật pháp dù có những kẽ hở vì tính tổng quát của nó nhưng trí tuệ tập thể được biểu hiện trong luật pháp và có thể can thiệp một cách gián tiếp qua luật pháp. Để tránh sự lạm quyền, Platon đề nghị một thể chế cộng hòa với các đạo luật bảo vệ người dân đối với chính quyền, và các cơ quan quyền lực có khả năng kiểm soát những cơ quan khác.

Trong quá trình tìm cách xây dựng một xã hội đúng (une société juste), tư tưởng của Platon đã thay đổi rất nhiều. Càng về sau ông càng chú trọng đến thực tế và nhận định rằng một xã hội đúng phải phù hợp với bản chất của con người. Ông khuyên các chính trị gia phải rút tia những bài học của lịch sử.

Aristote (384-322 trước CN), học trò của Platon, cho rằng Nhà nước là để bảo đảm một đời sống thoải mái, cứu cánh của Nhà nước là hạnh phúc của công dân. Và vì chỉ trong thời bình người dân mới có hạnh phúc nên Nhà nước cần biết tránh chiến tranh. Về điểm này, Nguyễn Trãi cũng có cùng một quan điểm: chính trị cốt mưu tìm hòa bình, bạo lực chỉ dùng đến trong trường hợp bất đắc dĩ (nhân nghĩa chi cơ yếu tại an dân, điếu phạt vi sơ mạc tiên khử bạo).

Sau khi nghiên cứu những thể chế chính trị của 150 Nhà nước Hy Lạp, Aristote quả quyết rằng bất bình đẳng là nguyên nhân của mọi cuộc đấu tranh chính trị. Và đó cũng là ưu tư hàng đầu

của Aristote. Ông cho rằng Nhà nước tốt nhất là Nhà nước có một chính phủ hợp hiến và cho phép mọi công dân lần lượt thay phiên nhau tham gia vào việc quản lý quốc gia. Mọi công dân phải được thừa hưởng một nền giáo dục như nhau. Aristote rất chú trọng đến luật pháp. Nhà nước, qua luật pháp, sẽ hướng dẫn, can thiệp và kiểm soát mọi sinh hoạt của công dân. Nhưng về sau, ông lại nhấn mạnh là con người cần phải được độc lập, mỗi người có quyền hành sử theo những chọn lựa riêng của mình.

Platon và Aristote là những nhà tư tưởng lớn. Họ không ngừng quan sát xã hội và bản chất của con người. Họ không ngần ngại thay đổi quan điểm khi nhận thấy nó không phù hợp với thực tế hay giới hạn quyền làm người. Dù có những lúng túng, lầm lẫn lúc ban đầu nhưng cuối cùng Platon đã bênh vực thể chế dân chủ cũng như Aristote đã bênh vực quyền tự do của người dân. Những mô hình xã hội họ đề nghị tất nhiên có nhiều khiếm khuyết vì đó là những tư tưởng chính trị đầu tiên nhưng họ đã mở đường cho nền văn minh dân chủ. Họ đã có công lớn trong việc xây dựng nền văn minh Hy Lạp - La Mã cũng như đã ảnh hưởng lớn đến các nền văn minh Thiên Chúa Giáo và văn minh Phương Tây sau này.

Sau nền văn minh Hy Lạp - La Mã người ta thường nói đến nền văn minh Thiên Chúa Giáo. Ngoài đức tin của một tôn giáo, Thiên Chúa Giáo đã đề cao một cách mạnh mẽ các giá trị công bằng, bình đẳng, tự do, hòa bình, hòa giải, bác ái. Đây là các giá trị bảo đảm nhân quyền và nâng cao phẩm giá con người. Các giá trị này đã đáp ứng được khát vọng của rất nhiều người và đã mở ra một nền văn minh Phương Tây.

Triết lý Phật Giáo cũng đã đặt nền tảng trên những giá trị đó, và đúng ra, đã có thể mở ra một kỷ nguyên mới cho nhiều quốc gia, dân tộc. Khi nghiên cứu tư tưởng chính trị của Ấn Độ chúng ta nhận thấy rằng tư tưởng tiến bộ nhất là tư tưởng Phật Giáo. Phật Giáo đã không chấp nhận hệ thống đẳng cấp, đã đưa ra khái niệm về lập pháp và, một cách gián tiếp, một lý thuyết về khế ước xã hội dựa trên nhân quyền. Tiếc rằng văn hóa Ấn không coi trọng nhân quyền nên Phật Giáo đã không có ảnh hưởng sâu rộng ở Ấn, và có lẽ cũng vì Phật Giáo có cái nhìn bi quan về cuộc đời, cho rằng đời là bể khổ và tìm cách xuất thế (thoát khỏi vòng luân hồi) nên đã giảm bớt sức năng động

những tư tưởng tiến bộ này (1).

Nhờ tôn trọng nhân quyền hơn các nơi khác mà các nước Phương Tây đã phát triển và phồn vinh hơn hẳn phần còn lại của thế giới. Bá Dương, tác giả của cuốn "Người Trung Quốc xấu xí", đã nhận xét rằng trong thời đại vua chúa, ở cung đình, người Phương Tây chỉ quy một gối còn người Trung Hoa không những phải quy cả hai gối mà còn khấu đầu, đập đầu xuống đất cho kêu thành tiếng. Phải nói là phẩm giá con người ở Phương Đông thấp hơn ở Phương Tây rất nhiều. Nhất là dưới triều Minh (1368-1644) "nhân phẩm bị chà đạp đến độ không tưởng tượng được" (2). Trong khi đó, từ thế kỷ 16, nhờ sự đóng góp của nhiều tư tưởng gia như Montaigne, Pascal, John Lock, Montesquieu, Voltaire, Rousseau, Diderot, A. Jackson... mà các nước Phương Tây đã có ý thức rõ rệt về dân chủ và nhân quyền đã được long trọng ghi vào hiến pháp. Và cũng trong những thế kỷ này các nước Phương Tây đã tiến bộ vượt bậc trong mọi địa hạt. Một lần nữa, nơi nào nhân quyền được tôn trọng nơi đó có tiến bộ và phồn vinh.

Dân tộc ta đã trải qua một ngàn năm nô lệ, kể đến là các chế độ quân chủ chuyên chế nối tiếp nhau cho đến thế kỷ 19, rồi lại bị thực dân đô hộ và sau đó là nội chiến và độc tài. Trong suốt dòng lịch sử chật vật đó người dân Việt Nam chỉ có quyền hy sinh và chịu đựng, không có quyền làm người nên đất nước Việt Nam mãi nghèo nàn lạc hậu, người dân Việt Nam mãi cơ cực, khốn khổ. Chúng ta phải nhận rõ vấn đề để có một định hướng đúng cho công cuộc đấu tranh hôm nay.

Trong hơn hai mươi năm qua chế độ độc tài cộng sản đã thống trị đất nước Việt Nam và hơn mươi năm nay ai cũng nhận thấy rằng chế độ đó đã phân hóa, suy yếu và bị mọi người chán ghét. Cũng trong hơn hai mươi năm qua Việt Nam đã có rất nhiều người đã dùng cảm chấp nhận tù dày để nói lên tiếng nói của lương tâm và hơn mươi năm nay trào lưu dân chủ đã đánh đổ nhiều chế độ độc tài, đặc biệt là các chế độ độc tài cộng sản, trên thế giới. Nhưng chế độ độc tài cộng sản Việt Nam vẫn còn đó, vẫn nắm quyền hành và tự do thao túng quốc gia. Tại sao?

Có phải là vì đối lập dân chủ Việt Nam có vấn đề hay vì thông điệp dân chủ đã không đến được với mọi người, người dân còn lưỡng lự không tin?

Có lẽ là cả hai. Trong nhiều năm qua đối lập dân chủ đã trì trệ vì quyền cản bả

nhất của con người là quyền tự do tư tưởng đã không được tôn trọng và bảo vệ. Không những ở trong nước mà ngay cả tại hải ngoại, những vụ bạo hành, vu khống, bài xích, hăm dọa đã xảy ra chỉ vì bất đồng ý kiến. Có lẽ vì trong quá khứ không được sử dụng quyền làm người nên chúng ta đã không tha thiết với nó. Đổi lập dân chủ chỉ có thể lớn mạnh khi những người dân chủ dám hành sử những quyền làm người của mình và tranh đấu cho người khác, kể cả các đối thủ của mình, được hành sử những quyền đó. Đây là trường hợp của những người dân chủ trong nước. Tờ báo *Tin Nhà* đã rất chí lý khi cho rằng: "Họ đương sống như những con người để tranh đấu cho quyền làm người" (3).

Một vấn đề quan trọng khác là thông điệp dân chủ. Trên thế giới ít có dân nào khốn khổ vì đất nước lâu dài như dân Việt Nam. Nô lệ, ngoại xâm, nội chiến, phong kiến, thực dân, độc tài đã trải dài trong suốt dòng lịch sử. Yêu nước đã là một chiêu bài làm chết hàng triệu người, làm tan nát hàng triệu gia đình và kết quả là một cuộc sống tù đày, một tương lai mờ mịt. *Đã đến lúc chúng ta phải coi trọng dân hơn là nước*. Đã đến lúc chúng ta phải coi trọng quyền lợi của người dân hơn là quyền lợi của đất nước, phải coi trọng hạnh phúc của người dân hơn là sức mạnh của quốc gia và phải coi trọng tương lai của người dân hơn cả sự tồn tại của quốc gia. Thật ra, dân giàu thì nước mạnh, dân hạnh phúc thì nước yên ổn, và dân có tương lai thì quốc gia mới tồn tại.

Coi trọng dân hôm nay là tranh đấu cho quyền làm người của người dân. Dân Việt Nam đang bị chế độ độc tài toàn trị tước bỏ quyền làm người, kể cả những quyền căn bản nhất như tự do suy nghĩ, tự do ngôn luận. Con người không có quyền tự do suy nghĩ, tự do ngôn luận thì có còn thực sự là con người nữa không? Người Việt Nam không còn làm chủ được đời mình, sinh mạng mình, tương lai mình. Chế độ hiện nay tùy tiện giam cầm, bắt bớ, tra khảo, hành hạ, quản thúc bất cứ ai. Họ viễn dân là nhân quyền ở Việt Nam khác với những nơi khác. Dân tộc Việt Nam thấp kém hơn những dân tộc khác chăng? Tại sao lại một nhóm người có thể độc quyền suy nghĩ thay cho cả nước?

Việt Nam đang tụt hậu một cách bi thảm, đang bế tắc về mọi mặt: chính trị, kinh tế, xã hội. Gần đây, nhiều người, như Nguyễn Thanh Giang, Hoàng Tiến, Trần Độ, Hoàng Minh Chính, Hoàng Hữu Nhân... đã lên tiếng cáo buộc và đóng

góp ý kiến. Tôi rất thích câu nói thẳng thắn, chắc nịch của Trung Tướng Trần Độ: "Khi người dân không có tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do lập hội, tức là những quyền tự do tối thiểu của một chế độ dân chủ, thì moi bàn luận về sự phát triển của đất nước, về hiện đại hóa đất nước chỉ là vô ích". Không có nhận xét nào chính xác hơn.

Không thể phát triển kinh tế nếu không tôn trọng nhân quyền. Không thể giải quyết những tệ nạn xã hội nếu người dân không có quyền làm người. Con người, khi không có quyền làm người thì nhân tính sẽ hao mòn, nhân cách sẽ lụn bại và đạo đức sẽ suy đồi. Hà Sĩ Phu, trong thư gửi cho Hoàng Minh Chính, tháng 2 năm 1998, đã nhận định rằng: "xã hội ta lại phải đương đầu với một cuộc 'tổng khủng hoảng về nhân cách', khó thoát ra được."

Lịch sử mọi nước, mọi thời đã chứng tỏ rằng nơi nào nhân quyền được tôn trọng thì nơi đó có tiến bộ và phồn vinh. Con đường ra khỏi bế tắc và vươn lên của chúng ta là dân chủ đa nguyên và nhân quyền. Chúng ta cần phải khẳng định rằng tham vọng của chúng ta hôm nay không phải là quyền lực mà là một cuộc cách mạng: *tranh đấu để cho mỗi người Việt Nam có đầy đủ quyền làm người*. Cuộc cách mạng đổi đời này sẽ giải tỏa nguồn sinh lực hùng hậu đã có sẵn trong dân tộc ta nhưng cho tới nay vẫn bị triệt tiêu, và vì vậy mà nước ta đã không vươn lên được.

Võ Xuân Minh

1. Ở đây tôi xin mở một dấu ngoặc lớn. Tất cả những tư tưởng nhằm bảo vệ quyền làm người, dù xuất phát từ các triết lý của tôn giáo hay không, đều có khả năng giúp cho xã hội tiến bộ. Các tôn giáo coi trọng nhân quyền đều hữu ích cho quốc gia dân tộc. Nhưng cần phải tách rời tôn giáo ra khỏi chính trị. Nhà nước phải tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của người dân, không được can thiệp vào mọi sinh hoạt tôn giáo. Các nhà lãnh đạo tôn giáo cũng không nên can thiệp vào đời sống chính trị của quốc gia. Đối tượng của tôn giáo là con người chứ không phải là quốc gia. Hãy trả cho César những gì của César và cho Thiên Chúa những gì của Thiên Chúa.

2. Bá Dương, Người Trung Quốc xấu xí, trang 76, Nguyễn Hồi Thủ dịch.

3. Nhân cách kẻ sĩ, Tin Nhà, tháng 5-1998, trang 2.

Thư đọc giả:

Phải cảnh giác!

Tôi thích đọc Thông Luận vì có nhiều tin tức chính xác, có nhiệt tâm với quê hương và đả kích thẳng thừng đảng cộng sản tàn ác. Nhưng đường lối hòa hợp với Hà Nội làm tôi rất lo ngại.

Chánh phủ đầu tiên của Việt Minh thành lập có nhiều đảng phái quốc gia, song lần lượt cộng sản vu khống và sát hại cánh quốc gia để một mình mình chỉ huy kháng chiến và cai trị độc tôn, áp bức.

Họ chỉ hòa hợp trong giai đoạn còn yếu. Khi mạnh, họ sẽ đâm sau lưng những đồng minh hôm qua. Ông Nguyễn Mạnh Tường buỗi đầu kháng chiến theo Việt Minh, hết sức ca tụng "Cụ Hồ". Nhưng vì chỉ trích những sai lầm, tàn ác vô cùng cực trong cải cách ruộng đất (chính cộng sản cũng đã nhìn nhận, sửa sai, xin lỗi nhân dân) mà bị mất chỗ làm, bị cô lập, sống trong sự nghèo đói đến chết.

Chuyên môn lừa bịp, dối gạt từ ông Hồ Chí Minh là thần tượng của họ. Chính "Hồ chủ tịch muôn vàn kính yêu" đã ra lệnh, bằng một bài thơ bốn câu, tổng tấn công Tết Mậu Thân, mặc dầu hai bên đã ký ưu chiến để bình lính cũng như nhân dân được yên ổn thưởng xuân vài ngày. Cùng chính ông ta đã lấy tên giả Trần Dân Tiên để tự ca tụng mình một cách hăng say.

Cuốn hồi ký *Đêm Giữa Ban Ngày* của Vũ Thư Hiên đã cho thấy cái bản chất tàn ác, không tình, không nghĩa của Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Lê Duẩn..., của bộ trưởng công an Trần Quốc Hoàn, một tên ăn trộm trước kia.

Kính chúc quý vị mạnh tiến trên con đường tranh đấu cho tự do, dân chủ của đất nước.

Hứa Văn Ngọ (Pessac)

LTS: *Cụ Hứa Văn Ngọ là phụ tá của phó tổng thống Trần Văn Hương cho đến ngày chót của Việt Nam Cộng Hòa. Cụ đã chứng kiến giai đoạn phó tổng thống Trần Văn Hương lên thay tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và vài ngày sau đó trao quyền lại cho tướng Dương Văn Minh.*

Xin cụ Ngọ yên lòng, đường lối của Thông Luận không phải là "hòa hợp với Hà Nội" mà là "hòa giải và hòa hợp dân tộc" trong mục tiêu xây dựng một tập hợp dân tộc mới để xây đẩy lùi độc tài đảng trị và xây dựng dân chủ cho đất nước. □

THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số (tháng 7 & 8 chỉ ra một số)

Giá báo một năm: 200 FF
(hoặc tương đương)

Ngân phiếu xin đề
VIETNAM FRATERNITE
(xin dùng để Thông Luận)

Địa chỉ liên lạc :
THÔNG LUẬN
124 bis, rue de Flandre
75019 Paris, FRANCE

Bạn đọc tại Đức có thể liên lạc với
đại diện Thông Luận tại Đức:

Nguyễn Thanh Lương
Habsburgerallee 104
60385 Frankfurt aM.
Tel: 069-4940048
Fax: 069-443913

và thanh toán tiền mua báo dài hạn
(60 DM/năm) vào trương mục:

Frankfurt Volksbank e G
THANH LUONG, NGUYEN
Konto-Nr : 00 77 70 82 94
Bankleitzahl : 50 19 00 00

Bạn đọc tại Hoa Kỳ và Canada
có thể liên lạc và góp ý kiến với
Thông Luận qua địa chỉ:

Thong Luan, P.O. Box 7592
Fremont, CA 94537 - 7592
e-mail: qml@juno.com
Khi thanh toán tiền mua báo
(40 USD hay 50 CAD), xin đề tên:

Mrs Quan-My-Lan

THÔNG LUẬN

Ấn bản Hòa Lan

phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
do Hội Bảo Vệ Nhân Quyền Việt Nam
(Stichting Mensenrechten voor Vietnam)

Đại diện nhóm chủ trương: Phan Bá Việt

Địa chỉ liên lạc: Thông Luận Hòa Lan
Stelpswyk 13, 9202 BD Drachten

Telefax: 051.253.1318 - 024.373.0652

Giá báo một năm: 55 gulden,
xin chuyển vào trương mục của hội:
Giro nr 6234112. Postbus 40083

Thông Luận hoan nghênh
mọi ý kiến đóng góp
mọi ủng hộ tài chánh
và cảm ơn quý vị cổ động
để phổ biến tờ báo

Đọc sách...

"Người Trung Quốc Xấu Xí"?

Từ hai năm nay Nguyễn Hồi Thủ thường nói với tôi về dự định dịch cuốn sách *Người Trung Quốc Xấu Xí* (*Sử Lại Dích Trung Quốc Nhân*) của Bá Dương. Hắn rất bận rộn nhưng cố tìm thời giờ để làm việc đó. Hắn nói cuốn sách đó rất cần cho người Việt, nó nói về những tật xấu của người Hoa nhưng cũng toàn là những điều người Việt cần suy ngẫm. Đó là một tấm gương để nhìn mình và sửa mình, không bỏ được những cái xấu đó thì người Việt và nước Việt không thể nào khá được.

Phản ứng đầu tiên của tôi là bàn ra. Tôi bảo Nguyễn Hồi Thủ: "Ông mất thì giờ dịch cuốn sách đó làm gì. Tài nghệ ông còn hơn Bá Dương, ông lại rất hiểu biết xã hội Việt Nam, văn hóa Việt Nam và con người Việt Nam, sao không viết thẳng ra một cuốn *"Người Việt Xấu Xí"* có phải ích lợi và sát sự thực hơn không?". Nguyễn Hồi Thủ xỉ vả tôi một dọc: "Ông làm chính trị mà chẳng hiểu cái quái gì cả, thế thì thắng lợi làm sao được? Một dân tộc phải khá lầm mới dám nói về cái xấu của mình. Người Mỹ có cuốn *The Ugly American* bán rất chạy, người Pháp có *Le Mal Français*, người Nhật có *Người Nhật Xấu Xí* và hình như người Đại Hàn cũng có cuốn sách *Người Hàn Tồi Dở*. Nhưng đó là những dân tộc lớn, đủ lòn để dám nhận mình là xấu, người Hoa và người Việt chưa có tầm cỡ đó. Bá Dương chỉ vì phơi bày cái xấu của người Hoa mà ngồi tù cả mười năm. Đấy là ở Đài Loan còn có chút nhân quyền và tự do phát biểu, ở Hoa Lục thì ông ta chỉ có toi mạng.

Người Việt còn tệ hơn, ông mà không ca tụng người Việt cao quý, người Việt đáng yêu, người Việt anh hùng là ông tiêu ngay. Người Việt mình chỉ có thể là vĩ đại thôi, chính vì thế mà lợi tức của mình mới bằng 1/100 người Nhật. Viết về cái tôi cái xấu của người Việt thì có khó gì đâu, tôi chỉ cần tự xét cá nhân mình cũng đủ viết một cuốn sách đặc sắc, nhưng ma nào đọc? Mà tôi cần họ đọc, có đọc mới khá được, còn nếu không thì cứ tiếp tục đào cùi chuối và sáng tạo hố xí hai ngăn".

Mới đây Nguyễn Hồi Thủ báo tin đã dịch xong và tặng tôi một bản thảo, "để đọc thử và cho ý kiến". Ý kiến gì? Đối

với một bản dịch thì vấn đề chỉ là diễn đạt, mà về nghề viết thì Nguyễn Hồi Thủ lại là bậc thầy của tôi. Tôi chẳng có thể và có quyền có ý kiến nào cả. Tôi chỉ đọc và thưởng thức.

Người Hoa có xấu xí, tôi dở thật không? Họ chỉ là 1% dân số tại Việt Nam nhưng đã nắm phần lớn hoạt động kinh tế của nước ta. Tại Indonesia, họ chỉ có 3-4% dân số nhưng kiểm soát hơn 80% kinh tế. Tại Thái Lan, Philippines họ cũng chỉ là những thiểu số nhưng nắm gần hết mọi ngành hoạt động. Ai không bờ ngòi thán phục những thành tựu của Đài Loan, Hồng Kông và Singapore? Người ta hay nói tới các siêu cường Mỹ, Nhật, Anh, Đức, G8, nhưng người ta thường quên một siêu cường kinh tế khác là cộng đồng người Hoa hải ngoại. Dù tự ái dân tộc có cao lớn kèm càng đến đâu đi nữa, ít có người Việt nào phủ nhận sự hồn hồn của người Hoa, ít ra về mặt kinh doanh và tổ chức. Để gỡ gạc lại phần nào người Việt thường mỉa mai người Hoa là thiếu văn hóa, biết làm giàu nhưng không thích học. Điều này cũng sai nốt. Hồi còn nhỏ tôi từng được nghe huyền thoại Hui Bon Hoa, dốt đặc, xuất thân mua bán lông vịt và ve chai mà trở thành đại phú. Và nhiều chuyện tương tự. Khi mới du học trở về và làm việc trong địa hạt kinh tế tài chánh, tôi được nghe nói trước hết về những tỷ phú người Hoa như Lý Long Thành, Trần Thành, Huỳnh Trù, Trương Đồng Lương, v.v... những con người đụng đầu cùng ra tiền, dù văn hóa thấp đến nỗi viết chưa thạo tên mình. Sự hiểu

ngầm dần sau những nhận xét này là họ đã giàu nhờ lưu manh và khôn vặt. Cơ hội đã cho tôi tiếp xúc với các doanh nhân Hoa kiều này và tôi khám phá ra rằng những thành kiến về họ rất sai sự thật, họ lịch duyệt và có kiến thức uyên bác, không phải chỉ kiến thức kinh doanh mà cả kiến thức văn hóa, chính trị, xã hội.

Người Hoa giỏi lắm, nhất là người Hoa hải ngoại. Nhưng Bá Dương lại kẻ tôi người Hoa, cả trong nước lẫn ngoài nước, là ở bẩn, ăn nói ồn ào, thô lỗ, thiển cận, hèn nhát, ích kỷ, gian trá, cố chấp, bất nhã, chia rẽ, đố kỵ và vô tổ chức. Bá Dương gọi văn hóa Trung Hoa là một hủ tướng gom ghiếc, là thủ phạm đưa đến sự

thua kém bi đát của Trung Hoa. Ông ta quạt thẳng thừng hầu hết mọi nhà hiền triết Trung Hoa mà nhiều dân tộc Á Đông tôn thờ. Thế mà, Bá Dương sau thời gian đầu vất vả giờ đây lại được tiếp đón long trọng ở khắp nơi. Cuốn sách *Người Trung Quốc Xấu Xí* của ông được ấn hành và phổ biến ngay tại Bắc Kinh. Dĩ nhiên cũng vẫn còn những chống đối, đôi khi gay gắt, nhưng phần lớn người Hoa đã cho là Bá Dương nói đúng, và đánh giá cao đóng góp của ông. Thì ra họ cũng không quá tồi.

Điều làm tôi rất thích thú là tôi có cảm tưởng Bá Dương viết về người Việt hơn là về người Hoa. Tôi cố tìm một giải thích. Chúng ta cùng một văn hóa, hay nói như Bá Dương cùng chia sẻ một hủ tướng, với người Hoa, nhưng, như ông Trần Trọng Kim nhận định, ở một mức độ thấp hơn. Mọi cái hay của người Hoa ta đều có nhưng không hay bằng, mọi cái dở của người Hoa ta cũng đều có nhưng dở hơn. Có lẽ vì thế mà khi muốn nhấn mạnh cái dở của người Hoa, Bá Dương đã nói quá một chút, và bức chân dung người Hoa của ông biến thành chân dung người Việt. Tôi đồng ý với Bá Dương khi ông đả kích văn hóa Trung Hoa. Khi một dân tộc cứ đi từ tai họa này đến khổ đau khác và bị quẫn quại trong lạc hậu thì chỉ có hai giải thích, một là con người dở, hai là văn hóa dở. Nhưng người Trung Hoa không dở, họ đã chứng minh điều đó khi sinh sống trong những xã hội khác, như vậy thì thủ phạm chính là văn hóa.

Cuốn sách này đặc sắc về tác giả và nội dung của nó, nhưng nó cũng đặc sắc về người dịch. Nguyễn Hồi Thủ là một kỳ sư và một doanh nhân, tốt nghiệp ngoại giao và thương mại quốc tế, thông thạo tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Nhật, tiếng Trung Hoa, tiếng Tây Ban Nha, đã lang thang trên hầu hết trái đất này. Nhưng Nguyễn Hồi Thủ cũng là một nhà văn và một nhà thơ lớn. Tôi ít thấy ai viết tiếng Việt hay hơn hắn. Tôi thấy hắn quả là một nhà thơ.

Tôi mong rằng nhiều đồng bào tôi sẽ đọc cuốn sách này. Họ sẽ không thất vọng và sẽ thấy nó rất bổ ích. Hy vọng là một ngày nào đó người Việt sẽ dù khoan dung để những người tha thiết với

hậu vân đất nước như Nguyễn Hồi Thủ sẽ không còn phải tránh đạn bằng cách đi dịch một cuốn sách của người nước ngoài khi muốn gửi một thông điệp cho dân tộc mình □

Tại sao Trotsky?

Hình như chưa một người Việt Nam nào được gặp Trotsky cả. Tại sao cho đến nay, hơn một nửa thế kỷ sau ngày ông chết, vẫn còn một số người Việt Nam gắn bó với Trotsky? Vì bộ râu ngộ nghĩnh của ông, hay vì cặp mắt lồng lộn đam mê đăng sau cặp kính tráng mỏng?

Tủ Sách Nghiên Cứu của nhóm Tờ-rốt-kít Việt Nam vừa ấn hành tập I cuốn hồi ký *Đời Tôi* của Léon Trotsky. Tập I này dừng lại ở thời điểm Trotsky về nước sau khi chế độ Nga Hoàng sụp đổ năm 1917. Tập II sẽ là quãng đời ông về nước cầm quyền, rồi thất sủng và lưu vong.

Cuộc đời của Trotsky, tên thật là Bronstein, gắn liền với cuộc cách mạng cộng sản tại Nga. Ông sinh ngày 7 tháng 11 năm 1879. Đúng 38 năm sau, cũng ngày 7 tháng 11 năm 1917, Trotsky cầm đầu cuộc đảo chánh lật đổ chính phủ liên hiệp chuyên tiếp và thiết lập chế độ cộng sản chuyên chính tại Liên Xô, biến cố này về sau được biết tới như là "Cách Mạng Tháng 10 Nga". Hiện nay trên thế giới chỉ còn Việt Nam coi đó là một ngày lễ lớn.

Trotsky bỏ học đi làm cách mạng rất sớm và nổi tiếng cũng rất nhanh. Bị bắt và trốn trại đào thoát ra nước ngoài. Chính trong thời gian ở tù Trotsky đã được gặp gỡ nhiều nhà cách mạng khác và được nghe nói tới Lenin, lúc đó đang lưu vong. Ra hải ngoại, danh tiếng Trotsky càng lên, vượt lên trên mọi người, trừ Lenin mà ông hợp tác chặt chẽ sau một thời gian đối đầu.

Năm 1905, sau "ngày chủ nhật đẫm máu" 22 tháng 1, Trotsky là người đầu tiên về nước và mau chóng trở thành nhân vật số một của sô-viết Petersburg, tổ chức cộng sản đầu tiên trong nội địa nước Nga. Lúc đó Lenin vẫn còn lưu vong. Sau đó phong trào lại bị đàn áp, Trotsky lại bị đày tù và rồi lại lưu vong cho đến 1917.

Mặc dù đã nắm những vai trò rất quan trọng, cầm đầu sô-viết đầu tiên và sau này là cầm đầu cuộc cách mạng tháng 10, trở thành ủy viên nhân dân (bộ

trưởng) ngoại giao, rồi quốc phòng, sáng lập và làm tổng tư lệnh hòng quân Nga, chỉ huy và chiến thắng cuộc nội chiến chống các đạo quân Bạch Nga được sự hỗ trợ của Phương Tây, có thể nói sự nghiệp của Trotsky vẫn là ngòi bút. Trotsky có tài diễn đạt hơn hẳn mọi lãnh tụ cộng sản khác, kể cả Lenin. Ông tranh đấu bằng ngòi bút từ thời thơ ấu và lúc bị ám sát cũng đang tranh đấu bằng ngòi bút. Các tác phẩm của Trotsky có một giá trị văn học mà không ai có thể phủ nhận.

Tư tưởng của Trotsky là gì? Cuốn *Đời Tôi*, dịch từ bản tiếng Pháp *Ma Vie* mà tôi đã đọc cách đây gần ba mươi năm, đã nói lên một phần. Cuốn *Cuộc Cách Mạng Thường Trực* (*La Révolution Permanente*) còn nói rõ hơn. Nói chung, nó cũng không khác tư tưởng Lenin là bao, nghĩa là không có gì đặc sắc và ngày nay có thể nói là đã hoàn toàn lỗi thời. Trotsky không phải là một con người dân chủ, càng không phải là con người ôn hòa và bao dung. Điểm khác biệt chính với Stalin là Trotsky có văn hóa hơn và do đó ứng xử một cách văn minh hơn. Cuối đời, Lenin đã muốn ủng hộ Trotsky thay vì Stalin, nhưng lúc đó đã quá trễ. Stalin đã đào thải được Trotsky, lưu đày, trực xuất và cuối cùng ám sát Trotsky. Các đồng chí của ông cũng chịu chung một số phận bi đát. Có lẽ lý do chính đưa tới thất bại của Trotsky chính là "cách mạng thường trực", ông tiếp tục chủ trương cách mạng toàn cầu sau thế chiến II mặc dầu phong trào cộng sản thất bại và bế tắc ở khắp nơi tại Châu Âu. Về điểm này thì Trotsky quá khích hơn Stalin và cũng không khôn ngoan bằng Stalin với chủ thuyết "chủ nghĩa xã hội trong một nước". Một nghi vấn vẫn được đặt ra là nếu Trotsky thắng Stalin không chừng ông ta sẽ gây ra một cuộc thế chiến khác. Nhưng Trotsky đã chết trước khi có thể cầm quyền để thực hiện đường lối của mình.

Có một cái gì rất lâng mạn trong thất bại, nhất là đối với những nhân vật có tầm vóc lớn như Trotsky. Vì thế hình ảnh của Trotsky, một nhà cách mạng và một trí thức lớn, vẫn còn rất đẹp trong lòng một số người, như Che Guevara sau này.

Trotsky có tầm quan trọng nào đối với Việt Nam không? Có lẽ vì không trả lời được câu hỏi đó mà nhóm Đệ Tứ tại

Việt Nam đã già đi không được tiếp nối. Nhóm Tờ-rốt-kít Việt Nam đã bị đảng cộng sản, theo chỉ thị của Stalin, tiêu diệt hết, kể cả lãnh tụ Tạ Thu Thâu. Ngày nay họ chỉ còn vài người đã rất già tại Pháp. Nhưng họ vẫn cố gắng xuất bản tờ *Chroniques vietnamIennes*, vẫn ấn hành các tác phẩm về Trotsky. Trong thâm tâm họ không còn tin vào lý tưởng của họ, họ chỉ coi những hoạt động này như những vòng hoa tặng các đồng chí đã nằm xuống. Và khi đến lượt họ nằm xuống thì còn ai để tặng hoa cho họ? Riêng tôi, trong tâm hồn lúc nào tôi cũng có một bó hoa cho họ, những con người rất chân thực và yêu nước. Tôi may mắn được biết một số trong họ, các ông Nguyễn Được, Hoàng Hoa Khôi, Đặng Văn Long, Nguyễn Giáp Thới, và luôn dành cho họ một sự kính mến vô cùng. Có lẽ trong lịch sử cận đại của Việt nam, nhóm Đệ Tứ đã là nhóm người duy nhất chưa hề làm hại một ai, chưa hề gây một đố vò nào cho đất nước, mà chỉ là nạn nhân. Nạn nhân của những cuộc tàn sát đẫm máu của đảng cộng sản Việt Nam và của những nghị kỵ trong hàng ngũ những người chống cộng.

Có lý do nào để đọc *Đời Tôi*? Theo tôi có hai lý do. Một là Trotsky viết rất hay và người Việt Nam cũng nên biết về một cuộc cách mạng đã có ảnh hưởng rất lớn trên lịch sử của chính mình. Hai là, một cách rất đáng ngạc nhiên, bản dịch của Nguyễn Hoàng Linh cũng có giá trị văn học cao. Dịch giả đã sử dụng tiếng Việt một cách rất xuất sắc □

Nguyễn Gia Kiêng

Giới thiệu sách mới

Người Trung Quốc Xấu Xí, nguyên tác *Sửu Lâu Dích Trung Quốc Nhân* của Bá Dương (Chou lòu de Zhong Guó rén, Bo Yang), Nguyễn Hồi Thủ dịch. Sách khổ A5, bìa cứng, 300 trang. Nhà xuất bản Chân Mây Cuối Trời. Giá 80 F, tiền gởi 10 F. Chi phiếu 90F xin đề Vietnam Fraternité và gởi về tòa soạn Thông Luận, 124 bis rue de Flandre, 75019 Paris, France.

Đời Tôi, Tủ Sách Nghiên Cứu xuất bản. Tập I, 418 trang, giá bán: 15 USD. Liên lạc: Tủ Sách Nghiên Cứu, BP 246, 75224 Paris Cedex 11, France.

THỜI SỰ...TÌM TỨC...THỜI SỰ...

Tranh luận chớp nhoáng giữa Clinton và Giang Trạch Dân

Người Trung Quốc và thế giới đã bất ngờ được chứng kiến một cuộc tranh luận ngôn ngữ thú vị giữa tổng thống Mỹ và chủ tịch Trung Quốc. Hai vị này đã cùng họp báo và cuộc họp báo được truyền hình trực tiếp.

Trong phần dẫn nhập của ông, tổng thống Bill Clinton đã bày tỏ lòng kính trọng đối với các nạn nhân của cuộc đàn áp đẫm máu tại Thiên An Môn tháng 6-1989. Giang Trạch Dân nhột và khi đến lượt mình đã biện minh cho cuộc đàn áp này. Di xa hơn, Giang Trạch Dân biện minh cho chính sách của Trung Quốc tại Tây Tạng, phủ nhận nghi vấn cho rằng Trung Quốc đã dùng tiền để mua ảnh hưởng trong cuộc bầu cử tổng thống Mỹ năm 1996, nhấn mạnh rằng Trung Quốc đã hy sinh chịu đựng không hạ giá đồng Nhân Dân tệ để tránh cho Châu Á và thế giới khỏi bị khủng hoảng nặng. Sau đó Giang Trạch Dân phát biểu rằng đối với một nước nghèo và đông dân như Trung Quốc, ổn định chính trị phải được đề cao hơn tự do chính trị. Ngay sau đó Clinton phản bác, nói rằng "sự ổn định trong thế kỷ 21 đòi hỏi một mức độ tự do lớn". Giang Trạch Dân không biện luận thêm.

Cuộc trao đổi ngắn ngủi và bất thiệp này đã gây bàng hoàng nỗi tại Trung Quốc và chắc chắn sẽ làm thay đổi không khí chính trị tại đây. Hai vị này không nói điều gì mới, nhưng điều mới là họ đã nói công khai cùng một lúc. Và cũng vì trọng lượng của họ. Miệng kẻ sang có gang có thép!

"Chính sách soi sáng" của Kim Đại Trọng vẫn tiếp tục

Cuối tháng 6-1998, lại thêm một chiếc tàu ngầm quân sự Bắc Hàn bị lật (?) và chìm trong bờ biển Nam Hàn. Cả 9 thủy thủ đều đã chết, tự sát hoặc bị sát hại.

Một sự kiện tương tự đã xảy ra cách đây hai năm, nhưng bi thảm hơn. Cùng một tàu ngầm quân sự Bắc Hàn mắc cạn tại bờ biển Nam Hàn, nhưng toán biệt kích Bắc Hàn đã hạ sát 11 thủy thủ của chiếc tàu trước khi đổ bộ để tìm đường về phương Bắc. Một vụ săn người ác liệt đã diễn ra sau đó, 13 cảm tử quân Bắc Hàn đã bị giết, một số khác bị bắt sống nhưng đám biệt kích tinh nhuệ Bắc Hàn này cũng đã hạ sát được 15 binh sĩ Nam Hàn. Sau

đó Nam Hàn phản ứng mạnh mẽ và các cuộc đàm phán giữa hai miền bị đình chỉ. Lần này Nam Hàn đã có một tổng thống mới và một chính sách mới đối với Bắc Hàn mà tân tổng thống Kim Đại Trọng gọi là "chính sách soi sáng Bắc Hàn" hoặc "hòa giải dân tộc".

Tổng thống Kim Đại Trọng không những không đình chỉ các cuộc thương thuyết giữa hai miền mà còn kêu gọi thế giới, đặc biệt là Hoa Kỳ, nên tỏ ra cảm thông với Bắc Hàn. Nam Hàn chỉ đòi hỏi Bắc Hàn "một lời giải thích chấp nhận được" và vẫn tiếp tục các cuộc thảo luận để thống nhất hai miền. Các cố gắng cứu trợ Bắc Hàn đang bị đổi nặng vẫn tiếp tục.

Đáp lời thiện chí của Kim Đại Trọng, đài phát thanh Bắc Hàn đã mạt sát Nam Hàn thậm tệ sau biến cố này, gọi tổng thống Kim Đại Trọng là "một tên bán nước tận xương tủy". Kim Đại Trọng vẫn bình tĩnh và khoan dung khuyến khích Bắc Hàn nên tiếp tục cải mở thêm. Theo các quan sát viên, Bắc Hàn tuy vẫn hung hăng trong ngôn ngữ nhưng đã tỏ ra biết điều rất nhiều trên thực tế. Nam Hàn ngày nay đã quá mạnh so với Bắc Hàn nên có thể tiếp tục tỏ ra hòa hoãn. Nam Hàn hiền lành với Bắc Hàn như con mèo đùa giỡn với con chuột trước khi ăn thịt.

Chủ nghĩa tư bản lại sập dây chết?

Tháng 6-1998 vừa qua, Bộ Chính Trị đảng cộng sản lại ra một chỉ thị tăng cường việc học tập chủ nghĩa Mác-Lênin tại các trường đại học và trung học. Chỉ thị này nhận định rằng việc bỏ rơi học tập chủ nghĩa Mác-Lênin đã là nguyên nhân đưa tới sự thối rữa của sinh viên học sinh và khiến cho sinh hoạt đảng trong giới trẻ bị suy yếu.

Sinh viên học sinh sẽ được học hỏi những gì? Rằng chủ nghĩa tư bản đang dây chết? Sự bần cùng hóa của giai cấp công nhân tại các nước tư bản phương Tây ngày càng tới mức độ gay gắt? Cảnh tranh giảo các nước tư bản sẽ tất yếu đưa tới chiến tranh hủy diệt? Chủ nghĩa Mác-Lênin là khuyễn hướng không thể đảo ngược được của thế giới?

Ngay năm 1986, nhiều trí thức cộng sản đã lên tiếng yêu cầu bỏ việc học chủ nghĩa Mác-Lênin tại các trường học vì "nhiều đoạn đọc lên rất buồn cười". Từ đó các giờ học tập chủ nghĩa được tổ chức qua loa cho có lệ, coi như một giờ nghỉ

ngơi giải trí.

Việc áp đặt lại học tập chủ nghĩa Mác-Lênin có thể là một quyết định dại dột. Sinh viên học sinh, mà ý thức chính trị đã chỏm nở, có thể nhân cơ hội này lố bịch hóa cả chủ nghĩa cộng sản lẫn đảng cộng sản Việt Nam.

Chuẩn bị đàm áp chính trị tại Hà Nội

Nhà cầm quyền cộng sản đang tìm cách đối phó với phong trào dân chủ đang lan rộng tại thủ đô. Sau khi các ông Trần Độ, Nguyễn Thành Giang, Hoàng Hữu Nhâm, Hoàng Minh Chính, Hoàng Tiến đưa ra những bài đóng góp, không khí chính trị đã thay đổi tại Hà Nội, điển hình là hai cựu chiến binh và thương binh Phạm Văn Sơn và Trần Dũng Tiến. Hà Nội đang lo sợ là phong trào dân chủ sẽ lan tới các thành phần quần chúng cơ bản. Một nguồn tin từ Hà Nội cho hay là chính quyền cộng sản đang dự định triệt hạ một số khuôn mặt quen biết để dấn mặt và chặn đứng sự phát triển của phong trào dân chủ. Không như ở Sài Gòn, người Hà Nội đều có liên hệ gắn bó của những người đã từng là đồng chí và còn quí mến nhau nên những gì công an Hà Nội sắp làm với ai các đương sự đều được thông báo trước. Các anh em dân chủ Hà Nội đều chắc chắn "họ sắp ra tay với chúng tôi", nhưng họ còn chắc chắn hơn là "chúng tôi sẽ đối đầu một cách rất bình thản".

Không biết những gì sẽ xảy ra. Nhưng điều có thể thấy rõ được là tình hình đã thay đổi. Tâm lý người Hà Nội không còn như trước nữa.

Sau ông Bảy Trần, đến lượt ông Hoàng Minh Chính bị trộm

Trộm Hà Nội cũng khờ khạo không kém trộm Sài Gòn. Các cụ già như Nguyễn Văn Trấn, Hoàng Minh Chính còn có của cải nào đáng giá mà chúng cũng viếng? Hai năm trước trộm Sài Gòn, nhân dịp cụ Bảy Trần (vừa mất ngày 1-5-1998, thọ 84 tuổi) đi tập dưỡng sinh, bẻ khóa xông vào nhà ăn trộm. Chúng đã chỉ lấy được vài trăm ngàn đồng bạc Việt Nam và một mớ tài liệu, trong đó có bản thảo cuốn sách viết về Phan Thanh Giản. Mới đây, trung tuần tháng 6, một băng trộm khác cũng lại thừa lúc ông bà Hoàng Minh Chính đi khám bệnh, bẻ khóa đột

THƯƠ SỰ...TÙM TỨC...THƯƠ SỰ...

nhập vào nhà.

Cũng giống như đồng nghiệp tại Sài Gòn, bọn trộm này chẳng lấy được gì quý báu của cặp vợ chồng già thanh bạch này, ngoài gần một trăm ngàn đồng tiền mặt (khoảng 8 USD), một chỉ vàng và một vài tài liệu cá nhân. Cũng như lũ trộm Sài Gòn ăn trộm nhà cụ Bảy Trấn, bọn trộm Hà Nội ăn trộm nhà cụ Hoàng Minh Chính tỏ ra không lành nghề, chúng xông vào nhà một cách lộ liễu, dùng kìm lớn cắt hai ổ khóa, lục lọi và bình tĩnh ra đi, không thèm để ý xem có con mồi nào nhìn mình không. May cho chúng là chúng đã không bị công an phát hiện và bắt giam. Các thân hữu của cụ Hoàng Minh Chính, cũng như các thân hữu của cụ Bảy Trấn trước đây, cho rằng đây là một bọn trộm rất đặc biệt, có thể hành nghề đàng hoàng và có cả văn hóa nữa cho nên mới thích ăn trộm những tài liệu cấm phô biến và không thể bán được. Ăn trộm đang trở thành một quốc sách để "giữ gìn trật tự an ninh".

Đại hội Công giáo Đức họp yêu cầu chính phủ Đức can thiệp cho các tù nhân chính trị tại Việt Nam và cứu xét nhân đạo các hồ sơ xin tị nạn

Tuần Đại Hội Công Giáo Đức đã nhóm họp từ 10 đến 14-6-1998 tại thành phố Mainz, miền Trung nước Đức. Đại hội năm nay nhóm họp nhân dịp kỷ niệm 150 năm Đại Hội Công giáo đầu tiên được nhóm họp tại Đức, đồng thời cũng để kỷ niệm cuộc Cách mạng Dân chủ Đức năm 1848 thành công, với những đòi hỏi về nhân quyền, dân quyền cũng như để xác định chỗ đứng của tín hữu Đức trong xã hội. Đại hội năm nay đã quy tụ trên 50.000 tín hữu Công giáo và Tin lành, với hàng ngàn buổi sinh hoạt, hội thảo và trao đổi. Khẩu hiệu của Đại Hội Công Giáo lần này, trích từ thư thứ nhất của thánh Phêrô (đoạn 3, dòng 15), là "Hãy làm chứng về niềm hy vọng của anh em".

Trong phần thảo luận, hai chủ đề được Đại Hội chú ý nhất là sự đoàn kết giữa hai đạo Công giáo và Tin Lành Đức và thỉnh nguyện thư kêu gọi hội nghị hỗ trợ hai yêu cầu: yêu cầu chính quyền Việt Nam trả tự do cho các tù nhân chính trị và yêu cầu chính phủ Cộng Hòa Liên Bang Đức cứu xét nhân đạo cho những người Việt Nam có lý do xin tị nạn tại Đức.

Sau đây là nguyên văn bức thư:

"Việt Nam là một trong bốn nước cộng sản cuối cùng trên thế giới - bên cạnh Trung Quốc, Bắc Hàn và Cuba - còn bám chặt vào chế độ cộng sản độc tài stalinít. Chính sách gọi là "mở cửa" được đưa ra vào cuối năm 1986 chỉ nhằm đến một phần nào một vài lĩnh vực kinh tế. Còn những quyền căn bản của con người về tự do và dân chủ như quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận, tự do hội họp, tự do tôn giáo thì vẫn triệt để bị trói chặt, mặc dầu hiến pháp vẫn đề cao nói đến. Mỗi một suy nghĩ có tính phê phán, mỗi một ý kiến có phần khác biệt đều bị coi là phản động, làm xáo trộn trật tự, nhầm lật đổ nhà nước, làm tay sai gián điệp cho ngoại bang. Người dân có những suy nghĩ trưởng thành như thế đều bị hạch hỏi, bắt bớ, quản chế, tra tấn, tống ngục, đi giam cải tạo, mà thường không hề có án xét xử. Nhà nước tuyên bố không hề có tù nhân chính trị. Sự thực thì hiện có trên một vạn người còn bị giam cầm trong các nhà tù và các trại cải tạo từ Bắc chí Nam, chỉ vì họ có ý kiến xã hội, chính trị và tôn giáo khác biệt. Đó là chưa nói đến cái nhà tù khổng lồ cả nước với 80 triệu con người bị giam hãm và tước đoạt hết các quyền tự do căn bản của con người và để làm người. Trước tình trạng đó, ban thỉnh nguyện kêu gọi thực hiện hai yêu cầu sau đây:

1. Yêu cầu trả tự do cho tù nhân chính trị ở Việt Nam.

Đồng ý với đề nghị của Nghĩa Hội Đoàn Việt Hoạt (Association Vietnam Libertés - Fondation Doan Viet Hoat) tại Pháp (địa chỉ 11 Mail Le Corbusier, 77185 Lognes, France), chúng tôi đưa ra một danh sách tượng trưng 10 tù nhân chính trị từng được thế giới biết đến để kêu gọi chính phủ CHLB Đức can thiệp với nhà nước Việt Nam yêu cầu trả tự do cho mọi tù nhân lương tâm: 1. Hòa thượng Thích Huyền Quang, quyền tăng thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, bị bắt năm 1976; 2. Hòa thượng Thích Quảng Độ, tổng thư ký Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, bị bắt năm 1976; 3. Giáo sư Đoàn Viết Hoạt, bị bắt năm 1976; 4. Bác sĩ Nguyễn Dan Quế, bị bắt năm 1976; 5. Linh mục tu sĩ Đinh Viết Hiền, bị bắt năm 1985; 6. Linh mục tu sĩ Nguyễn Văn Thìn, bị bắt năm 1985; 7. Sư huynh Mai Đức Chương, bị bắt năm 1985; 8. Sư huynh Vũ Thành Đạt, bị bắt năm 1985; 9. Sư huynh Nguyễn Châu Đạt, bị bắt năm 1985 và 10. Sư huynh Nguyễn Thiên Phụng, bị bắt năm 1985.

2. Yêu cầu giải quyết nhân đạo cho một số người Việt Nam tị nạn chính trị ở CHLB Đức.

Từ khi bức tường Bá Linh sụp đổ năm 1989 đã có hàng chục ngàn người Việt Nam từ Đông Đức và các nước Đông Âu đến CHLB Đức xin tị nạn chính trị. Ngày 21-7-1995, chính quyền hai nước CHLB Đức và Việt Nam đã ký một hiệp ước quyết định lần lượt đưa 40.000 người Việt Nam xin tị nạn về nước.

Nay xét vì chính sách độc tài đàn áp của nhà nước Việt Nam vẫn thường xuyên thực thi đối với bất cứ một suy nghĩ nào có tính phê phán hoặc một ý kiến nào có phần khác biệt, đằng khác xét vì một số người Việt Nam xin tị nạn đã thành công trong việc hội nhập vào xã hội Đức, chúng tôi kêu gọi chính phủ CHLB Đức giải quyết nhân đạo hai yêu cầu:

- Tạm dung (Duldung) cho những người xin tị nạn đã có hoạt động chính trị, nếu trở về nước họ sẽ gặp nhiều khó khăn: bị khống chế, bắt bớ hay giam cầm;

- Quyền cư trú vì lý do nhân đạo cho những người xin tị nạn không vi phạm pháp luật, đã có nhà ở, có công ăn việc làm từ trên 5 năm nay, không nhờ và hay liên lụy đến quỹ xã hội, nghĩa là đã có cuộc sống ổn định và hội nhập hoàn toàn vào xã hội sở tại".

Đỗ võ trầm trọng trong Đảng Đại Việt

Trong hai ngày 23 và 24-5-1998, Đại Việt Quốc Dân Đảng, thường được gọi tắt là Đại Việt dù có nhiều đảng khác cũng có tên bắt đầu bằng hai chữ Đại Việt, đã họp đại hội ban chấp hành trung ương tại San José, Bắc California, Hoa Kỳ.

Đại hội, gồm 23 người tham dự, đã tranh cãi rất gay gắt và chiều ngày 24-5, sau khi một số đã ra về, bác sĩ Nguyễn Tôn Hoàn đã thành lập một Hội Đồng Kỷ Luật Đặc Biệt. Hội đồng này ngày sau đó đã ra quyết định khai trừ bốn ông: Nguyễn Văn Lý, chủ tịch Ủy Ban Giám Sát Trung Ương và Hội Đồng Kỷ Luật Trung Ương; Trương Nguyên, tức Trương Tử Thiện, phó chủ tịch đảng; Nguyễn Hồng Linh, phụ tá chủ tịch kiêm tổng ủy viên nghiên cứu và kế hoạch; Trương Tử Minh, thành ủy viên Los Angeles.

Ngay sau đó, ngày 26-5, ông Nguyễn Văn Lý phản công. Lấy tư cách chủ tịch Ủy Ban Giám Sát kiêm chủ tịch Hội Đồng Kỷ Luật Trung Ương, ông Lý ra tuyên cáo

THỜI SỰ...TÌM TỨC...THỜI SỰ...

ngưng chức chủ tịch của ông Nguyễn Tôn Hoàn và đưa ông Hoàn ra Hội Đồng Kỷ Luật.

Ngày 2-6, cả bốn vị bị ông Hoàn khai trừ họp với 11 đảng viên cao cấp khác ra quyết nghị truất phế và khai trừ ông Nguyễn Tôn Hoàn.

Cả hai phe đã phổ biến tuyên cáo, quyết nghị của mình và trả lời nhiều cuộc phỏng vấn nhưng không bên nào thuyết phục được người ngoài cuộc về tính "hợp đảng qui" của những đại hội và những quyết định khai trừ lẫn nhau.

Đây là một trường hợp điển hình lấy đảng qui làm lý có để thanh toán nhau vì những xung khắc gay gắt đã có từ lâu.

Lý do chính thức đưa đến tranh cãi gay gắt và đỗ võ trong đại hội ngày 23 và 24-5 tại San José là một thư mật của bác sĩ Nguyễn Tôn Hoàn, chủ tịch Đại Việt Quốc Dân Đảng, gửi các đảng viên lãnh đạo. Trong thư mật này, ông Nguyễn Tôn Hoàn nhận định rằng trước những khó khăn chồng chất đảng cộng sản Việt Nam có thể sẽ phải nhượng bộ, chấp nhận bỏ Điều 4 của Hiến pháp, chấp nhận đa đảng. Ông Hoàn yêu cầu các đảng viên lãnh đạo suy nghĩ xem trong trường hợp này Đại Việt Quốc Dân Đảng phải ứng xử ra sao.

Một cách khách quan, thư mật này chỉ là một việc làm bình thường nằm trong trách nhiệm của một đảng trưởng. Nhưng những người vốn chống đối ông Hoàn từ trước đã dựa vào thư mật này để lên án ông Hoàn có chủ trương hợp tác với cộng sản, mặc dù lập luận cũng như ngôn từ của lá thư mật rất cứng rắn với đảng cộng sản.

Chương trình đào tạo Cử Nhân Khoa Học Tài Năng của trường Đại Học Khoa Học Tự Nhiên Hà Nội

Chương trình đào tạo này có chức năng tuyển chọn các học sinh xuất sắc, có năng khiếu, có phẩm chất và hoài bão để bồi dưỡng đào tạo thành các nhân tài khoa học và công nghệ. Mục tiêu chính là thu hút học sinh, sinh viên giỏi vào học các ngành khoa học cơ bản đang bị hụt hụt cả về số lượng và chất lượng.

Đối tượng tuyển chọn là các học sinh đoạt giải Olympic quốc tế hoặc giải nhất trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia về một trong bốn môn : Toán học, Tin học, Vật lý, Hóa học. Các học sinh này được tuyển thẳng. Ngoài ra, các học sinh đủ điều kiện vào thẳng các trường Đại học và

những học sinh giỏi chuyên toán, lý, hóa, tin học của các tỉnh, thành phố v.v... thi đỗ vào Đại học, sẽ được tuyển chọn qua một cuộc phỏng vấn.

Quyền lợi của các sinh viên theo học lớp CNKHTN :

1. Được miễn phí và được cấp học bổng cao (trung bình 200.000 đ/tháng).
2. Được cung cấp và sử dụng miễn phí các tài liệu, phương tiện, trang thiết bị, học tập, nghiên cứu hiện đại của trường. Những sinh viên ở tỉnh xa được ở trong điều kiện tốt và miễn phí.
3. Được các nhà khoa học đầu ngành, các GS, TS trực tiếp giảng dạy theo chương trình nâng cao và hướng dẫn nghiên cứu khoa học.
4. Khi tốt nghiệp được cấp bằng Cử Nhân Khoa Học loại đặc biệt, được ưu tiên xét chuyển tiếp cao học hoặc nghiên cứu sinh, chọn cử đi nghiên cứu và học tập nước ngoài.....

Nhu cầu của chương trình CNKHTN :

1. Tài trợ tài chánh tích cực để gia tăng điều kiện học hỏi, dạy dỗ và mức sống của sinh viên và giáo sư.
2. Xây bốn phòng học cho những sinh viên tương lai (40 sinh viên sẽ được tuyển chọn hàng năm)
3. Xây dựng phòng thí nghiệm và trang thiết bị cho các ngành Vật lý, Hóa học, Địa chất và Sinh học.
4. Máy điện toán.
5. Cấp phương tiện, học bổng du học ngoại quốc.

Chủ nhiệm chương trình :

GSTS Đào Trọng Thi.

Địa chỉ liên lạc :

Trường Đại Học Khoa Học Tự Nhiên ,
90 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại Văn phòng Ban điều hành:
(84.4) 8.587.425

Trường ĐHKHTN : (84.4)8.584.615

Fax : 8.583.061

Tài khoản:931-01-006 Kho bạc Đống Đa

Đặc phái viên về nhân quyền của Liên Hiệp Quốc tới Việt Nam

Theo tin của hãng Reuters thì ông Abdelfattah Amor, thuyền trưởng đặc biệt của Liên Hiệp Quốc về bất đồng tôn giáo sẽ tới Việt Nam. Tin này đã được Việt Nam xác nhận qua tiếng nói của

người phát ngôn bộ ngoại giao đồng thời cũng được minh định rằng đó là một cuộc viếng thăm thiện chí không phải để thi hành một nhiệm vụ nào do Cao ủy Nhân quyền giao phó.

Người ta được biết thêm rằng ông Abdelfattah Amor dự tính sẽ đến Việt Nam vào tháng 10 năm nay.

Cả hai phía LHQ cũng như nhà cầm quyền Việt Nam đều không nói rõ là có phải Việt Nam đã chỉ chấp nhận cho đặc phái viên của Liên Hiệp Quốc đến Việt Nam với điều kiện không có nhiệm vụ chính thức điều tra. Nhưng người ta suy đoán rằng đã có những khó khăn về mặt đó vì ông Abdelfattah Amor đã yêu cầu được tới Việt Nam từ ba năm trước đây. Phải đợi mãi cho đến nay phía Việt Nam mới có quyết định và đã loan báo một cách mơ hồ quyết định ấy.

Một nhà ngoại giao phương Tây ở Hà Nội nhận định rằng muốn cho cuộc viếng thăm Việt Nam của đặc phái viên LHQ đạt được thành quả thì cần phải có đối thoại giữa hai bên và khó khăn cần khắc phục là phải nắm vững vấn đề những hạn chế đối với quyền tự do hành động của những tổ chức tôn giáo không được Nhà Nước công nhận. Ngoài ra cũng không thể bỏ qua trường hợp nhiều tu sĩ Công giáo và Phật giáo hiện đang bị giam giữ.

Từ rất nhiều năm qua, dư luận ở trong nước cũng như ở ngoài nước đã tố cáo mạnh mẽ những hành động đàn áp tôn giáo của nhà cầm quyền cộng sản. Ông Lê Khả Phiêu, tổng bí thư mới của đảng cộng sản Việt Nam đã phải hơn một lần lên tiếng về vấn đề này. Tuy nhiên nhận rằng trong hàng ngũ đảng viên đã có những hiện tượng không quán triệt được vấn đề tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo nhưng tướng Phiêu lại vẫn bảo vệ biện pháp phải có những hạn chế quyền tự do này vì nhu cầu an ninh, quốc phòng.

Hiển nhiên là lối nói nước đôi này không làm cho các tổ chức tôn giáo dân lập hài lòng và tình trạng căng thẳng giữa hai bên ngày càng trở nên nghiêm trọng.

Có lẽ đó cũng là một lý do để đặc phái viên về nhân quyền của Liên Hiệp Quốc tới Việt Nam.

THỐI SỰ... TÙM TÚC... THỐI SỰ...

Tướng Trần Độ lại lên tiếng đòi dân chủ

Ngày 20 tháng 6 vừa qua, tướng hối hả Trần Độ đã gửi một bức thư ngỏ cho các báo của Đảng dài 12 trang để trả lời “đợt công kích phê phán Trần Độ” mở ra trên các báo này trong thời gian tháng 3 và tháng 4, 1998. Các báo ấy là những tờ *Nhân Dân, Quân đội Nhân dân, Sài Gòn Giải phóng, Tạp chí Cộng Sản và một số báo khác*.

Dĩ nhiên là các báo này không đăng bức thư mới này của tướng Trần Độ. Nhưng không biết do đâu mà đặc phái viên của hãng Reuters ở Hà Nội có được một bản sao bức thư ấy. Và ngày 29-6-98 từ Hà Nội, ký giả Andy Solomon của Reuters tóm lược trong một tin điện và phổ biến nội dung tóm lược bức thư của tướng Trần Độ.

Được biết thư ngỏ ngày 20-6-98 của tướng Trần Độ gồm có 5 đoạn, không kể lời mở đầu. Tướng Trần Độ cho biết rằng các báo của Đảng trong hai tháng 3 và 4 vừa qua, đã đăng khoảng 30 bài nhằm công kích việc làm chính đáng của ông. Căn cứ vào Luật Báo chí, Tuyên ngôn Nhân Quyền của LHQ, Điều lệ của ĐCSVN và Hiến pháp CHXHCNVN, ông quyết định sử dụng những quyền ấy dưới hình thức thư ngỏ.

Trong đoạn 1, tướng Trần Độ nêu lên rằng phần lớn các bài của báo Đảng nói là để “bảo vệ đường lối của Đảng” đều đã nêu gương rất xấu về một việc làm không tử tế, coi những ý kiến cần phê phán đều là của kẻ địch, của kẻ thù của CNXH và của Đảng CSVN. Ông khẳng định đợt công kích này của báo Đảng là “một cuộc chiến tranh tâm lý hòng giết chết sinh mạng chính trị của tôi”.

Đoạn 2, tướng Trần Độ dùng để vạch trần thủ đoạn ném đá dấu tay của Đảng dùng bút hiệu “Hoài Việt” ở California để “chế biến” ra nhiều bài đả kích ông và cho đăng trên nhiều báo ở trong nước.

Trong đoạn 3 người ta đọc thấy những lý lẽ đanh thép của tướng Trần Độ bác bỏ những lời chỉ trích của Đảng theo đó những ý kiến của ông “không đúng với đường lối của Đảng thể hiện ở các Cương lĩnh và Nghị quyết Đại hội nên không chấp nhận được”. Ông bác bỏ các ý kiến cho rằng ông không chịu đọc các Nghị quyết của Đảng. Ông chống lại luận điệu cho rằng “Độc lập dân tộc phải thống nhất với CNXH, chỉ có yêu CNXH, trung thành với CNXH mới là yêu nước ...”. Rồi ông bàn về “định hướng XHCN” và về lời khẳng định “nhân dân ta đã chọn CNXH”. Ông kết luận “Ta cần đất nước phát triển có đầy đủ cơm áo, tự do, hạnh phúc tức là dân chủ dù không có cái định hướng XHCN, hay là ta cần một đất nước có nói XHCN, còn nghèo đói như cuối những năm 70 và đầu những năm 80 ? Phải chọn đi chừ. Tôi thì tôi chọn nước Việt Nam “nhân dân được ấm no tự do hạnh phúc” có XHCN cũng được mà không có cũng được...”.

Nói về việc bị quy chụp là chống lại các Nghị quyết của Đảng, ông Trần Độ quả quyết không chống mà chỉ đòi hỏi nghị quyết sau phải khác và hơn những nghị quyết của các đại hội trước. Dẫn chứng: nghị quyết VI khác và hơn tất cả các nghị quyết trước đó mới cứu nguy được cho đất nước, như vậy mới là tiến bộ.

Đoạn 4 dành cho việc tranh luận về vấn đề “đổi mới chính trị và đổi mới Đảng”. Nêu lên câu hỏi “Ta có cần đổi mới chính trị không ?” ông đã trả lời “có” với cách nói khá đặc biệt “Tôi đổi ai dám trả lời không !”. Ông đòi hỏi “phải bắt đầu ngay việc đổi mới chính trị, không thể nại lý do sợ bị lợi dụng, dân trí thấp : Sợ dân chủ chính là sợ dân. Một chế độ mà sợ dân không thể là chế độ mạnh. Mọi luận điệu sợ dân lợi dụng dân chủ là luận điệu phản tiến bộ” và hẹn trong tương lai sẽ phát biểu kỹ hơn về vấn đề này.

Trong đoạn chót, đoạn 5, tướng Trần Độ nêu lên ba căn bệnh của bộ máy công tác tư tưởng của Đảng.

1. “Bệnh quy-chụp”. Theo ông thì

trước kia trong chiến tranh phải phân biệt rõ địch/tá, phân tích kẻ địch, phân tích những sự phát triển biến động của kẻ địch, phân tích mạnh yếu, phân tích âm mưu thủ đoạn của địch. Ông viết: “Thế là bây giờ, điều đó thành thói quen của một số người. Do cứ cố phân tích về địch cho nên cố tìm chứng lý, không có chứng lý thì phải tạo ra và thế là muốn quy chụp được địch cho ra địch thì phải vụ cáo, phải xuyên tạc.”

2. “Bệnh nói lấy được”. Thí dụ : “Độc lập phải thống nhất với CNXH” và “Nhân dân ta đã chọn CNXH”. Biểu hiện là : thích nói đao to búa lớn; thích suy luận các thứ ý nghĩa đi tới cao nhất là thấy kẻ địch; thích dùng chữ, có chữ nào hay xuất hiện ta dùng tới không cần biết nội dung cụ thể của nó. Công kích một kiểu nói lấy được : *Dân biết, dân bàn, dân làm dân kiểm tra*. Ông Trần Độ nhận định : công tác tư tưởng là một nhánh quyền lực lớn trong xã hội về chuyên chế về tư tưởng, thực hiện tư tưởng trị (...), cấm đoán xã hội không được có một ý kiến khác lạ nào. Lại có thêm cơ quan A 25 của Bộ Công An để định giá trị văn học nghệ thuật.

3. “Bệnh cá vú lấp miệng em”. Độc thoại, nói một mình, nói không cho ai cãi ... ở đời này chỉ có một chân lý duy nhất đúng là của cơ quan tư tưởng. Căn bệnh này có nguồn gốc từ thời có chính huấn kiểu Mao những năm 1950.

Tướng Trần Độ đã trích dẫn Hà Sĩ Phu để chấm dứt Thư Ngỏ của mình bằng sự nhận định rằng công tác tư tưởng với các căn bệnh của nó nằm trong hệ thống chuyên chính có tác hại là tạo cho xã hội ta một cơn khủng hoảng phẩm cách. Tướng Trần Độ hẹn sẽ bàn tiếp về đổi mới chính trị và đổi mới Đảng.

Ghi thêm :

- HỘI NGHỊ TƯ TUỔNG-VĂN HOÁ TOÀN QUỐC họp tại Hà Nội ngày 2 tháng 3, 1998. Ông Lê Khả Phiêu có bài phát biểu nhan đề: “Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng toàn diện công tác tư tưởng-văn hóa trong tình hình mới”.

Hội thảo Frankfurt 1998

Nguyễn Văn Huy

Trong hai ngày thứ bảy và chủ nhật 6-7 tháng 6-1998, 57 người thuộc gần hai mươi tổ chức từ Hoa Kỳ và các nước Châu Âu đã qui tụ về thành phố Frankfurt am Main, Cộng Hòa Liên Bang Đức, tham dự buổi Hội Thảo Dân Chủ Frankfurt 1998.

Phần lớn các đại biểu đã đến từ chiều thứ sáu 5 tháng 6 và được ban tổ chức phối trí nơi ăn chốn ở một cách chu đáo. Thành phần đại biểu gồm nhiều nhân sĩ và thành viên của các hội đoàn có cơ sở tại Đức như Tổ Chức Phục Hưng, Liên Minh Dân Chủ Việt Nam, Thông Luận, Thiện Chí, Hiệp Hội Dân Chủ và Phát Triển Việt Nam, Cánh Én, Cơ Sở Liên Kết Người Việt Đông Âu, Hội Nghiên Cứu và Truyền Bá các Vấn Đề về Dân Chủ, Thông Điệp Xanh...

Ban tổ chức gồm 11 người do hai ông Lâm Đăng Châu, thuộc Hiệp Hội Dân Chủ và Phát Triển, và Nguyễn Thanh Lương, thuộc nhóm Thông Luận tại Đức, đại diện. Nơi hội họp là nhà ESG, số 2 đường Lessingstrasse, một khu vực nằm cạnh trung tâm thành phố Frankfurt.

Hội luận chính trị trong những năm gần đây là một sinh hoạt gần như bình thường của những tổ chức đấu tranh dân chủ cho Việt Nam tại Đức. Mục đích của những buổi thảo luận này, một mặt nhằm đào sâu các khía cạnh của dân chủ và nhân quyền cùng những ảnh hưởng của nó đối với Việt Nam, mặt khác tạo cơ hội gặp gỡ giữa những người trước kia ở hai phía đối nghịch nay cùng chia sẻ một lý tưởng xây dựng một nước Việt Nam tự do và dân chủ. Chính vì ước muốn tìm kiếm một đồng thuận giữa hai khối người khác biệt nhau trong quá khứ, nhiều tổ chức đấu tranh chính trị ngoài nước Đức thường được mời đến đây trình giải lập trường.

Cũng nên biết là tại Đức, sau khi bức tường Bá Linh sụp đổ năm 1989, rất nhiều người Việt từ các nước Đông Âu cũ đã đến đây xin tị nạn. Một phần không đáng kể đã được chính quyền Đức cho hưởng qui chế tị nạn nhưng phần lớn còn lại (khoảng 40.000 người) đang sống những ngày bấp bênh, có thể bị trực xuất về Việt Nam bất cứ lúc nào. Để được chấp nhận kéo dài thời gian tạm trú, những người chưa hội đủ điều kiện để được tị nạn phải chứng minh với cơ quan cứu xét hồ sơ tư cách đối lập của mình đối với nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam. Những sinh hoạt chính trị thường là dịp để những người đang xin

hưởng qui chế tị nạn tìm đến tham dự. Có những người đến vì nhiệt tâm muốn tranh đấu cho tự do dân chủ, nhưng cũng có những người đến vì cần những bằng cớ mới để bồi túc hồ sơ xin tị nạn, nhiều cuộc xuống đường rầm rộ đã diễn ra trong những năm 1990-1997. Với thời gian việc cứu xét đơn xin tị nạn không tiến triển, phong trào xuống đường xep xuống, chỉ còn lại những cuộc hội luận, hội thảo chính trị nghiêm túc. Nhiều người xin tị nạn nhận thấy việc tham gia vào những phong trào tranh đấu chính trị không mang lại hiệu quả đã rút chân khỏi những tổ chức chính trị, thay tham gia các sinh hoạt đấu tranh cho dân chủ. Hai cộng đồng người Việt tại Đức, đến trước và đến sau ngày bức tường Bá Linh sụp đổ, dần dần xa cách nhau.

Mặc dù vậy, tình trạng này không cấm cản những người quyết tâm xây dựng một nước Việt Nam dân chủ liên lạc và trao đổi với nhau về giấc mơ chung đó. Buổi Hội Thảo Frankfurt 1998 lần này phản ánh một sinh hoạt chính trị mới, nó chỉ qui tụ những gương mặt dân chủ chân chính. Người ta có thể kể các ông Trần Văn Sơn (Hoa Kỳ), Nguyễn Gia Kiêng, Trần Ngọc Sơn, Bùi Tín, Vũ Thư Hiên, Nguyễn Văn Trần (Pháp), Lâm Đăng Châu, Lưu Hồng Khanh, Nguyễn Thanh Lương, Nguyễn Văn Tân, Phạm Việt Vinh, Yên Phong, Trần Huê (Đức), Nguyễn Đức Giang (Đan Mạch) v.v... Bên cạnh đó là một số những hội đoàn tranh đấu có cơ sở tại Đức như Hội Nghiên Cứu và Truyền Bá các Vấn Đề Dân Chủ, Hiệp Hội Dân Chủ và Phát Triển Việt Nam, nhóm Thiện Chí, hội Văn Hóa Tuổi Trẻ và Tương Lai, Trung Tâm Nhân Quyền Đức, Thông Luận, v.v... Hoàn toàn không còn những người đến với mục đích "chụp hình kỷ niệm để lập hồ sơ".

Chủ đề của cuộc hội thảo chính trị Frankfurt 1998 lần này tập trung vào ba đề tài: nhận diện dân chủ, cộng đồng người Việt Đông Âu và ảnh hưởng cuộc khủng hoảng kinh tế tài chánh tại Đông Nam Á đối với Việt Nam. Mỗi đề tài được trình bày và thảo luận trong một buổi, mỗi buổi có một chủ tọa đoàn hai người và hai thuyết trình viên, thời gian còn lại dành cho phần thảo luận. Tuổi trung bình của các tham dự viên là 30-40 tuổi, đa số là những thanh niên đến từ Đông Âu cũ. Trình độ thảo luận khá cao, các cuộc tranh

luận đôi khi mang nặng tính kỹ thuật.

Sáng ngày 6/6/1998, ông Nguyễn Gia Kiêng, thuộc nhóm Thông Luận Paris, mở đầu cuộc thảo luận với chủ đề: "Nhận diện dân chủ". Với một thời gian tương đối ngắn, ông Kiêng đã giải thích một cách mạch lạc nội dung súc tích của dân chủ. Theo ông, dân chủ cần thiết cho phát triển và phải đi trước mọi cải tổ kinh tế, nó không thể thiếu nếu muốn bài trừ tham nhũng, v.v... Dân chủ là phương thức sinh hoạt cần thiết để các vấn đề quốc gia được đặt ra và thảo luận một cách đúng đắn và những người trách nhiệm được lựa chọn một cách đúng đắn. Dân chủ không những không dẫn tới hỗn loạn mà còn tạo ra ổn định.

Bài phát biểu của ông đã được nhiệt liệt ủng hộ khi ông nói: "Tự nó dân chủ không giải quyết một vấn đề nào cả nhưng nếu không có dân chủ thì không có vấn đề nào có thể giải quyết một cách đúng đắn. [...] Dân chủ tối cần thiết cho phát triển kinh tế, dân chủ càng cao khả năng phát triển càng cao. [...] Dân chủ không đem cơm áo và hạnh phúc để phát không, dân chủ không bối thí, nó tạo ra những con người tự do và trách nhiệm, làm chủ đời mình". Ông Kiêng cũng phản bác lập luận của chính quyền cộng sản Việt Nam, theo đó lập luận "cứ tập trung phát triển kinh tế đi, rồi chính phát triển sẽ đem tới dân chủ". Ông nói rằng lập luận này rất nguy hiểm vì các thay đổi chính trị do áp lực kinh tế thường gây nhiều đỗ vỡ cho đất nước và thường rất thảm khốc cho giới cầm quyền, cuộc cách mạng Pháp năm 1789 hay của Cromwell tại Anh vào thế kỷ 17 là những thí dụ điển hình. Nếu những người cầm quyền cộng sản Việt Nam sáng suốt thì phải để cho cải tổ chính trị đi trước cải tổ kinh tế, nếu không chính họ sẽ là nạn nhân.

Về ổn định, ông Nguyễn Gia Kiêng phân biệt hai loại ổn định. Một là ổn định của xã hội dân sự với luật pháp công minh và ổn vững cho phép người dân dự liệu tương lai mà ông cho là rất cần thiết cho phát triển. Hai là ổn định của người cầm quyền, nghĩa là phe nhóm cầm quyền không thay đổi trong nhiều năm mà ông cho là không những không cần thiết mà còn có hại cho phát triển kinh tế. Về điểm hai này, ông Kiêng đưa ra những bằng chứng cụ thể: các nước Châu Phi, Châu Á và Châu Mỹ la-tinh (trừ trường hợp

Singapore chỉ là một quốc gia thành phố) với các chính quyền kéo dài vài thập niên đều rất nghèo nàn và lạc hậu, trong khi các quốc gia dân chủ có chính quyền thay đổi liên tục như tại Nhật và Ý không những không suy sụp mà còn phát triển đều đặn và trở thành những cường quốc giàu có.

Trong phần thảo luận, các tham dự viên yêu cầu ông Kiêng đào sâu thêm khái niệm dân chủ đa nguyên. Ngoài hai tính chất cố định của mọi chế độ dân chủ là tính đại diện (représentatif) và tính tham gia (participant) mà ông Bùi Tín nêu ra trong hội nghị, ông Kiêng đưa ra thêm ba đặc tính khác là tinh thần liên đới xã hội, sự tôn trọng các sắc dân thiểu số và xã hội không có tư tưởng chính thức (tức không suy tôn một chủ nghĩa và một tôn giáo nào). Theo ông Kiêng, chế độ nào hội đủ năm đặc tính đó có thể được coi là chế độ dân chủ đa nguyên.

Ông Vũ Thư Hiên, tác giả "Đêm Giữa Ban Ngày" rất được ưa chuộng tại hải ngoại, cũng phát biểu trong chiều hướng này, ông cũng phản bác cái gọi là "các giá trị của Châu Á". Ông Hiên coi dân chủ và nhân quyền như là những giá trị phổ cập của loài người và quý báu cho mọi dân tộc.

Những bài tham luận tiếp theo: "Quốc nạn tham nhũng tại Việt Nam" do ông Trần Huê dân nhập, "Người Việt Đông Âu với dân chủ hóa Việt Nam" do ông Phan Thanh Hòa thuyết trình, "Vài nét về cộng đồng người Việt Nam tại Đức" do Nguyễn Nguyên Thanh đọc, đã được cù tọa tranh luận sôi nổi.

Nhà báo lão thành Bùi Tín phát biểu rằng những tin tức mà ông nhận được từ thân hữu trong nước cho hay đảng cộng sản Việt Nam đang đứng trước những bế tắc lớn, hầu như không có giải đáp. Ông Tín cho biết một giai cấp trung lưu đã xuất hiện từ vài năm qua, độc lập với đảng và càng ngày càng thách thức đối với đảng. Điều làm ông lắc quan nhất là sinh viên, thanh niên đã bắt đầu thức tỉnh. Ông Bùi Tín cho rằng đã đến lúc các lực lượng dân chủ Việt Nam phải kết hợp lại trên tinh thần thật bao dung, thật đa nguyên, thật sự hòa giải và hòa hợp dân tộc.

Sau bữa ăn tối là phần văn nghệ. Các tham dự viên được dịp nghe cặp song ca Lê Nam Sơn - Phạm Văn Mài trình diễn nhiều bài ca bất hủ. Cũng nên biết cặp song ca Lê Nam Sơn - Phạm Văn Mài, trước kia thuộc hai đơn vị thiện chiến nhất, đã dung độ lẫn nhau tại Cố Thành Quảng Trị năm 1972. Lê Nam Sơn là thiếu úy thuộc Lữ Đoàn 147 Thủy Quân

Lực Chiến, một trong hai đơn vị thiện chiến nhất của quân lực Việt Nam Cộng Hòa, Phạm Văn Mài là hạ sĩ quan trinh sát thuộc Trung Đoàn 3, Sư Đoàn 304 của miền Bắc, một đơn vị tinh nhuệ đã từng nổi tiếng tại Điện Biên Phủ và trên chiến trường miền Trung sau này, trung đoàn của Mài là đơn vị đầu tiên ủi sập cổng Dinh Độc Lập ngày 30-4-1975. Hai anh hiên nay trở thành hai người bạn thân thiết, thường cùng nhau đi trình diễn văn nghệ thể hiện tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc trong các cuộc gặp gỡ thân mật. Cả hai là thành viên Thông Luận tại Đức. Một gặp gỡ hi hữu khác là Phạm Văn Mài đã gặp Lê Mạnh Tường, thành viên Thông Luận Paris, cũng có mặt trong buổi hội luận. Lê Mạnh Tường, sĩ quan Tiểu Đoàn 6 Sư Đoàn Dù, cũng đã từng dung độ với Sư Đoàn 304 của Phạm Văn Mài năm 1974 trên đồi 1062, phía Tây Quảng Nam. Trong đêm họp mặt này, các anh đã trao đổi với nhau những cảm nghĩ đầy xúc động về cuộc chiến đã qua.

Sáng ngày 7-6-1998, ông Trần Văn Sơn phân tích tỉ mỉ cuộc khủng hoảng kinh tế tại Đông Nam Á và coi mọi nguyên nhân đều chỉ xuất phát từ thiếu dân chủ. Ông Sơn dành nhiều thời giờ phân tích bản báo cáo của phó thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng và đi đến kết luận là đảng cộng sản Việt Nam chưa thấu hiểu hay chưa nhìn sự thật. Theo ông Trần Văn Sơn, Việt Nam đang đứng trước nguy cơ khủng hoảng lớn và rất cần sự trợ giúp của quốc tế, đặc biệt là Hoa Kỳ, nhưng đảng cộng sản Việt Nam có chấp nhận không và Hoa Kỳ có chấp nhận không còn là những dấu hỏi lớn. Theo ông, một sự tham gia tích cực hơn của Hoa Kỳ sẽ có lợi cho tiến trình dân chủ hóa Việt Nam.

Bài nói của ông Hồ Huy, một thành viên trẻ đến từ Đông Âu, bỗng đề tài "ảnh hưởng cuộc khủng hoảng kinh tế đối với Việt Nam" trên bình diện lý thuyết.

Chấm dứt cuộc hội thảo, trưa 7-6-1998, ông Lâm Đăng Châu thay mặt ban tổ chức đón nhận mọi nhận xét, phê bình của các hội thảo viên và hứa cố gắng cải thiện trong kỳ hội thảo chính trị sắp tới tổ chức vào 1999. Mọi người hy vọng từ đó tình hình Việt Nam đã sáng tỏ, thuận lợi cho phong trào dân chủ.

Hội thảo Frankfurt 1998 đã diễn ra trong bầu không khí thân mật và cởi mở, cảm tưởng của mọi người đây là một thí dụ điển hình cho tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc. Mọi người ra về trong sự quyết luyến.

Nguyễn Văn Huy tường thuật

Mục lục

1. Chính quyền CSVN nhượng bộ trước áp lực của thế giới?

Thông Luận

2. Yen, yuan và đô la Mỹ

Huỳnh Hùng

3. Một vòng quanh Châu Á

Nguyễn Phi Phụng

6. Từ mù được mài ư?

Bùi Tín

9. Muốn thấy thiên đàng XHCN, phải đến Canada, đừng đến Cuba

Tôn Thất Thiện

11. Dân chủ sẽ thắng!

Trần Ngọc Sơn

13. Vung vè hay hồn xương?

Trần Dũng Tiến

15. Luật pháp bảo vệ tự do của nhân dân

Nguyễn Thanh Giang

18. Những vấn đề kinh tế trước mắt và phương cách giải quyết

Nguyễn Ngọc Hiệp

22. Quyền làm người

Võ Xuân Minh

24. Thư độc giả

25. Đọc sách...

Nguyễn Gia Kiêng

27. Tin tức thời sự

31. Hội thảo Frankfurt 1998

Nguyễn Văn Huy

Kêu gọi

Nhiều độc giả và thân hữu vì không để ý đã quên gia hạn mua báo đúng lúc khiến cho thu nhập của tờ báo có phần sút giảm trong khi mọi chi phí phát hành đều tăng. Chúng tôi mong quý vị lưu ý gia hạn và giúp Thông Luận thêm độc giả mới.

Những khoản tiền để bù lỗ cho tờ báo có thể được sử dụng hữu ích hơn nhiều cho cố gắng yểm trợ phong trào dân chủ trong nước.

Xin cảm ơn.

Ban biên tập